**CHƯƠNG II : ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

**Câu 1:**  **Trình bày nội dung bản Luận cương chính trị của Đảng (10 - 1930). Hãy nêu hạn chế của bản Luận cương so với bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.**

**Câu 2:**  **Trình bày chủ trương đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ của Đảng và nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. ( 7-1936).**

**Câu 3:**  **Trình bày nội dung, ý nghĩa chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng qua ba hội nghị trung ương 6( 11/1939), 7( 11/1940), 8(5/1941).**

**Câu 4: tại sao đảng xác định kẻ thù trước mắt là bọn phản động thuộc địa tay sai giai đoạn 36-39? Điều này có ý nghĩa gì trong việc tập hợp lực lượng** cách mạng ?

**Câu 5: trình bày đường lối kháng chiến chống thực dân pháp**

**Câu 6. Nêu rõ nhưng vấn đề chưa được trong bản luậ cương tháng 10. Tại sao nói Đảng ta đã giải quyết được những vấn đề đó trong giai đoạn 36 39**

**Câu 7:Tại sao nông dân Việt Nam không lãnh đạo được Cách mạng?**

**Câu 8: Nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong thời kỳ thống trị của Pháp giúp chúng ta nhận ra được yêu cầu cơ bản nào của xã hội?Điều đó được thể hiện thông qua cương lĩnh đầu tiên như thế nào?**

**Câu 9. Nội dung cuộc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược 39-45. Vì sao nói đây là sự quay trở lại với định hướng của HCM ở hội nghị thành lập đảng ?**

**Câu 10. Điểm khác nhau giữa cương lĩnh chính trị 2/1930 và luận cương tháng 10. Tại sao có những điểm khác nhau này ?**

**Câu 11: Căn cứ vào đâu để nói: Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930-1931? Vì sao Xô viết Nghệ Tĩnh đạt được đỉnh cao đó? Vì sao ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát động được cao trào 1930-1931?**

**Câu 12. Vì sao khi Đảng Cộng sản Việt Nam mới ra đời đã phát động được cao trào 1930-1931 ?**

**Câu 13: Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam nhanh chóng phục hồi được tổ chức đảng và phong trào cách mạng của quần chúng những năm 1932-1935? ý nghĩa lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng (3/1935) ?**

**Câu 14: Căn cứ vào đâu để nói: Cao trào cách mạng 1930-1931 và Cao trào cách mạng 1936-1939 là những đợt tổng diễn tập của cách mạng tháng Tám năm 1945?**

**Câu 15: Tại sao nói giai đoan 1936-1939 là đấu tranh dân chủ?**

**Câu 16: Tại sao cm tháng 8 là thời cơ ngàn năm có 1?**

**Câu 17: So sánh luận cương chính trị và chính cương vắn tắt**

**Câu 18: Anh chị hãy làm rõ nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa của cương lĩnh này đối với CMVN?**

**của Đ. Nêu ưu điểm và hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế ?**

**CHƯƠNG III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)**

**Câu 19 .Nhiệm vụ nào là quan trọng nhất của giai đoạn 1945-1946?**

**Câu 20 .Giai đoạn 1945-1946,Tưởng có 20 vạn quân nhiều hơn Pháp ở miền Nam.Tại sao Đảng xác định kẻ thù chính là Pháp?**

**Câu 21: Trình bày chủ trương kháng chiến - kiến quốc của Đảng ( 25/11/1945)**

**Câu 22:**  **Tại sao Đảng ta lại phát động toàn quốc kháng chiến. Nội dung đường lối kháng chiến của Đảng.**

**Câu 23:**  **Trình bày nội dung bản Chính cương của Đảng lao động Việt Nam thông qua tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II ( 2/1951) của Đảng.**

**Câu 24:**  **Đại hội Đại biểu toàn quốc lần 3 của Đảng (9/1960) đó hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới như thế nào?**

**Câu 25: nội dung cơ bản và ý nghĩa  đường lối kháng chiến của mỹ cứu nước 1965-1975**

**Câu 26 :Vì sao Đảng ta lại xác định lực lượng đánh đuổi thực dân Pháp là toàn dân?**

**Câu 27: Hai vấn đề cấp bách về văn hóa mà Đảng ta phải giải quyết sau khi giành chính quyền 1945**

**Câu 28: Trình bày những chủ trương, biện pháp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền non trẻ sau cách mạng tháng Tám năm 1945?**

**Câu 29:**  **Trình bày nội dung Hội nghị trung ương Đảng lần 11 ( 3-1965) và Lần 12 ( 12-1965**

**Câu 30: Trình bày đối sách của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống giặc ngoài thù trong những năm 45-46?**

**Câu 31. Giai đoạn ngàn cân treo sợi tóc là giai đoạn nào , phân tích. Ví sao đảng chủ trương ‘ Tổ quốc dân tộc là trên hết’**

**CHƯƠNG IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA**

**Câu 32. Kết luận từ thực tiễn CNH của nước ta giai đoạn 76-81 của Đảng?**

**Câu 33. nêu quan điểm của đảng về vai trò của KHCN trong quá trình CNH-HĐH của nước ta?vì sao?**

**Câu 34: Phân tích quan điểm CNH\_HĐH phải gắn liền vs nền kinh tế**

**tri thức. Cơ sở lý luận và thực tiễn của quan điểm** **này**

**Câu 35: Phân biệt CNH và HDH?**

**Câu 36: Vì sao phải tiên hành CNH-HDH nông nghiệp nông thôn?**

**Câu 37: Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là gì?**

**Câu 38 : Công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước?**

**CHƯƠNG 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG**

**Câu 39: trình bày đường lối kháng chiến chống thực dân pháp**

**Câu 40: Nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong thời kỳ thống trị của Pháp giúp chúng ta nhận ra được yêu cầu cơ bản nào của xã hội?Điều đó được thể hiện thông qua cương lĩnh đầu tiên như thế nào?**

**Câu 41: Trình bày vị trí, đặc điểm và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam và nhận xét về phong trào công nhân Việt Nam trong những năm trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam?**

**Câu 42: Trình bày những mâu thuẫn của xã hội Việt Nam trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam?**

**Câu 43: Trình bày vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng trong tổng khởi nghĩa tháng Tám?**

**Câu 44 : Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc ra đời Đảng cộng sản VN ?**

**Câu 45 : Trình bày hoàn cảnh lịch sử và sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách tháng 9/1945 – 12/1946?**

**Câu 46: Tại sạo nươc ta phải tiến hành CNH-HDH?**

**Câu 47: Vì sao CNH phải gắn liền với hiện đại hóa?**

**Câu 48 : Tác động của chính sách thống trị thuộc địa của thực dân Pháp đối với sự biến đổi xã hội, giai cấp và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?**

**Câu 49: Con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc (1911- 1920) và những tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Người được hình thành trong những năm 20 của thế kỷ XX?**

**Câu 50: Trong bối cảnh hiện nay VN tiến hành CNH,HDH có những lợi thế gì?**

**Câu 51: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc cho sự ra đời của ĐCSVN? Không có Bác ĐCS có ra đời không? Vì sao?**

**CHƯƠNG VI:**

**Câu 52. Nêu và phân tích quan điểm mới của Đảng trong đường lối đấu tranh và phát triển nước giai đoạn hiện nay**

**Câu 53: các hình thức phân phối ở nước ta? Hình thức nào là chủ yếu nhất.**

**Câu 54. Nhân tố đóng vai trò chủ yếu mở đường cho qua trình đổi mới ở nước ta thuộc lĩnh vực nào**

**Câu 55: Trình bày bài học: Không ngừng củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại?**

**Câu 56: Trình bày những căn cứ để Đảng ta chủ trương đưa miền Bắc tiến lên theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa sau khi giải phóng?**

**Câu 57: Trình bày bài học: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam?**

**Câu 58 : Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại trong 65 năm đấu tranh?**

**Câu 59 : Hoàn cảnh lịch sử (những thuận lợi, khó khăn) của VN sau năm 1975 và quá trình hình thành đường lối đổi mới. Những nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đại hội 6 đặt ra (12/1986) ?**

**Câu 60 : Những thành tựu, yếu kém, khuyết điểm và bài học kinh nghiệm sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới ?**

**Câu 61: Bằng lý luận và thực tiển hãy chứng độc lập dân tộc gắn với CNXH là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của quá trình CMVN?**

**Câu 62: Chứng minh bài học kinh nghiệm: CM là sự nghiệp của nd, do nd, vì n**d?

**Câu 63: Đặc điểm của giai cấp cũ và giai cấp mới ở VN cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, giai cấp nào giử vai trò quan trọng? tai sao?**

**Câu 64: Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"?**

**Câu 65: Phân tích nội dung cơ bản và ý nghĩa của bài học kinh nghiệm nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**?

**Câu 66: Nội dung và ý nghĩa của bài học kinh nghiệm tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế ?**

**Câu 67: Đường lối đổi mới? vì sao phải đổi mới, phương hướng đổi mới? nội dung đổi mới? vì sao phải thực hiện sự nghiệp đổi mới?**

**Câu 68 : Kiên định mục tiêu con đường XHCN?**

**Câu 64 : Nội dung chủ yếu được bổ sung và phát triển trong văn kiện đại hội 9 ?**

**Câu 65: Anh chị hãy làm rõ: Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về nhận thức và giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới và Ý nghĩa thực tiễn của nó**

**Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN**

**Câu 1: Tại sao con người là yếu tố cơ bản phát triển kinh tế xã hộ**i?

**Câu 2: Tại sao nghị quyết 13 xác định phải ổn định phát triển hòa bình để tập trung phát triển kinh tế**.

**Câu 3: Kinh tế thị trường là gì? Sự khác nhau của mục đích kinh tế thị trường CNTB và kinh tế thị trường định hướng XHCN? Tại sao có sự khác nhau đó?**

C**âu 4:Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là gì?**

**Câu 5: Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm đổi mới (1986-1996)**

**Câu 6: Những bài học chủ yếu của 10 năm đổi mới là gì?**

**Câu 7: Những thành tựu và bài học sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1995-2000) ?**

**Câu 9: Kinh tế hàng hoá nhiều thành phần?**

**CHƯƠNG 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**Câu 1: Anh chị hãy làm rõ: quan điểm, chủ trương xây dựng & phát triển văn hóa VN thời kì đổi mới & ý nghĩa thực tiễn của những nội dung này đối với sự nghiệp xây dựng & phát triển văn hóa VN những năm qua?**

**Câu 2: Anh chị hãy làm rõ: Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về nhận thức và giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới và Ý nghĩa thực tiễn của nó.**

**26. Chủ trương nâng “vấn đề xã hội” lên thành “chính sách xã hội” trong nghị quyết nào của đảng. ý nghĩa thực tiễn của chủ trương đó.**

**Câu 3: – Hai vấn đề cấp bách về văn hóa mà Đảng ta phải giải quyết sau khi giành chính quyền 1945**

**Câu 4: Tác động của chính sách thống trị thuộc địa của thực dân Pháp đối với sự biến đổi xã hội, giai cấp và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?**

**Câu 5: Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"?**

**CHƯƠNG 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**

**Câu 1: Hãy làm rõ: đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kì đổi mới và ý nghĩa cã đường lối này đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?**

**Câu 2: Văn kiện nào của Đảng đánh dấu bước chuyển biến trong đường lối đối ngoại sang đa phương hóa đa dạng hóa quan hệ quốc tế?**

------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**CHƯƠNG II : ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

**Câu 1:**  **Trình bày nội dung bản Luận cương chính trị của Đảng (10 - 1930). Hãy nêu hạn chế của bản Luận cương so với bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.**

- 4/1930 Trần Phú về nước và được bổ sung vào BCHTW lâm thời.

- 10/1930 Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng (khóa I) họp và đi đến quyết định:

+ Đổi tên **Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.**

+ Thông qua **Luận cương chính trị** do Trần Phỳ soạn thảo.

\* **Nội dung luận cương:**

- *Hội nghị xác định Phương hướng chiến lược*: Lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền, sau đó bỏ qua thời kỳ TBCN chuyển sang thời kỳ XHCN.

- *Nhiệm vụ*: Đánh đổ đế quốc và địa chủ phong kiến. Làm cho ĐD hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ đó có mối quan hệ mật thiết với nhau trong đó cách mạng thổ địa là là cái cốt lõi của cách mạng tư sản dân quyền.

- *Về lực lượng cách mạng*: Giai cấp vô sản và giai cấp nông dân là hai động lực chính trong đó giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng.

- *Về phương pháp cách mạng*: Luận cương chỉ rõ phải sử dụng bạo lực cách mạng, khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền.

- *Về đoàn kết quốc tế*: Luận cương nhấn mạnh phải đoàn kết chặt chẽ với vô sản thế giới nhất là vô sản Pháp.

- *Về Đảng*: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương là điều kiện cốt yếu đảm bảo cho sự thắng lợi của cách mạng.

- Luận cương đó có những đóng góp quan trọng về đường lối chiến lược và sách lược, tuy nhiên so với cương lĩnh chính trị đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc thì nó vẫn còn một số **hạn chế**:

+ Xác định không đúng mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa do đó không đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu.

+ Quá nhấn mạnh vai trò của công nhân không chú ý đến vai trò, khả năng cách mạng của các giai câp tầng lớp khác và sự đoàn kết các dân tộc chống Pháp.

**Câu 2:**  **Trình bày chủ trương đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ của Đảng và nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. ( 7-1936).**

***\* Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh***

- 3/1935 mặt trận nhân dân Pháp được thành lập, chính phủ nhân dân Pháp ra đời.

- 7/1936 Hội nghị BCHTW Đảng họp tại Trung Quốc khẳng định:

- *Mục tiêu cách mạng*: Vẫn nhất quán làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để tiển lên xã hội cộng sản. *( Nhưng trong hoàn cảnh nước ta cách mạng tư sản dân quyền là đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và cảI thiện đờI sống)*

**-** *Kẻ thù*: là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai.

**-** *Nhiệm vụ*:

+ Đánh đổ bọn đế quốc phản động thuộc địa và tay sai của Pháp, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

+ Lập Mặt trận dân chủ Đông Dương. (mặt trận nhân dân rộng rãi)

- *Phương pháp cách mạng*: Biểu tình, bãi công, đấu tranh một cách ôn hòa chủ yếu là đấu tranh chính trị.

- *Hình thức đấu tranh*: Chuyển từ đấu tranh bí mật, bất hợp pháp sang đấu tranh công khai, hợp pháp. Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh bí mật, bất hợp pháp vớI đấu tranh công khai nhằm đạt được mục tiêu đề ra và che dấu những lực lượng cách mạng cần được bảo vệ.

***\* Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ***

**-** Đảng nêu một quan điểm mới: “ *Cuộc cách mạng dân giải phóng không nhất thiết phải kết hợp chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là, không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng”*

- Tuỳ hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, vấn đề điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước hết tập trung đánh đổ đế quốc, rồi sau giải quyết vấn đề điền địa

- Nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế liên tiếp giải quyết, vấn đề này phụ thuộc vào vấn đề kia

=> Đây là nhận thức mới, phự hợp với tinh thần trong Cương lĩnh cỏch mạng đầu tiên của Đảng, bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930 .

**Câu 3:**  **Trình bày nội dung, ý nghĩa chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng qua ba hội nghị trung ương 6( 11/1939), 7( 11/1940), 8(5/1941).**

**\* Nội dung:**

- 29/9/1939 TW Đảng gửi toàn Đảng một thông cáo quan trọng nêu rừ: “*Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến tới vấn đề dân tộc giải phóng”.*

- Ban chấp hành TW Đảng đã họp :Hội nghị TW lần thứ 6(11/1939,Hội nghị TW 7 (11/1940),Hội nghị TW lần thứ 8 (diễn ra từ ngày 10 đến 19/5/1941) và đi đến quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

+ Một là đưa nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu

Tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của địa chủ, phong kiến mà thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc việt gian.

+ Hai là : Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng. ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh.

Hội nghị quyết định thay tên các Hội phản đế thành Hội cứu quốc.

+ Ba là: hội nghị xác định “Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng toàn dân”.

Hình thái khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa

Duy trì đội du kích Bắc Sơn tiến tới thành lập căn cứ địa du kích Bắc Sơn – Vũ Nhai.

**\* Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược**

**Như vậy:** với 3 hội nghị TW 6,7,8 Đảng ta đó hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược để đi đế giành thắng lợi cách mạng 8/1945, thể hiện:

- Đưa nhiệm vụ lên giải phóng dân tộc lên hàng đầu

- Thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp các lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải giải phóng dân tộc. Lực lượng chính trị của quần chúng ngaỳ càng đông đảo và được rèn luyện trong đấu tranh chống Pháp - Nhật theo khẩu hiệu của mặt trận Việt Minh.

- Trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng , Đảng đó chỉ đạo việc vũ trang cho quần chúng cách mạng, từng bước tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang trong nhân dân.

**Câu 4: tại sao đảng xác định kẻ thù trước mắt là bọn phản động thuộc địa tay sai giai đoạn 36-39? Điều này có ý nghĩa gì trong việc tập hợp lực lượng** cách mạng ?

Trong gđ 36-39 tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến đã tác động đến tư duy và nhận thức của đảng ta.

Tình hình thế giới:

-Xuất hiện và cầm quyền của cn phát xít. chủ nghĩa phát xít xóa bỏ quyền dân chủ xơ đẳng thực hiện chuyên chính phát xít cai trị bằng bạo lực. Nguy cơ chiến tranh thế giới thứ 2 xuất hiện.

-Qtcs họp đại hội 7 vào t7/1935:

+ kẻ thù chính là chủ ngia phát xit

+ nhiệm vụ chính là dân chủ hòa bình

+ thành lập mặt trận nhân dân

-Ở pháp: mặt trận nhân dân pháp do dcs làm nòng cốt giành thắng lợi trong tổng tuyển cử và lên cầm quyền. Mặt trận nd chống phát xít được thành lập. Cp mới ban hành một số cải cách ở thuộc địa: tự do ngôn luận, tự do hội họp, thả tù chính trị…

Trong nước: đa số người dân có nguyện vọng cấp thiết về dân sinh, dân chủ. Dcs và các tổ chức quần chúng đã được khôi phục.

Trước tình hình tg và trong nc như vậy, đảng ta đã đề ra những chủ trương mới:

-Đảng xác định kẻ thù trước mắt, nguy hại nhất của người dân đông dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng. Từ đó đảng giải quyết đúng đắn mqh giữa mục tiêu nhiệm vụ trc mắt và mtiêu, nvụ lâu dài.

-Đảng xác định nvụ chống đế quốc, pkiến giành độc lập dân tộc, dân chủ, thống nhất đất nước và coi đây là nvụ không bjo thay đổi nhưng trong điều kiện cụ thể lúc này đây chưa phải là mục tiêu trực tiếp trước mắt. Mục tiêu và nvụ cụ thể lúc này là chống bọn phản động thuộc địa và tay sai đòi các quyền dân chủ cơ bản, đòi tự do cơm áo chống đế quốc, bvệ hòa bình.

-Tháng 3/1939, đảng ra bản tuyên ngôn of dcs đối với thời cuộc, nêu rõ họa phát xít đang đến gần. Cphủ pháp hiện đã nghiêng về phía hữu, ra sức bóp nghẹt tự do dân chủ, tăng cường bóc lột nd và ráo riết chuẩn bị chiến tranh. Tuyên ngôn kêu gọi các tầng lớp nd phải thông nhất hành động hơn nữa trong việc đòi quyền tự do, dân chủ, chống chiến tranh đế quốc.

Nhận thức rõ được kẻ thù trước mắt là bọn phản động thuộc địa và tay sai trong giai đoạn này, ban chấp hành tw quyết định thành lập mặt trận nd phản đế bgồm: các giai cấp, dân tộc, đảng phái, đoàn thể ctrị- xh và tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau với nòng cốt là liên minh công – nông, để khắc phục tư tưởng tả khuynh

**Câu 5: trình bày đường lối kháng chiến chống thực dân pháp**

- Năm 1858 thực dân Pháp xâm luợc nước ta. Ngày 6-6-1884 triều đình Nguyễn ký hiệp ước Patơnốt thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp, chia nước ta thành 3 kỳ với 3 chế độ chính trị khác nhau, vừa xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, vừa duy trì chính quyền phong kiến và tay sai làm chổ dựa. Mọi quyền hành đều trong tay người Pháp, với âm mưu thâm độc thực hiện chính sách chia để trị, chính sách ngu dân, chính sách độc quyền về kinh tế, ra sức vơ vét tài nguyêm bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cừng nhiều hình thức thuế khoá năng nề, vô lý.

- Trước những áp bức bóc lột dã man của thực dân Pháp, nhân dân ta đã liên tiếp nổi dậy cầm vũ khí chống bọn cướp nước. Nhưng tất cả những cuộc đấu tranh đó đều không giành được thắng lơi. Giai cấp địa chủ phong kiên mà tiêu biểu là triều đình nhà Nguyễn đã bất lực và hèn nhát nhanh chóng đầu hàng thực dân Pháp và trở thành phản động, phản bội lại lợi ích của dân tộc.

Phong trào chống Pháp theo ý thức hệ phong kiến: phong trào Cần Vương đã thất bại khi cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng chấm dứt năm   1896; phong trào khởi nghĩa nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám kéo dài 30 năm cũng không giành được thắng lợi. Nguyên nhân là do thiếu đường lối đúng, thiếu một tổ chức cách mạng có khả năng dẫn dắt dân tộc đến thắng lợi. Điều này chứng tỏ rằng, thời kỳ đấu tranh chống ngoại xâm trong khuôn khổ ý thức hệ tư tưởng phong kiến đã chấm dứt.Cuộc đấu tranh của nhân dân ta rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước, về giai cấp lãnh đạo cách mạng.

- Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam cũng như một số nước phương Đông khác đã ít nhiều chịu sự chi phối của ý thức hệ tư sản. Đặc biệt cách mạng Minh Trị ở Nhật Bản (l868), cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) đã có tác động nhất định tới phong trào yêu nước ở Việt Nam,  làm dấy lên ở nước ta một phong trào yêu nước rộng rãi theo khuynh hướng tu sản nhưng đều thất bại. Tiêu biểu là phong trào của cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Chu Trinh, phong trào Duy Tân của vua Duy Tân. Điều này chứng tỏ sự bất lực của giai cấp tư sản Việt Nam, rằng giai cấp tư sản Việt Nam không đủ khả năng giương cao ngọn cờ lãnh đạo đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Tình hình khủng hoảng, bế tắc về con đường cứu nước giải phóng dân tộc, yêu cầu lịch sử đòi hỏi phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cách mạng đúng đắn dẫn đường, mới có khả năng đưa phong trào cứu nước đi đến thắng lợi.

**Câu 6. Nêu rõ nhưng vấn đề chưa được trong bản luậ cương tháng 10. Tại sao nói Đảng ta đã giải quyết được những vấn đề đó trong giai đoạn 36 39**

Hạn chế:

\* Về lực lượng cách mạng: Xác định giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng trong đó giai cấp vô sản là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Đối với các giai cấp khác, Luận cương cho rằng: Tư sản thương nghiệp thì đứng về phe đế quốc; Tư sản thương nghiệp thì đứng về phía quốc gia cải lương và khi cách mạng lên cao sẽ theo đế quốc; còn tiểu tư sản, bộ phận thủ công nghiệp thì có thái độ do dự; bộ phận thương gia thì không tán thành cách mạng, tiểu tư sản trí thức có xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chỉ hăng hái cách mạng ở thời kỳ đầu. Theo Luận cương chỉ có những phần tử lao khổ mới đi theo cách mạng.=> chưa xác định được đúng lưc lượng để có kế hoạch liên minh các giai cấp

\* Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là "đánh đổ các di tích phong kiến"; "cách bóc lột tiền tư bổn"; "thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để" và "đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập". Hai nhiệm vụ đó quan hệ khăng khít với nhau, song Luận cương nhấn mạnh "Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền", do quốc tế csản thời kì này nhấn mạnh đấu tranh giai cấp

Sửa đổi trong giai đoạn 36 39

Trước tình hình thế giới và trong nước năm 36 39 Đảng đã đề ra chủ trương mới. trong các nội dung cảu chủ trương mới này có các điểm cần lưu ý:

***Thứ nhất***: Về mối quan hệ dân tộc và giai cấp: Đảng ta cho rằng "trong hoàn cảnh hiện tại nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc" (Đảng CSVN-Văn kiện Đảng toàn tập - NXB CTQG-H2005- tập 6 - trang 74). Đảng còn chỉ rõ: ở các nước thuộc địa như Đông Dương tinh thần dân tộc có ảnh hưởng to lớn đến tất cả các tầng lớp xã hội, những người công sản phải biết phát huy tinh thần đó trong cuộc đấu tranh chống những kẻ áp bức dân tộc.

***Thứ hai***: Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc để khắc phục tư tưởng "tả khuynh", cô độc. Thành lập mặt trận nhân dân phản đế (đến tháng 3-1938 đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương) nhằm tập hợp tất cả các Đảng phái, các tầng lớp nhân dân đấu tranh đòi tự do, cơm áo, hoà bình.

***Thứ ba***: Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu và nhiệm vụ trước mắt với mục tiêu và nhiệm vụ lâu dài. Đảng không bỏ chống đế quốc và phong kiến để giành độc lập dân tộc, dân chủ, ruộng đất là mục tiêu không bao giờ thay đổi song điều kiện cụ thể lúc này đây chưa phải là mục tiêu trực tiếp trước mắt. Mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể lúc này là chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi các quyền dân chủ cơ bản, đòi tự do, cơm áo, chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ Hoà bình

=>Đã xác định rõ kẻ thù trước mắt và các lực lượng cần tập trung nên đã giải quyết đc những hạn chế của LC tháng 10

**Câu 7:Tại sao nông dân Việt Nam không lãnh đạo được Cách mạng?**

Giai cấp nông dân không thể lãnh đạo cuộc Cách mạng vì không có đủ các yếu tố của giai cấp công nhân như sau:

+Giai cấp công nhân ra đời từ trước CTTG I, là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa.

+Giai cấp công nhân thế giới là giai cấp đại diện cho PTSX mới; tiến bộ;có ý thức tổ chức kỷ luật cao; tinh thần kiên quyết, triệt để Cách mạng.

+Giai cấp công nhân Việt Nam chịu ba tầng áp bức bóc lột : ĐQ, PK, TS; có mối quan hệ ruột thịt với nông dân (cơ sở cho việc thiết lập khối liên minh công nông); sớm có truyền thống đoàn kết; Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, tiếp thu ánh sáng cách mạng chủ nghĩa Mác – Lênin nên sớm chiếm được ưu thế chính trị, tinh thần so với giai cấp tư sản.

**Câu 8: Nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong thời kỳ thống trị của Pháp giúp chúng ta nhận ra được yêu cầu cơ bản nào của xã hội?Điều đó được thể hiện thông qua cương lĩnh đầu tiên như thế nào?**

\*Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong thời kỳ thống trị của Pháp:

Chính sách thống trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến XHVN trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó đặc biệt là sự ra đời của hai giai cấp mới là công nhân và tư sản Việt Nam, xã hội VN ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân ( nông dân với địa chủ) thì nảy sinh một mâu thuẫn vừa cơ bản vừa chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân VN với bọn thực dân Pháp xâm lược. Tính chất của XH VN là xã hội thuộc địa nửa phong kiến

\*Yêu cầu cơ bản:

1) Một là, phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc,tự do cho nhân dân

2) Hai là, xóa bỏ chế độ PK, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân

Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu

\*Điều đó được thể hiện qua cương lĩnh tháng 2 năm 1930 – cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng . Cương lĩnh xác định

- Chiến lược chung :” tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”

- Nhiệm vụ

+ nhiệm vụ dân tộc : đánh đế quốc, giành độc lập dân tộc

+ nhiệm vụ dân chủ : đánh đổ PK đem lại ruộng đất cho nông dân

2 nhiệm vụ có mối quan hệ chặt chẽ nhưng nhiệm vụ dân tộc được dặt lên hàng đầu

- Cụ thể

+ Chính trị : đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn PK, làm cho nước VN hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông, tổ chức quân đội công nông.

+ Kinh tế : thủ tiêu hết các thứ quốc trái ĐQCN Pháp, tịch thu toàn bộ sự nghiệp lớn ( CN, vận tải…) giao cho Chính phủ công nông binh quản lý, tịch thu ruộng đất chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm 8h.

+ Văn hóa- xã hội : Dân chúng tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

**Câu 9. Nội dung cuộc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược 39-45. Vì sao nói đây là sự quay trở lại với định hướng của HCM ở hội nghị thành lập đảng ?**

*Nội dung* :

-Một là đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu

Nghị quyết TW 8 (5-1941) chỉ rõ: "Trong lúc này... nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được

Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939) đã chỉ rõ: "Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại, không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng", vậy thì cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng" (Văn kiện Đảng - tập 6 - trang 118-119). Từ đó Đảng đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất chỉ đề ra khẩu hiệu: tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng công, giảm tô.

-Hai là, quyết định thành lập mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằn mục tiêu giải phóng dân tộc

Ban chấp hành TW quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh thay cho mặt trận thống nhất dân tộc phản đế đông Dương, đổi tên các hội phản đế thành hội cứu quốc để tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo trong cả nước

-Ba là, quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiên tại

+ Xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp lực lượng chống đế quốc và tay sai (thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, Mặt trận Việt minh...)

+ Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

+ Chuyển trọng tâm hoạt động về nông thôn, xây dựng căn cứ địa.

+ Xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang tập trung, xây dựng phát triển du kích...

+ Nêu lên phương pháp giành chính quyền: khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng địa phương, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính chính quyền trên toàn quốc, bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu.

Đây là sự quay trở lại với định hướng của HCM ở hội nghị thanh lập Đang vì cả 2 đều đưa ra những chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc , đưa nhiệm vụ dân tộc lên hàng đầu và đều chủ trương tập hợp mọi lục lượng cách mạng trong cả nước.

**Câu 10. Điểm khác nhau giữa cương lĩnh chính trị 2/1930 và luận cương tháng 10. Tại sao có những điểm khác nhau này ?**

**Điểm khác nhau:**

1-Phương hướng chiến lược

Làm tư sản dân quyền CM và thổ địa CM để đi tới XHCSản,Làm tư sản dân quyền CM, tiến thẳng lên XHCN bỏ qua thời kì TBCN.

2-Nhiệm vụ, mục tiêu:Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và bọn phong kiến. Trong đó nhiệm vụ chống để quốc, giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu.Đánh đổ phong kiến, làm cách mạng thổ địa + đánh đổ chủ nghĩa Pháp. Trong đó cách mạng thổ địa được đặt lên hàng đầu

3-Lực lượng CM

-Cơ bản: Công nhân + Nông dân

-Đồng minh: tiểu tư sản trí thức + trung nông

-Có thể liên lạc hoặc trung lập: phú nông, trung – tiểu địa chủ + tư sản dân tộc-Cơ bản: Công nhân + nông dân

-Phủ nhận mặt tích cực của giai cấp tư sản

-Đánh giá không đúng vai trò của tiểu tư sản

4-Phương pháp CM: Bạo lực

5-Quan hệ CM VN và CM thế giới: Đoàn kết vs giai cấp vô sản các nước thuộc địa và các nước tư bảnĐoàn kết vs g;iai cấp vô sản các nước thuộc địa và các nước tư bản

6-lãnh đạo Đảng CSVN

**\*Nguyên nhân của sự khác nhau:**

1. Luận cương tháng 10 chưa tìm ra và nắm vững đặc điểm của XH thuộc địa nửa phong kiến VN => không nêu đc mâu thuẩn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc VN và Thực dân Pháp => không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên đầu

2. Nhận thức giáo điều , máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp ở XH thuộc địa và chịu ảnh hưởng của xu hướng “tả khuynh” trong Quốc tế cộng sản.

**Câu 11: Căn cứ vào đâu để nói: Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930-1931? Vì sao Xô viết Nghệ Tĩnh đạt được đỉnh cao đó? Vì sao ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát động được cao trào 1930-1931?**

**1.Xô Viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930-1931 do**:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã tác động nặng nề đến nền kinh tế Đông Dương. Nhiều nhà máy, xí ngiệp , đồn điền đã bị thu hẹp quy mô sản xuất . Hàng vạn công nhân bị sa thải. Đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động vô cùng khó khăn....do đó họ chỉ có một con đường là vùng dậy đấu tranh .

- Nhân dân ta vốn có truyền thống đấu tranh anh dũng. Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930), thực dân Pháp đã lập Hội đồng đề hình thường trực, đưa hàng loạt chiến sĩ yêu nước lên máy chém. Lòng căm thù của các tầng lớp nhân dân Việt Nam đối với bọn thực dân đế quốc càng sâu sắc. Do đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phong trào đấu tranh của quần chúng đã phát triển mạnh mẽ khắp ba miền Bắc-Trung-Nam, phong trào phát triển thành cao trào cách mạng diễn ra hết đợt này đến đợt khác cho tới giữa năm 1931.

- Nghệ Tĩnh là nơi phong trào cách mạng phát triển nhất: Khí thế phong trào sục sôi , quyết liệt, rộng khắp ở hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Một hình thức chính quyền nhân dân kiểu Xô-Viết được thành lập.

**2.Vì sao Xô Viết Nghệ Tĩnh lại đạt được đỉnh cao đó?**

- Vì những nguyên nhân chung của cao trào cách mạng 1930-1931, như tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933).... Đặc biệt Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo quần chúng cả nước đứng lên đấu tranh .

- Vì nguyên nhân riêng trong điều kiện cụ thể của Nghệ Tĩnh: Thuộc những tỉnh nghèo nhất Việt Nam, lại bị đế quốc phong kiến bóc lột cùng cực, được thừa hưởng những truyền thống cách mạng lâu đời của địa phương, có một số cơ sở công nhân ở Vinh-Bến Thuỷ là trung tâm kỹ thuật lớn nhất Trung Kỳ, tổ chức cơ sở Đảng ở Nghệ Tĩnh khá mạnh....

**Câu 12. Vì sao khi Đảng Cộng sản Việt Nam mới ra đời đã phát động được cao trào 1930-1931 ?**

- Cao trào cách mạng 1930-1931 là kết quả tất yếu của những mâu thuẫn kinh tế , chính trị trong lòng xã hội Việt Nam lúc đó.

- Tuy mới ra đời, song Đảng đã nắm bắt quy luật phát triển khách quan của xã hội Việt Nam.

- Đảng có đường lối chính trị đúng đắn ngay từ khi mới ra đời, có sức tập hợp lực lượng rất to lớn. Vừa mới ra đời, Đảng đã kịp thời lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai, giành độc lập, tự do. Hệ thống tổ chức Đảng vững chắc, các cấp bộ Đảng có năng lực tổ chức thực tiễn, Đảng có uy tín trong quần chúng ....Sự ra đời của Đảng ; là nhân tố quyết định dẫn đến cao trào cách mạng 1930-1931.

**Câu 13: Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam nhanh chóng phục hồi được tổ chức đảng và phong trào cách mạng của quần chúng những năm 1932-1935? ý nghĩa lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng (3/1935) ?**

**1.Tình hình sau cao trào cách mạng năm 1930-1931.** Hoảng hốt trước cao trào cách mạng năm 1930-1931, đế quốc Pháp khủng bố hết sức dã man nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản , chúng đã bắt giam 246.532 người. Riêng ở Bắc Kỳ từ năm 1930-1931, mở 21 phiên toà đại hình, xử 1.094 án, trong đó có 64 án tử hình, 114 án khổ sai, 420 án lưu đầy biệt xứ. Toà án Sài Gòn đã mở phiên toàn kết án 8 án tử hình, 19 án chung thân. Bọn thực dân dùng mọi cực hình để giết hại các chiến sĩ cộng sản. Từ 1930 đến 1933 ở Côn Đảo có 780 chiến sĩ cộng sản hy sinh ở các nhà tù Đắc Pao, Đắc Pếch có 295 tù nhân, sau thời gian ngắn chỉ còn 50 người sống sót. Cùng với chính sách khủng bố trắng, chúng ra sức lừa bịp mị dân. Năm 1932 chúng làm rùm beng việc tên vua Bảo Đại “hồi loan” với chương trình cải cách lừa bịp....

**2.Chủ trương của Đảng**.

a) Phải giữ vững và bảo vệ đường lối của Đảng, thể hiện ở cuộc đấu tranh trong nhà tù chống tư tưởng quốc gia hẹp hòi của Việt Nam Quốc dân đảng, cuộc đấu tranh chống quan điểm duy tâm phản động của giai cấp tư sản.

b) Phục hồi cơ sở, chấn chỉnh tổ chức. Mặc dù bị khủng bố hết sức dã man nhưng đa số đảng viên của Đảng vẫn giữ vững khí tiết người cộng sản. Các chiến sĩ cộng sản còn bị giam giữ trong nhà tù đã tổ chức bí mật huấn luyện cho đảng viên nâng cao lý luận Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng, tổng kết kinh nghiệm vận động quần chúng . Nhiều tờ báo của các chi bộ nhà tù đã được ấn hành góp phần mài sắc ý chí cho cán bộ đảng viên. Các đảng viên tại các cơ sở Đảng ở Hà Nội, Sơn Tây, Nam Định , Thái Bình, Hải Phòng...và nhiều nơi ở miền Nam vẫn kiên cường bám trụ, liên hệ mật thiết với quần chúng , bí mật gây dựng lại cơ sở. Năm 1932, khắp các châu ở Cao Bằng đều có cơ sở Đảng. Tháng 6-1932 Đảng ra bản “Chương trình hành động” trong nước: các Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, nhiều đoàn thể quần chúng ....lần lượt được thành lập. Đầu năm 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng (do đồng chí Lê Hồng Phong lãnh đạo ) được thành lập có nhiệm vụ tập họp cơ sở mới, đào tạo bồi dưỡng cán bộ chuẩn bị triệu tập Đại hội Đảng. Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng được tiến hành ở Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội Đảng là một sự kiện lịch sử quan trọng đánh dấu sự khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước ra nước ngoài sau những năm bị đế quốc Pháp và phong kiến tay sai khủng bố.

c.Chuyển hướng về phương thức tổ chức và phương thức đấu tranh .

-Đảng ta đã tổ chức các hội phổ thông công khai như hội cấy, hội gặt, hội đá bóng, hội đọc sách báo....Thông qua những hình thức tổ chức này, Đảng lãnh đạo quần chúng đấu tranh hợp pháp với địch, phù hợp với khả năng, nguyện vọng bức xúc của quần chúng . Vì vậy phong trào chỉ tạm lắng rồi lần lượt bùng dậy. Ví dụ, đầu năm 1931, công nhân Nghệ An, Hà Tĩnh,Quảng Ngãi, Bến Tre, Vĩnh Long vẫn tổ chức mít tinh. Sang năm 1932 phong trào cách mạng cả nước được khôi phục, phát triển . Năm 1933 có 344 cuộc bãi công , đặc biệt là những cuộc bãi công của công nhân xe lửa Sài Gòn, Gia Định....Tháng 1-1935 các tỉnh miền núi phía Bắc tổ chức rải truyền đơn, treo cờ đỏ đã bị địch khủng bố và bắt hơn 200 người.

-Trong thời kỳ 1932-1935, mặc dù bị địch khủng bố ác liệt, phong trào quần chúng so với lúc cao trào có tạm thời lắng xuống, nhưng vẫn giữ được khí thế cách mạng , Đảng không những tích cực khôi phục mà còn đẩy mạnh việc phát triển các tổ chức cơ sở Đảng, giữ vững tinh thần cách mạng tiến công, kiên trì lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng.

**\*\*\*\*ý nghĩa của đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I:**

-Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu thắng lợi căn bản của cuộc đấu tranh giữ gìn và khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước ra ngoài nước. Thống nhất được phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân khác dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương, tạo thành sức mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu mới. Đảng đã nắm vững và kiên trì lãnh đạo cách mạng , đưa phong trào đấu tranh của nhân dân đến thắng lợi.

-Thiếu sót của Đại hội là không nhạy cảm với tình hình mới, không thấy rõ nguy cơ chủ nghĩa phát xít trên thế giới và khả năng mới để đấu tranh chống phát xít , chống phản động thuộc địa, đòi tự do, cơm áo, hoà bình. Do đó, Đại hội không đề ra được những chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược và biện pháp phù hợp với tình hình mới. Thiếu sót này đã được bổ khuyết khi có Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 7-1936.

-Sau Đại hội, phong trào cách mạng tuy bị địch khủng bố ác liệt nhưng vẫn tiếp tục được khôi phục và phát triển mạnh. Những tiền đề của cao trào cách mạng mới được chuẩn bị đầy đủ.

**Câu 14: Căn cứ vào đâu để nói: Cao trào cách mạng 1930-1931 và Cao trào cách mạng 1936-1939 là những đợt tổng diễn tập của cách mạng tháng Tám năm 1945?**

**1.Cao trào cách mạng 1930-1931 là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của Cách mạng Tháng 8-1845**. -Cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết-Nghệ Tĩnh là một phong trào quần chúng tự giác và rộng lớn chưa từng có ở Đông Dương, tiến công vào dinh luỹ của chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai. ảnh hưởng của cao trào vang dội khắp Đông Dương và các thuộc địa. Đây là cuộc tổng diễn tập đầu tiên do Đảng ta lãnh đạo , là bước cần thiết chuẩn bị cho thắng lợi Cách mạng Tháng 8/1945.

+Cao trào cách mạng 1930-1931 khẳng định những nhân tố bảo đảm cho thắng lợi cách mạng Việt Nam.

+Trước hết, cao trào khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam do Đảng vạch ra là đúng đắn. Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội , là đường lối cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến triệt để.

+Cao trào đem lại cho công nhân, nông dân và nhân dân lao động nước ta niềm tin vững chắc vào đường lối cách mạng giải phóng giai cấp , giải phóng dân tộc do Đảng ta lãnh đạo .

+Cao trào đã “Khẳng định trên thực tế quyền lãnh đạo , năng lực lao động cách mạng của giai cấp công nhân mà đại biểu là Đảng ta”. +Cao trào đã xây dựng được khối liên minh công nông trong thực tế. Lần đầu tiên giai cấp công nhân sát cánh cùng giai cấp nông dân vùng dậy chống đế quốc và phong kiến , thành lập chính quyền Xô Viết. +Cao trào cách mạng 1930-1931 rèn luyện đội ngũ đảng viên quần chúng và đem lại cho họ niềm tin vững chắc vào sức mạnh và năng lực sáng tạo của mình.

+Cao trào cách mạng 1930-1931 và Xô Viết Nghệ Tĩnh là bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, là cái mốc đánh dấu sự trưởng thành của Đảng ta.

-Là cuộc tổng diễn tập lần thứ nhất để tiến tới tổng khởi nghĩa tháng 8/1945.

+Bài học kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chống đế quốc chống phong kiến thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng.

+Xây dựng khối liên minh công nông làm nền tảng cho việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

+Xây dựng chính quyền cách mạng , chính quyền Xô Viết công nông.

+Bài học về xây dựng Đảng ở nước thuộc địa nửa phong kiến .

**2.Cao trào cách mạng 1936-1939 là cuộc tổng diễn tập thứ hai của Cách mạng Tháng 8-1945.**

-Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thời kỳ 1936-1939 phong trào đấu tranh cách mạng diên ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia, thông qua cao trào cách mạng khẳng định đường lối đánh đổ đế quốc và người cày có ruộng tiến lên chủ nghĩa xã hội là chính xác. Vận dụng trong thời kỳ 1936-1939 là chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh , đòi quyền dân sinh dân chủ , đó là những mục tiêu trước mắt phù hợp với tình hình so sánh lực lượng , trình độ giác ngộ và khả năng đấu tranh của quần chúng , nhằm tạo điều kiện thuận lợi mới để tiến lên đấu tranh cho mục tiêu lâu dài.

-Do có đường lối đúng đắn, có mục tiêu sát hợp, đáp ứng nguyện vọng bức thiết của quần chúng nên phong trào đấu tranh rộng khắp, sôi nổi trong phạm vi cả nước.

-Trên cơ sở khối liên minh công nông vững chắc, Đảng đã xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc cách mạng . Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương đã được hình thành trên thực tế. Mặt trận dân chủ bao gồm mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ, không phân biệt cách mạng ,quốc gia hay cải lương, không phân biệt người Việt Nam, người Pháp, cùng liên minh đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh , đòi dân sinh dân chủ .

-Đảng ta đã khéo kết hợp các hình thức tổ chức, hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp bí mật, bất hợp pháp để xây dựng lực lượng cách mạng . Thông qua thực hiện đấu tranh Đảng đã xây dựng được đội quân chính trị quần chúng đông đảo có giác ngộ, có tổ chức. Đây là thành quả lớn nhất của Đảng trong thời kỳ 1936-1939, đồng thời là nhân tố , điều kiện chuẩn bị cho thắng lợi cao trào cách mạng 19391945.

-Cao trào cách mạng 1936-1939 đã để lại những bài học quý báu: Kết hợp mục tiêu trước mắt với mục tiêu lâu dài giành thắng lợi từng bước, tạo điều kiện giành thắng lợi từng bước, tạo điều kiện giành thắng lợi hoàn toàn. Xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh , hình thức tổ chức và nội dung hoạt động phong phú linh hoạt, động viên kịp thời trong đấu tranh . Kết hợp tổ chức hoạt động bí mật với tổ chức và hoạt động công khai, hướng hoạt động vào tổ chức bí mật làm chủ yếu. Biết rút lui đúng lúc khi không cso điều kiện , kết hợp phong trào đấu tranh trong nước với phong trào quốc tế.

**Câu 15: Tại sao nói giai đoan 1936-1939 là đấu tranh dân chủ?**

Yếu tố chủ quan: Đảng mới khôi phục nên không đủ mạnh cần có thời gian củng cố khôi phục phát triển.

Yếu tố khách quan: quốc tế cộng sản chủ trương tập trung các yếu tố:

Xác định kẻ thù :chủ nghĩa phát xít.

Nhiệm vụ: đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hòa bình và cải thiện đời sống .

**Câu 16: Tại sao cm tháng 8 là thời cơ ngàn năm có 1?**

Yếu tố bên ngoài: là lúc kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít nhật đã bị lien xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. bọn nhật ở đông dương tan rã.có sự mâu thuẩn CN ĐQ >< CNPX, ĐQ>< địa chủ.

Yếu tố bên trong: do sự lãnh đạo của đảng, đảng đã chuẩn bị về các mặt về chủ trương, lực lượng và tập dượt qua cao trào kháng nhật cứu nước, có sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp nổi dậy của quần chúng, đảng biết vận dụng sang tạo CN mac vào hoan cảnh cụ thể của nước ta

**Câu 17: So sánh luận cương chính trị và chính cương vắn tắt của Đ. Nêu ưu điểm và hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế ?**

1. So sánh luận cương và chính cương:

\*\* Giống nhau:

- Phương hướng đều là làm cách mạng dân tộc dân chủ và tiến lên CNXH không qua phát triển TBCN.

- Nhiệm vụ cách mạng đều là đánh đổ ĐQ và PK để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày.

- Lực lượng cách mạng đều có công nhân và nông dân. - Đều khẳng định Đ là nhân tố quyết định mọi thắng lợi.

- Đều xác định cách mạng VN là một bộ phận của cách mạng thế giới.

- Phương pháp cách mạng đều là bạo lực cách mạng.

B. Những điểm khẳng định bổ sung và phát triển của luận cương:

- Từ việc khẳng định tính chất XH Đông Dương là một xã hội thuộc địa nửa PK thì luận cương khẳng định hướng tiến lên của cách mạng Đông Dương là làm CMDTDC và tiến lên CNXH không qua phát triển TBCN. Chỉ ra được điều kiện khách quan và chủ quan của bước bỏ qua TBCN đó là CNXH Liên Xô giành thắng lợi (khách quan) và ĐCSĐD ra đời (chủ quan).

- Chỉ rõ bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân là khởi nghĩa vũ trang, muốn thắng lợi thì phải xây dựng lực lượng cách mạng mà lực lượng chính trị là chủ yếu, đồng thời phải tuân thủ những quy luật của chiến tranh và nổ ra khi có thời cơ cách mạng.

- Khẳng định vai trò lãnh đạo của ĐCSĐD, để xây dựng một Đ vững mạnh thì:

+ Phải có đường lối chính trị đúng đắn

+ Có kỷ luật tập trung liên hệ mật thiết với quần chúng, trải qua quá trình đấu tranh để hình thành.

+ Lấy chủ nghĩa M-L là kim chỉ nam cho hành động.

C. Những điểm hạn chế của luận cương:

- Không vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu trong XHĐD lúc bấy giờ nên không khẳng định được nhiệm vụ chống ĐQ là hàng đầu.

- Không thấy được tính cách mạng của giai cấp tiểu tư sản VN.

- Không thấy được mặt tích cực của giai cấp TSVN. - Không có chính sách phân hoá để nôi kéo một bộ phận thuộc về địa chủ PKVN về phía cách mạng.

- Do đó không có chính sách liên minh dân tộc và giai cấp một cách rộng rãi. D, Nguyên nhân của những hạn chế:

- Nhận thức giáo điều và máy móc mối quan hệ dân tộc và giai cấp trong cách mạng của một nước thuộc địa.

- Hiểu không đầy đủ về đặc điểm tình hình các nước Đông Dương.

- Chịu ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng tả khuynh từ quốc tế cộng sản.

**Câu 18: Anh chị hãy làm rõ nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa của cương lĩnh này đối với CMVN?**

- Nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên: Trong sách có đm đm

- Ý nghĩa của cương lĩnh này đối với CMVN:

+ Cương lĩnh này đã chỉ ra đường lối, phương pháp và những vấn đề chiến lược và sách luợc đúng đắn, dẫn tới sự thống nhất về chính trị - tư tưởng – tổ chức và hoạt động CM của cả nước và chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước.

+ Cương lĩnh chính trị của Đảng đã xác định đúng đắn con đường CM là giải phóng dân tộc theo hướng CM vô sản, chính la cơ sở để Đảng CSVN vừa ra đời nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào CMVN, giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo CM diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước VN.

**CHƯƠNG III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)**

**Câu 19 .Nhiệm vụ nào là quan trọng nhất của giai đoạn 1945-1946?**

Giữ vững và bảo vệ chính quyền cách mạng là nhiệm vụ hết sức cấp bách sống còn của nhân dân lúc này.Chính quyền là công cụ sắc bén,là đòn bẩy để đưa cách mạng tiến lên.Muốn vậy,tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân,hoà hợp dân tộc,xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng về mọi mặt:chính trị,quân sự,,kinh tế,văn hoá,xã hội và ngoại giao,kháng chiến đi đôi với kiến quốc,,chống giặc ngoại xâm gắn liền với chống giặc đói và giặc dốt.

**Câu 20 .Giai đoạn 1945-1946,Tưởng có 20 vạn quân nhiều hơn Pháp ở miền Nam.Tại sao Đảng xác định kẻ thù chính là Pháp?**

Chúng ta biết rằng việc quân đồng minh vào giải giáp phát xít Nhật ở Việt Nam là theo thoã thuận của các nước thắng trận.Theo thoã thuận thì Tưởng sẽ vào miền Bắc đứng đằng sau là Mỹ,Anh sẽ vào miền Nam là núp sau là Pháp,mà Pháp lại rất muốn quay trở lại xâm lược nước ta do đó chúng đã thoã thuận với Anh để Pháp thay Anh giải giáp phát xít Nhật mà thực chất là chúng có dã tâm quay trở lại xâm lược nước ta.Còn Tưởng ở miền Bắc chỉ làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật,chúng cũng có dã tâm muốn xâm lược nước ta nhưng không có cơ sở.Vì vậy việc Pháp quay trở lại nước ta là tất yếu và sẽ là kẻ thù chính của cách mạng

|  |
| --- |
| **Câu 21: Trình bày chủ trương kháng chiến - kiến quốc của Đảng ( 25/11/1945)**  \* 25/11/1945 BCHTƯ ra chỉ thị Kháng chiến kiến quốc  **-** *Mục tiêu***:** Dân tộc giải phóng.  *- Khẩu hiệu*: Dân tộc trên hết ,tổ quốc trên hết. (giữ vững độc lập).  - *Kẻ thù* chính là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược.  -Về phương hướng, nhiệm vụ cấp bách của âsch mạng lúc này là 4 nhiệm vụ:  + Thứ nhất: Củng cố chính quyền.  + Thứ hai: Chống thực dân Pháp.  + Thứ ba: Bài trừ nội phản.  + Thứ tư: Cải thiện đời sống nhân dân.  **- Ýnghĩa của chủ trương**  Như vậy chỉ thị kháng chiến kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng.đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược. đề ra nhiệm vụ chiến lược mới là xây dựng và bảo về đất nước. |

**Câu 22:**  **Tại sao Đảng ta lại phát động toàn quốc kháng chiến. Nội dung đường lối kháng chiến của Đảng.**

\* **Đảng ta lại phát động toàn quốc kháng chiến vì:**

- 20/11/1946 Pháp mở cuộc tiến công chiếm đóng thành phố Hải Phòng, thị xã Lạng Sơn và đổ bộ lên cảng Đà Nẵng.

- 19/12/1946 BTVTƯ Đảng họp ở Vạn Phúc- Hà Đông dưới chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định hạ quyết tâm phát động cuộc kháng chiến trong cả nước.

- Đêm 19/12/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đó ra lời kờu gọi toàn quốc kháng chiến và Đảng cũng phát động toàn quốc kháng chiến.

**\* Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính (1946-1950)**

**\*** Thông qua các văn kiện**:**

- Lời kêu gọi kháng chiến kiến quốc của Hồ Chí Minh 19/12/46

- Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của TW Đảng

- Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh.

**\* Nôi dung** Ðường lối kháng chiến của Ðảng:

**-** *Mục tiêu kháng chiến*Đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược giành độc lập thống nhất cho tổ quốc, hạnh phúc tự do cho nhân dân

**-** *Phương châm kháng chiến***:** cả nước đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, đoàn kết toàn dân xây dựng thực lực về mọi mặt và đoàn kết quốc tế.

**-** *Nhiệm vụ của kháng chiến* hoàn thành nhiệm vụ GPDT củng cố chế độ dân chủ cộng hòa, không tịch thu ruộng đất của địa chủ mà chỉ tịch thu ruộng đất và các hạng mục tài sản của bọn Việt gian phản quốc và bọn xâm lược.

**-** *Tính chất của cuộc kháng chiến*: đây là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, tiến hành cuộc chiến tranh dân tộc, dân chủ

- *Triển vọng kháng chiến*: mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi

**Câu 23:**  **Trình bày nội dung bản Chính cương của Đảng lao động Việt Nam thông qua tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II ( 2/1951) của Đảng.**

*- Tính chất*: Dân chủ nhân dân; Một phần thuộc địa; Một nửa phong kiến.

*- Đối tượng cách mạng*: Chủ nghĩa đế quốc Pháp và phong kiến phản động.

- *Nhiệm vụ cơ bản hiện* nay của cách mạng Việt Nam là:

+ Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc

+ Xóa bỏ những tàn tích PK và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng.

+ Xây dựng và củng cố chế độ dân chủ nhân dân, tạo sự vững chắc cho CNXH.

=> Do đó 3 nhiệm vụ có mối quan hệ khăng khít và không tách rời nhau. Tuy nhiên, nhiệm vụ quan trọng trước mắt là chống đế quốc giành độc lập – tự do.

- *Động lực* của cách mạng gồm có: Giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, địa chủ yêu nước và tiến bộ hợp thành lực lượng của cách mạng. Trong đó công – nông là lực lượng chính của cách mạng.

*- Đặc điểm cách mạng*: Cách mạng VN hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.đây là cách mạng dân chủ tư sản lối mới tiến triển thành cách mạng XHCN.

*- Triển vọng*: Cách mạng DTDCND nhất định đưa VN tới CNXH.

*- Con đường đi lên CNXH*: trải qua 3 giai đoạn: Giải phóng dân tộc, xoá bỏ những tàn tích PK, thực hiện người cày có ruộng, xây dựng cơ sở cho CNXH.

**Câu 24:**  **Đại hội Đại biểu toàn quốc lần 3 của Đảng (9/1960) đó hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới như thế nào?**

+ *Chiến lược chung của cả nước***.**

- Đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc.

- Tiến hành cách mạng DTDC nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

- Cách mạng hai miền thuộc hai chiến lược khác nhau song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

*+ Vai trò, nhiệm vụ của cách mạng 2 miền:*

- MB Xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho CMMN, chuẩm bị cho cả nước đi lên CNXH nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách Mạng

- CMDTDCND ở MN giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng MN, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

- Con đường thống nhất đất nước: Đảng kiên trì con đường hoà bình thống nhất. Đó là con đường tránh được hao tổn xương máu.

- Triển vọng của CMVN: Là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài.

*+ Ý nghĩa của đường lối:*

- Đường lối thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng: giương cao ngọn cờ ĐLDT và CNXH. Do đó đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù.

- Đã thể hiện tinh thần Độc lập- tự chủ- sáng tạo trong việc giải quyết những vấn đề, phù hợp với xu thế thời đại.

- Là cơ sở để Đảng chỉ đạo quân dân ta giành những thắng lợi to lớn.

**Câu 25: nội dung cơ bản và ý nghĩa  đường lối kháng chiến của mỹ cứu nước 1965-1975**

1. Làm cho toàn Đảng, toàn dân hiểu rõ những vấn đề sau:

- Sự chuyển biến của tình hình, miền Bắc không còn ở trong thời kỳ xây dựng hoà bình nữa, mà đã bắt đầu ở vào thời chiến.

- So sánh lực lượng giữa ta và địch. Nhấn mạnh những thuận lợi của ta và thất bại nghiêm trọng của Mỹ, cho nên ta nhất định sẽ thắng, Mỹ nhất định sẽ thất bại hoàn toàn.

- Giải phóng miền Nam là trách nhiệm chung của nhân dân cả nước và cả nước đều phải tham gia đánh giặc. Cần phải xác định rõ “Miền Bắc dù có bị ném bom bắn phá đến đâu cũng phải vì giải phóng miền Nam mà không chút nao núng, nâng cao chí khí căm thù và quyết tâm thắng địch”(3). Phải đẩy mạnh phong trào “ba sẵn sàng” với nội dung và yêu cầu mới. Cần phải xây dựng tác phong tích cực, khẩn trương của thời chiến.

2. Phải ra sức xây dựng tư tưởng phấn khởi và tin tưởng, quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ và tay sai, tư tưởng sẵn sàng chiến đấu và công tác ở bất cứ nơi nào theo tiếng gọi của Đảng và của Tổ quốc; tư tưởng sẵn sàng đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của địch, sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn gian khổ, sẵn sàng chiến đấu lâu dài chống Mỹ với tinh thần tự lực cánh sinh cao; chống tư tưởng sợ Mỹ, đánh giá địch quá cao, hoặc chủ quan khinh địch; tư tưởng hoang mang, dao động, cầu an; tư tưởng muốn đàm phán khi chưa có điều kiện có lợi, muốn kết thúc chiến tranh với bất cứ giá nào; tư tưởng ỷ lại vào sự giúp đỡ của nước ngoài và không tin vào sức mình.

Như vậy, “chuyển hướng tư tưởng” ở đây có thể hiểu một cách ngắn gọn là: chuyển từ nội dung và phương pháp tư tưởng ở thời bình sang nội dung và phương pháp tư tưởng ở thời chiến, trong đó bao gồm những nội dung cụ thể là đế quốc Mỹ dù có mạnh đến mấy chúng ta cũng nhất định thắng; miền Bắc dù có bị bắn phá đến đâu cũng phải quyết tâm cùng miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Cốt lõi của vấn đề chuyển hướng tư tưởng là làm cho nhân dân miền Bắc thấy rõ tình hình mới của đất nước, từ đó có sự đồng thuận tuyệt đối với Đảng, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào.

Chủ trương “chuyển hướng tư tưởng” của Hội nghị Trung ương 11 được tiếp tục khẳng định và bổ sung ở Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 (12-1965). Và Hội nghị xác định nhiệm vụ của công tác tư tưởng là:

- Giáo dục cho toàn Đảng, toàn dân nhận rõ nhiệm vụ lịch sử vô cùng vẻ vang của nhân dân ta là chiến đấu chống một kẻ thù mạnh nhất và nguy hiểm nhất của loài người là đế quốc Mỹ, làm cho mọi người tin tưởng vững chắc rằng với đường lối đúng đắn của Đảng, với tinh thần dũng cảm chiến đấu của quân và dân ta, chúng ta có thể đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của đế quốc Mỹ.

- Giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho nhân dân, nhất là cho bộ đội và thế hệ thanh niên, làm cho mọi người sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, hy sinh, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, chiến đấu anh dũng với bất cứ kẻ thù nào, đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của địch.

- Làm cho mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu rõ trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân ta ở miền Bắc là phải tích cực tham gia sự nghiệp giải phóng miền Nam, phục vụ không điều kiện cho tiền tuyến miền Nam và hết sức giúp đỡ cách mạng Lào, làm cho mọi người hăng hái dốc sức ra làm tròn bất cứ nhiệm vụ nào của Đảng và chính phủ giao phó.

Như vậy, chủ trương “chuyển hướng tư tưởng” ở miền Bắc được Đảng ta xác định từ Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3-1965) và tiếp tục được khẳng định, bổ sung, cụ thể hoá ở Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12-1965) cùng các chỉ thị, nghị quyết sau đó của Trung ương về công tác tư tưởng. Nội dung cơ bản của chủ trương là chuyển hướng công tác tư tưởng của Đảng theo hướng: Làm cho toàn thể nhân dân miền Bắc hiểu rõ tình hình miền Bắc không còn ở trong thời bình nữa mà đã chuyển sang thời chiến; nhiệm vụ thiêng liêng nhất của toàn Đảng toàn quân và toàn dân ta lúc này là nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước; toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ trong bất kể tình huống nào. Nhiệm vụ quan trọng, cấp bách nhất được Trung ương nhấn mạnh nhiều lần, đó là công tác tuyên truyền của Đảng phải tập trung khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân; giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tư tưởng quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, dù phải hy sinh, gian khổ đến mấy.

Đó là một chủ trương đúng đắn và có ý nghĩa to lớn trong việc chỉ đạo công tác tuyên truyền, cổ động của Đảng ở miền Bắc thời gian này. Từ chủ trương này, những vấn đề căn bản nhất của công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền, cổ động nói riêng được xác định kịp thời và chính xác. Nhờ đó, công tác tuyên truyền, cổ động chính trị của Đảng ở miền Bắc được triển khai mạnh mẽ, rầm rộ và liên tục trong suốt những năm ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, góp phần to lớn vào việc động viên, cổ vũ tinh thần chiến đấu và sản xuất của nhân dân miền Bắc, biến sức mạnh tinh thần đó thành sức mạnh vật chất vượt qua mọi gian nan, thử thách, giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến đấu không cân sức giữa dân tộc ta và đế quốc Mỹ. Chuyển hướng tư tưởng của Đảng ở miền Bắc những năm 65-75 là một bài học vô cùng quý giá, thiết nghĩ chúng ta cần nghiên cứu sâu sắc và vận dụng trong giai đoạn hiện nay – giai đoạn hội nhập và phát triển đất nước vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

**Câu 26 :Vì sao Đảng ta lại xác định lực lượng đánh đuổi thực dân Pháp là toàn dân?**

Đường lối kháng chiến của đảng chống thực dân pháp xâm lược (1946-1954) được thể hiện qua 3 văn kiện:

-Chỉ thị:Toàn dân kháng chiến của Ban thường vụ TW Đảng (12/12/1946)

-Lời kêu gọi toàn dân kháng chiến của HCM (19/12/1946)

-Tác phẩm :kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh (1947)

Qua 3 văn kiện này, đảng chủ chương thực hiện cuộc chiến tranh ndân: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đảng xây dựng lực lượng đánh đuổi thực dân pháp là toàn dân: thể hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài. Sở dĩ đảng ta đưa ra phương châm này là dựa trên cơ sở:

-CM là sự nghiệp của quần chúng, triều đại nào cũng dựa vào lòng dân, dù kẻ thù nào lớn mạnh thì cũng thắng lợi

-Qua các giai đoạn lịch sử, các cuộc kháng chiến, đảng rút ra bài học phải lấy dân làm gốc, cuộc kháng chiến phải huy động sức mạnh từ quần chúng ndân

-Động lực của cm và sự phát triển chính là sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dựa trên sự liên minh giữa các gc, tầng lớp nd trong xh

-Nước ta đang trong hcảnh khó khăn về nhiều mặt: ktế, ctrị, văn hóa, ngoại giao. Vì vậy, để đánh đuổi thực dân pháp, chúng ta phải đánh địch về mọi mặt, muốn như vậy ta phải thực hiện kháng chiến toàn dân, huy động sức mạnh của tất cả các tầng lớp nd để thức hiện kháng chiến trên tất cả các mặt trận chính trị, qsự, văn hóa, ngoại giao.

**Câu 27: Hai vấn đề cấp bách về văn hóa mà Đảng ta phải giải quyết sau khi giành chính quyền 1945**

Sau cách mạng tháng 8 - 1945, xây dựng và phát triển văn hoá là một nội dung lớn trong chương trình hành động của Chính phủ mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Hai trong 6 nhiệm vụ cấp bách cần phải tập trung giải quyết lúc này thuộc về lĩnh vực văn hoá đó là:

+ Diệt giặc dốt: chính sách ngu dân triệt để của thực dân Pháp đã làm 95% dân số Việt Nam mù chữ. Vì vậy phải tiến hành diệt giặc dốt, nâng cao dân trí.

+ Giáo dục lại tinh thần nhân dân: bởi vì chế độ thực dân đã hủ hoá dân tộc ta, gieo rắc thói hư tật xấu. Do đó phải giáo dục lại nhân dân để xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Như vậy nhiệm vụ đầu tiên về xây dựng văn hoá của nước Việt Nam độc lập - tự do là: chống nạn mù chữ và giáo dục những điều tốt đẹp cho nhân dân. Hai vấn đề này vẫn còn có giá trị thực tiễn to lớn đối với dân tộc Việt Nam và thế giới hiện nay.

**Câu 28: Trình bày những chủ trương, biện pháp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền non trẻ sau cách mạng tháng Tám năm 1945?**

Trong hoàn cảnh trên thế giới chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt,lực lượng bị suy yếu tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền. Dân tộc Việt Nam đã trở thành dân tộc độc lập, có chủ quyền....Tuy nhiên Đảng và nhân dân còn phải đối mặt với ba khó khăn: Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm.

1.Chủ trương, biện pháp của Đảng.

-Đảng xác định:

+Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng ,khẩu hiệu đấu tranh vẫn là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết!” +Kẻ thù chính của cách mạng lúc này là thực dân Pháp xâm lược.

+Nhiệm vụ của nhân dân cả nước ta lúc này là phải củng cố chính quyền , chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.

-Để thực hiện các nhiệm vụ đó cần phải:

+Về nội chính: Xúc tiến việc bầu cử Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, trừng trị bọn phản động chống đối hiện hành, củng cố chính quyền nhân dân .

+Về quân sự: Động viên lực lượng toàn dân kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài.

+Về ngoại giao: Kiên trì các nguyên tắc “bình đẳng, tương trợ” thêm bạn, bớt thù; thực hiện khẩu hiệu “Hoa-Việt thân thiện” đối với quân Tưởng Giới Thạch và chủ trương “độc lập về chính trị , nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp. Những chủ trương nêu trên của Đảng đã giải quyết kịp thời nhiều vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng trong tình thế mới vô cùng phức tạp và khó khăn của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa mới khai sinh.

-Biện pháp cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trên :

-Về kinh tế:

+Tổ chức cứu đói và đề phòng nạn đói cho dân. Trong phiên họp đầu tiên ngày 3-9-1945, Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời đã bàn về biện pháp chống đói. Nhiều biện pháp như tổ chức lạc quyên, lập “Hũ gạo cứu đói”, tổ chức “Ngày đồng tâm” để góp gạo cứu đói: không dùng gạo, ngô, khoai sắn nấu rượu... +Biện pháp cơ bản lâu dài là tăng gia sản xuất. Và các phong trào đua tranh tăng gia sản xuất dấy lên khắp ở các địa phương.

+Chính phủ cách mạng ra Sắc lệnh số 11, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác của chế độ cũ, ra thông tư giảm tô 25%.

Kết quả: Đã đẩy lùi được nạn đói. Đời sống nhân dân , đặc biệt là đời sống nông dân được cải thiện một bước.

-Về tài chính

+Chính phủ ra sắc lệnh về “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng” nhằm động viên tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân để “giữ vững nền độc lập của Tổ quốc”.

+Chính phủ ra Sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam để thay thế giấy bạc Đông Dương. Khó khăn về tài chính dần được khắc phục.

-Về văn hoá, giáo dục.

+Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập cơ quan bình dân học vụ, phát động phong trào xoá mù chữ. Kết quả các trường tiểu học, trung học phát triển mạnh, bước đầu có đổi mới theo tinh thần độc lập dân chủ.

+Xây dựng đạo đức mới với nội dung “cần-kiệm-liêm-chính” , bài trừ các tệ nạn xã hội cũ như: cờ bạc, rượu chè, hủ tục....ra khỏi đời sống xã hội.

-Về chính trị-quân sự.

+Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra Sắc lệnh về cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

+Ngày 6-1-1946, Tổng quyển cử bầu cử Quốc hội: 89% cử tri cả nước hăng hái đi bỏ phiếu bầu Quốc hội. +333 đại biểu được bầu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

+Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I họp phiên đầu tiên, thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp chính thức do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

+Ngày 9-11-1946 Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà chính thức công bố.

+Việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cũng được chú trọng khắp nơi trên đất nước. -Bài trừ nội phản: Đối với tổ chức phản cách mạng dùng khẩu hiệu “Đoàn kết chống thực dân Pháp xâm lược, phản đối chia rẽ để vạch mặt phá hoại của chúng”.

-Đấu tranh chống ngoại xâm: Thực hiện nguyên tắc ngoại giao “Bình đẳng tương trợ, thêm bạn, bớt thù”. Đối với quân đội Tưởng thực hiện “Hoa-Việt thân thiện”

+Trước ngày 6-3-1946 Đảng ta đã có sách lược hoà hoãn với Tưởng và tay sai ở miền Bắc để tập trung lực lượng đánh đuổi Pháp ở miền Nam. Đối với Tưởng, ta chủ trương tránh xung đột vũ trang, nhân nhượng chúng một số yêu sách về kinh tế và chính trị : Nhận cung cấp một phần lương thực, thực phẩm. +Đối với quân Pháp ở miền Nam: Kiên quyết kháng chiến chống thực dân Pháp; cả nước ủng hộ Nam Bộ kháng chiến với các phong trào “Nam Tiến”, “ủng hộ Nam Bộ kháng chiến”.

+Ngày 28-2-1946 Pháp và Tưởng ký hiệp ước Hoa-Pháp, Pháp sẽ thay thế quân Tưởng giải giáp quân Nhật ở miền Bắc nên đã đặt nhân dân ta vào hai con đường: một là: cầm vũ khí chiến đấu chống thực dân Pháp; hai là: hoà hoãn nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng đối phó với nhiều kẻ thù một lúc, đẩy 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng cách mạng.

+Chiều 6-3-946, ta đã ký Hiệp định sơ bộ với Pháp Qua đó, việc ký Hiệp định sơ bộ là một trủ chương sách lược đúng đắn của Đảng, Chính phủ và Hồ Chí Minh. Ta đã loại trừ được một kẻ thù nguy hiểm là quân Tưởng và tay sai của chúng ra khỏi nước ta. Tranh thủ thời gian hoà bình cần thiết để củng cố chính quyền cách mạng , chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

|  |
| --- |
| **Câu 29:**  **Trình bày nội dung Hội nghị trung ương Đảng lần 11 ( 3-1965) và Lần 12 ( 12-1965).**  - 3/1965 và 12/1965 hội nghị TƯ lần thứ 11 và 12 của Đảng đã họp để đánh giá tình hình mới và đề ra nhiêm vụ mới để lãnh đạo toàn dân ta đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.  - *Mục tiêu*: chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc do vậy chúng ta phải quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ bằng bất cứ giá nào để bảo vệ hòa bình, giải phóng miền Nam hoàn thành cuộc cách mạng DTDCND và thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.  - *Phương châm* chiến lược chung gồm: Đánh lâu dài dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh cần phải cố gắng tới mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.  - *Phương thức đấu tranh là*: kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị nhưng đấu tranh vũ trang sẽ có tầm quan trọng và quyết định. Triệt để thực hiện 3 mũi giáp công qu ân s ự, ch ính tr ị, binh v ận..  - *Tư tưởng chỉ đạo* chiến lược là: Giữ vững và phát triển thế tiến công, liên tục tiến công.  - *Khẩu hiệu* đấu tranh là: “tất cả để đánh thắng Mỹ xâm lược, hễ còn một tên giặc Mỹ xâm lược lược trên đất nước ta thì ta phải quét sạch nó đi  **+ Ý nghĩa đường lối**  - Thể hiện quyết tâm, Phản ánh đúng nguyện vọng ý chí của toàn Đ và toàn quân ta.  - Thể hiện tư tưởng nắm vững giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.  - Đó là đường lối chiến tranh nhân dân được phát triển trong hoàn cảnh mới. |

**Câu 30: Trình bày đối sách của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống giặc ngoài thù trong những năm 45-46?**

1.Hoàn cảnh lịch sử

-Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã đem lại cho Việt Nam thế và lực mới. Đảng ta từ một Đảng hoạt động bât hợp pháp trở thành Đảng cầm quyền, nhân dân ta được giải phóng khỏi cuộc đời nô lệ trở thành người chủ đất nước mình.

-Cách mạng nước ta thời kỳ này đứng trước những khó khăn thử thách nghiệm trọng trực tiếp đe doạ sự tồn vong của đất nước, đó là phải “chống giặc ngoài, thù trong”.

1.Chủ trương , biện pháp của Đảng. Chủ trương của Đảng trong thời kỳ này được nêu ra trong chỉ thị “Kháng chiến Kiến Quốc” ra ngày 25/11/1945. Chỉ thị “Kháng chiến Kiến Quốc” vạch rõ nhiệm vụ chiến lược và nhiệm vụ cần kíp của cách mạng Việt Nam.

-Cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Khẩu hiệu đấu tranh vẫn là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”.

+Kẻ thù chính của cách mạng lúc này là thực dân Pháp xâm lược. +Nhiệm vụ cơ bản trước mắt: củng cố chính quyền , chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân . -Biện pháp cụ thể để thực hiện nhiệm vụ trên:

+Về nộ chính: Xúc tiến bầu cử Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức, xây dựng Hiến pháp, xử lý bọn phản động, củng cố chính quyền nhân dân. +Về quân sự: Động viên lực lượng toàn dân trường kỳ kháng chiến.

+Về ngoại giao: Kiên trì nguyên tắc “Bình đẳng, tương trợ, thêm bạn bớt thù. Đối với quân đội Tưởng thực hiện “Hoa-Việt thân thiện”. Thực hiện nguyên tắc ngoại giao trên, trước ngày 6-3-1946 Đảng ta đã có sách lược hoà hoãn với Tưởng và tay sai ra khỏi đất nước.

-Ngày 6-3-1946 thực hiện sách lược hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng và tay sai ra khỏi đất nước.

-Ngày6-3-1946 ta đã ký với Pháp hiệp định sơ bộ, trong đó Pháp công nhậnViệt Nam là nước tự do, ta đồng ý để Pháp ra miền Bắc thay Tưởng trong thời hạn 5 năm. Với Hiệp định sơ bộ ta tránh cuộc chiến đầu bất lợi cùng một lúc chống lại nhiều kẻ thù, tranh thủ thêm thời gian hoà bình để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài chống thực dân Pháp.

-Ngày 14/9/1946, ta lại ký với Pháp bản Tạm ước, tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi kinh tế , văn hoá ở Việt Nam với mục đích kéo dài thời gian hoà hoãn, chuẩn bị cho kháng chiến . Đối sách trên của Đảng ta mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh là cần thiết, đúng đắn và sáng suốt đã đưa cách mạng Việt Nam vượt qua những khó khăn nghiêm trọng, bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám và chuẩn bị điều kiện bước vào cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

**Câu 31. Giai đoạn ngàn cân treo sợi tóc là giai đoạn nào , phân tích. Ví sao đảng chủ trương ‘ Tổ quốc dân tộc là trên hết’**

Giai đoạn ngàn cân treo sợi tóc là giai đoạn sau CM tháng \* 1945 1946

Nguyên nhân

\*Kẻ thù nước ngoài;Chưa bao giờ đất nước cso nhiều kẻ thù như thế:

* 20 vạn quân Tưởng kéo vào từ phía Bắc lấy danh nghĩa là tước vũ khí quân đội Nhật thực chất là cướp nc ta
* Quân đội Anh kéo vào từ phía Nam chiếm nhà tù thả tù binh Pháp
* Một số đơn vị quân Pháp theo chân Anh kéo vào nước ta quyết tâm xâm lược nc ta lần nữa
* Quân Nhật chờ tước vũ khí sẵn sàng ủng hộ đế quốc thực dân

\*Bọn phản động ngừoi Việt : âm mưu chống lại CMVN làm tay sai cho đế quốc( Vd VN quốc dân Đảng , Đại Việt quốc dân đảng, Phục quốc Đảng…)

\*Kinh tế Văn hóa :

* Nạn đói 1945: gần 2 tr ng chết, nền kinh tế kiệt quệ, tài chính kháh kiệt…
* Nền văn hóa suy sụp do chính sách ngu dân của TD Pháp: mù chữ , rựou thuốc phiện

Ví sao đảng chủ trương ‘ Tổ quốc dân tộc là trên hết’: thời kì này đất nc ta đã giành được độc lập, tuy nhiên thực dân Pháp dã tâm cướp nước ta 1 lần nữa , vì vậy mà vấn đề dân toóc đc nhấn mạnh và đặt lên hàng đầu.cần xác định rõ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thời kì này là giữ vững độc lập chứ ko phải là giành độc lập

**CHƯƠNG IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA**

**Câu 32. Kết luận từ thực tiễn CNH của nước ta giai đoạn 76-81 của Đảng?**

Qua thực tiễn 1976 – 1981, Đảng rút ra nhận thức: phải xác định đúng bước đi của công nghiệp hóa cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường.

Với cách đặt vấn đề như vậy, đại hội V(3/1982) đã xác định

-Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chxh thì phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

-Công nghiệp nặng phải làm có chọn lọc, có mức độ, vừa sức với mục tiêu phục vụ cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ

-Đó là nội dung chính của CNH trong chặng đường trước mắt.

Đây là sự điều chỉnh rất đúng đắn mục tiêu và bước đi của công nghiệp hóa, phù hợp với thực tiễn của VN.

**Câu 33. nêu quan điểm của đảng về vai trò của KHCN trong quá trình CNH-HĐH của nước ta?vì sao?**

Khoa học công nghệ là nền tảng và động lực của CNH - HĐH.

- Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định to lớn đến phát triển kinh tế của mỗi quốc gia nhất là trong điều kiện hiện nay. Khoa học công nghệ có vai trò quyết định đến tăng năng suất lao động,giảm chi phí sản xuất, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung.

- Nước ta tiến hành CNH, HĐH trong điều kiện trình độ khoa học và công nghệ còn thấp kém thì yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ là rất cấp bách.

- Để phát triển công nghệ hiện nay chúng ta phải đi theo các hướng:

+ Nhập công nghệ.

+ Làm chủ và sáng tạo công nghệ, xuất khẩu công nghệ.

-Khoa học công nghệ cần phải được phát triển cân đối.

**Câu 34: Phân tích quan điểm CNH\_HĐH phải gắn liền vs nền kinh tế**

**tri thức. Cơ sở lý luận và thực tiễn của quan điểm** **này**

•Quan điểm CNH-HĐH phải gắn liền với nền kinh tế tri thức (Có từ HNTW 7 (7/1994) và ĐH 10 đã bổ sung thêm gắn với kinh tế tri thức)

•4 nội dung cơ bản của CNH-HĐH gắn liền vs KTTT

1)Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức.

2)Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế.

3)Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

4)Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng xuất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

•Cơ sở lý luận

- kinh tế tri thức: là nền kt trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối vs sự phát triển ktế, tạo ra của cải và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Cách mạng khoa học kỷ thuật trên thế giới đang phát triển như vũ bão đã tác động hầu hết các quốc gia, đồng thời đặt ra cho CNH, HĐH nước ta những thách thức gay gắt và cũng là cơ hội tạo ra rút ngắn quá trình CNH, HĐH đất nước. Muốn rút ngắn CNH, HĐH thì phải nắm bắt, khai thác và sử dụng KHCN hiện đại và những yếu tố tri thức , phải tăng tốc, đi tắt, đón đầu, bỏ qua lối mòn mà các nước trước đây đã vượt qua.

3-Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế: hiện nay sự phân công lao động và trao đổi được thông qua liên kết toàn cầu, xu thế này tất yếu làm cho các nước xích lại gần nhau trong hoạt động đầu tư và thương mại; cho phép các nước mở rộng quan hệ kinh tế với các nước tiên tiến trên thế giới để tranh thủ vốn, kỉ thuật, kinh nghiệm quản lý…xu hướng chỉ đạo hiện nay là tiến lên nền kinh tế tri thức như là lực lượng quyết định phát triển kinh tế xã hội. VN cũng tất yếu đi vào nền kinh tế tri thức, coi nó là đòn bẩy phát triển nền kinh tế.

4-Nước ta thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện nền kinh tế tri thức trên thế giới đã hình thành và đang phát triển.

•Cơ sở thực tiễn

I.Tri thức và nền phát triển kinh tế:

1,Nguồn nhân lực là một nguyên nhân quan trọng của tăng trưởng kinh tế: Trình độ học vấn của dân chúng cao hơn, nghĩa là có nhiều người có thể học cách sử dụng công nghệ tốt hơn. Một công trình nghiên cứu đã phát hiện là việc tăng số năm đi học của học sinh tại nước Mỹ đã góp phần vào khoảng 20% số tăng GDP theo đầu người của Mỹ từ 1929 đến 1982.

Hàn Quốc và Gana vào những năm 1950 có thu nhập GDP đầu người tương đương nhau, đến 1991 GDP đầu người của Hàn Quốc gấp 7 lần Gana. Về cơ bản không thể chỉ lý giải nguyên nhân dẫn đến khoảng cách này là do nguồn nhân lực, mà có lẽ chủ yếu là do khả năng sử dụng tri thức.

2,Trong nền kinh tế mới (kinh tế tri thức) có 3 chỉ số có tương quan mạnh (chặt) với tăng trưởng kinh tế, đó là:

1-Giáo dục; mở cửa mậu dịch; và cơ sở hạ tầng thông tin-viễn thông.

2-Giáo dục thường thể hiện qua số năm học trung bình được hưởng trong dân chúng.3-Trình độ giáo dục của dân chúng có quan hệ mật thiết với năng lực sử dụng tri thức của họ.

4-Mức độ mở cửa mậu dịch thể hiện bằng tỷ lệ của tổng giá trị xuất - nhập khẩu chia cho tổng GDP.Sự mở cửa mậu dịch gắn liền với cơ hội khai thác tri thức của nước ngoài thông qua hàng hóa và dịch vụ, ngoài ra người dân cũng học tập được thực tiễn kinh doanh của những xã hội khác.

5-Cơ sở hạ tầng thông tin-viễn thông, được thể hiện bởi nhiều chỉ số khác nhau, như mật độ điện thoại, số máy vi tính trên 100 dân, mức độ sử dụng Internet trong dân..., nó đóng vai trò đặc biệt quan trọng để người dân thu thập thông tin và tích lũy tri thức. Những thành tựu lớn lao của công nghệ thông tin, mà cốt lõi là tin học và viễn thông, đã góp phần quan trọng trong việc hình thành nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên điều quan trọng hơn, đó là: Cuộc cách mạng trong công nghệ thông tin đã cung cấp vô số cơ hội để tri thức được phổ

cập rộng rãi.

*II. Một số đăc trưng của nền kinh tế tri thức*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) hiện đại đang tạo nên bộ mặt mới của nền kinh tế, tạo tiền đề hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin, với những nét đặc trưng nổi bật là:

1. Vai trò quan trọng của công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ thông tin.

Nền kinh tế công nghiệp dựa chủ yếu vào máy móc, tài nguyên; còn nền kinh tế tri thức thì các yếu tố thông tin và tri thức có vai trò hàng đầu. Các ngành công nghệ cao (thông tin, sinh học, tự động hóa, vật liệu mới v.v...) phát triển nhanh chóng và có giá trị gia tăng nhanh.

Nhịp độ tăng GDP trong ngành công nghệ thông tin cao hơn 3 - 4 lần nhịp độ tăng tổng GDP; tốc độ tăng việc làm do công nghệ thông tin tạo ra nhanh hơn từ 14 đến 16 lần so với toàn bộ các ngành kinh tế còn lại.

Trong nền kinh tế tri thức, việc phát triển kinh tế có liên quan nhiều đến sở hữu trí tuệ, sáng tạo và sử dụng thông tin, đặc biệt trong các ngành sản xuất ra các sản phẩm có hàm lượng cao về trí tuệ trên cơ sở đầu tư mạnh mẽ vào vốn con người (Human Capital).

2. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Thời gian từ kết quả nghiên cứu khoa học đến công nghệ và đưa sản phẩm ra thị trường ngày càng rút ngắn. Thế kỷ 19 là 60-70 năm; thế kỷ 20 là 30 năm; thập niên 1990 chỉ còn 3 năm.

Thị trường công nghệ mới, sản phẩm mới gia tăng nhanh chóng: Để đạt mức 500 triệu người sử dụng telephone phải mất 74 năm; radio 38 năm; ti vi: 13 năm; nhưng Internet chỉ có 3 năm!

Phòng thí nghiệm, cơ quan khoa học, ngoài nghiên cứu còn mang cả chức năng sản xuất, kinh doanh.

Quá trình đổi mới công nghệ diễn ra còn nhanh hơn cả khả năng thích nghi của con người;

Phát minh khoa học ngày càng nhiều và mở ra khả năng khoa học có thể giải quyết được hầu hết những gì con người muốn làm để phục vụ cho cuộc sống của mình;

Lực lượng sản xuất tinh thần đang chiếm ưu thế và có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với lực lượng sản xuất vật chất; tri thức (tức là các thành tựu của KH&CN) trở thành sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn nhiều so với các sản phẩm vật chất khác, vì nó tạo ra giá trị mới ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong GDP.

3. Thời gian để tiến hành CNH được rút ngắn.

Nhờ cuộc cách mạng KH&CN mới, những nước nghèo có thể tìm được cơ hội để phát triển, nếu tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp cận được trình độ KH&CN hiện đại. ở thế kỷ 18, một nước muốn CNH phải mất khoảng 100 năm; cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 là khoảng 50 - 60 năm; trong những thập kỷ 70 - 80 là khoảng 20 - 30 năm; đến cuối thế kỷ 20, quãng thời gian này có thể còn ngắn hơn nữa.

4. Nguồn nhân lực trong xã hội nhanh chóng được tri thức hóa.

Con người phải làm việc bằng năng lực trí tuệ là chính, càng không phải chỉ là năng lực thể chất. Cơ cấu lao động xã hội thay đổi căn bản: Nhân lực trong các ngành dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ xử lý thông tin và dịch vụ tri thức tăng nhanh. Sự cách biệt giàu nghèo về thực chất là sự cách biệt về tri thức và năng lực tạo ra tri thức. Các nước đang phát triển chỉ bằng con đường phát triển KH&CN, giáo dục - đào tạo nhằm tăng nhanh vốn tri thức, mới có thể rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

5. Cơ cấu kinh tế, hình thức tổ chức xã hội thay đổi cơ bản.

Một số cơ cấu tổ chức cũ theo kiểu kim tự tháp (phân cấp trên, dưới) biến thành cơ cấu mạng lưới.

Mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính, của các cơ quan, xí nghiệp đều thông qua mạng máy tính (Chính phủ điện tử; thương mại điện tử). Xuất hiện công ty ảo, trường học ảo, v.v...

Trò chơi kinh tế "tổng không" (thắng - thua) được thay bằng mô hình "hai bên cùng thắng" (Win-Win Game) thể hiện trong cạnh tranh và hợp tác; chuyển giao công nghệ...

Năng lực kinh doanh và phát hiện, chiếm lĩnh thị trường trong nhiều trường hợp còn quan trọng hơn năng lực sản xuất (vai trò doanh nhân).

**Câu 35: Phân biệt CNH và HDH?**

**Giống nhau:**

CNH-HDH là quá trình chuyển đỏi cơ bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng 1 cách phổ biến SLD và công nghệ, phương tiện phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ tạo ra năng suất lao động cao

**Khác nhau**

CNH chỉ tiến hành trong thời gian nhất định khi nào thành nước công nghiệp thì quá trình công nghiệp hóa sẽ dừng lại. CNH do các nước nông nghiệp lạc hậu hoặc đang trong thời kỳ quá độ lên CNXH tiến hành HDH là quá trình lâu dài, HDH được tiến hành ở tất cả các quốc gia, kể cả các nước đã phát triển Câu 85: Vì sao CNH-HDH hiện nay đảng ta xác định phải gắn với phát triển kinh tế tri thức? cho ví dụ? Vì: cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đã tác động sâu rộng đén mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bên cạnh đó xu thế hội nhập và tác động của quá trình toàn cầu hóa đã tạo nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với đất nước. trong bối cảnh đó, nươc ta cần phải và có thể rút ngăn thời gian khi biết lựa chọn con đường phát triển kết hợp CNH-HDH. Nươc ta thực hiện CNH\_HDH trong khi thế giới kinh tế tri thức đã phát triển. chúng ta co thể và cần thiết ko trải qua các bước phát triển từ NN lên CN rồi mới lên kinh tế tri thức. đó là lợi thế của các nươc đi sau, ko phải nóng vội duy ý chí. Kinh tế tri thức đã tạo ra lượng giá trị lớn rút ngắn tụt hậu. dựa vào kinh tế tri thức chúng ta có tư liệu mới, máy móc tự đọng hiện đại tạo ra đối tượng lao động và giá trị sử dụng mới Vì vậy chúng ta phải gắn CNH\_HDH voi KTTT

**Câu 36: Vì sao phải tiên hành CNH-HDH nông nghiệp nông thôn?**

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, "Mà đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"(1). Do đó, chúng ta phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, mới tạo tiền đề vững chắc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bởi nông nghiệp, nông thôn là khu vực đông dân cư nhất, lại có trình độ phát triển nhìn chung là thấp nhất so với các khu vực khác của nền kinh tế. Nông dân chiếm hơn 70% dân số và hơn 76% lực lượng lao động cả nước, đóng góp từ 25% - 27% GDP của cả nước... Hơn thế nữa, Đảng ta coi đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, còn vì nông dân, nông thôn Việt Nam có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của đất nước trước đây và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Khu vực nông nghiệp, nông thôn hiện có tài nguyên lớn về đất đai và các tiềm năng thiên nhiên khác: hơn 7 triệu ha đất canh tác, 10 triệu ha đất canh tác chưa sử dụng; các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là sản phẩm nông - lâm - hải sản (như cà-phê, gạo, hạt tiêu...). Nông nghiệp, nông thôn còn giữ vai trò chủ đạo trong cung cấp các nguồn nguyên, vật liệu cho phát triển công nghiệp - dịch vụ. Bộ mặt nông thôn Việt Nam trong thời gian vừa qua đã có nhiều đổi mới, từ chỗ bị thiếu ăn, phải nhập khẩu gạo, đến nay đã và đang xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới (sau Thái Lan). Tuy nhiên, vẫn còn đó những hạn chế, yếu kém, mà nhiều năm nay vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu. Chẳng hạn, vốn đầu tư cho khu vực này vẫn thấp (chiếm 11% - 12% tổng đầu tư toàn xã hội); sản phẩm nông nghiệp lại chủ yếu thiên về số lượng, chứ chưa nâng cao về chất lượng, giá thành nông sản còn cao, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất còn thấp; sản lượng nông sản tuy tăng nhưng chi phí đầu vào vẫn tăng cao (chi phí cho sản xuất 1ha lúa tăng từ 1 triệu đến 1,5 triệu đồng), trong khi giá các mặt hàng nông sản trên thị trường quốc tế lại giảm. Trong khi đó, các chính sách và biện pháp mà Nhà nước đã áp dụng cho phát triển nông nghiệp những năm gần đây chưa tạo bước đột phá mạnh. Trình độ dân trí của một bộ phận nông dân (nhất là vùng sâu, vùng xa) chưa được cải thiện, đời sống, xã hội nông thôn mặc dù có sự chuyển biến song chưa mạnh và không đồng đều. Tình trạng đó dẫn đến sự chênh lệch giữa khu vực thành thị và nông thôn ngày càng lớn. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng thế giới (WB) (năm 2003) hệ số chênh lệch giữa thành thị và nông thôn còn là 3,65 lần. Thêm nữa, kinh nghiệm từ các nước trên thế giới và trong khu vực (như Xin-gapo, Thái Lan, Trung Quốc, Thụy Điển, Tây Ban Nha...) đều cho thấy bài học: công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là cơ sở để chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế đất nước.

**Câu 37: Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là gì?**

Tiếp tục khuyến khích phát triển mạnh thêm du lịch sẽ giúp cho nông thôn giải quyết hàng loạt vấn đề: tạo công ăn việc làm, nâng cao dân trí, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, từ đó, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và lao động trong nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, phát triển nông thôn văn minh, hiện đại, phù hợp với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngay từ Đại hội Đảng lần thứ VIII Đảng ta đã quyết định và chỉ đạo phải luôn luôn coi trọng và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX chỉ rõ nội dung tổng quát của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta giai đoạn 2001 - 2010 là (2): - Là quá trình chuyển dịch kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, hiện đại hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học đưa vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường. - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch và phát triển nông thôn, tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp; xây dựng nông thôn dân chủ, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nông dân nông thôn. Tới Đại hội X, Đảng ta xác định: "Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn vẫn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn"(3). Tóm lại, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn chính là từng bước để phát triển nông thôn Việt Nam theo hướng hiện đại, xóa dần khoảng cách giữa thành thị với nông thôn.

**Câu 38 : Công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước?**

Mục tiêu đến năm 2000: - Đây là bước phát triển mới, đẩy mạnh CNH\_ HĐH đất nước .tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ vượt qua thử thách để đẩy mạnh công cuộc đổi mới 1 cách đồng bộ.

- Tiếp tục phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN . Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000.

- Tăng trưởng kinh tế nhanh hiệu quả và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về XH bảo đảm an ninh quốc phòng cải thiện đời sống nhân dân năng cao tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao vào đầu thế kỷ sau . Quan điểm của đảng về công nghiệp hoá - hiện đại hoá

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế , đa phương hoá, đa dạng hoá các mối quan hệ đối ngoại dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với việc tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài . XD một nền kinh tế mở hội nhập với khu vực và trên thế giới , hướng mạnh về xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước, sản xuất có hiệu quả.

- CNH\_HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế trong đó kinh tế nông nghiệp là chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Toàn Đ, toàn dân cần kiệm XD đất nước, không ngừng tăng cường tích luỹ cho đầu tư phát triển, tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá giáo dục thực hiện tiến bộ và công bằng XH, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của CNH- HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại. Tranh thủ đi nhanh vào hiện đại và những khâu quyết định.

- Lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn cơ bản để XD phương án phát triển lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ, đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực hiện có. Trong phát triển mới ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh, đồng thời XD một mũi nhọn trong từng bước phát triển tập chung thích đáng nguồn lực cho những trọng điểm, cho những địa bàn trọng điểm. Đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước. Có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn tạo điều kiện cho mọi vùng đều phát triển.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh.

Mục tiêu CNH-HĐH đến năm 2020:

- XD nước ta thành một nước công nghiệp. Có cơ sở vật chất kỹ thuật hiên đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, QHSX tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng SX, đời sống vật chất tinh thần cao, quốc phòng và an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh XH công bằng, dân chủ, văn minh. Từ nay đến năm 2020 ra sức phấn đấu XD đưa nước ta trở thành 1 nước công nghiệp: nước CN là một nước trong đó lao động CN trở thành phổ biến trong tất cả các ngành kinh tế. Chỉ tiêu chủ yếu cho 1 nước công nghiệp là có chỉ tiêu của tấtt cả các tỷ trọng vượt trội so với một nước nông nghiệp.

Vì sao phải CNH - Không có CNH thì không có cơ sở vật chất của CNXH. Cơ sở của CNXH là : đại hội VIII khẳng định cơ sở để ta chuyển sang thời kỳ mới CNH-HĐH có những cơ sở sau:

+ Xuất phát từ kết quả 10 năm đổi mới với những tiên đề đã được tạo ra đồng thời dựa trên sự phân tích cục diện tình hình thế giới ngày nay có những biến động, với những thắng lợi to lớn nhưng cũng đan xen nhiều khó khăn phức tạp mới: ta đã đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinhtế trên nhiều mặt làm cho đời sống nhân dân khá hơn, KHCN phát triển …

+ Xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình hợp tác phát triển, cách mạng KHKT ngày càng phát triển cao do đó chúng ta không thể đứng ngoài xu thế này nên ta phải CNH- HĐH .Tiền đề vật chất và sự ổn định nhiều mặt: quốc phòng an ninh chính trị … cho phép ta đẩy mạnh CNH- HĐH. Tuy nhiên ta chưa có đủ tiền đề nhưng trong quá trình đẩy mạnh CNH- HĐH sẽ tạo ra tiền đề, sẽ hoàn chỉnh dần các tiền đề. Đó là biện chứng của sự phát triển (tác động qua lại lẫn nhau). Vì vậy không thể cho đủ tiền đề để đẩy mạnh CNH – HDH

+ Hoàn thành CNH- HĐH mới là hoàn thành tiên đề V/C cơ sở kỹ thuật , chứ chưa hoàn thành thời kỳ quá độ, chưa thể nói là nước phát triển được. Trở thành 1 nước CN chưa có nghĩa là hoàn thành CNH- HĐH. Cơ bản hoàn thành CNH –HĐH chưa hoàn thành nhiệm vụ của thời kỳ quá độ. Kết thúc thời kì quá độ có nhiều vấn

đề khác: QHSX, trình độ phát triển của lực lượng SX, QHSX phải phù hợp với CNHHĐH, mà CNH-HĐH chỉ là một công cụ cho kiến trúc thượng tầng . Khi hoàn thành thời kì quá độ, hoàn chỉnh về tư tưởng con người – con người có CNXH phải trải qua một bước rất dài mới tiến lên được CNCS.

**CHƯƠNG 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG**

**Câu 39: trình bày đường lối kháng chiến chống thực dân pháp**

- Năm 1858 thực dân Pháp xâm luợc nước ta. Ngày 6-6-1884 triều đình Nguyễn ký hiệp ước Patơnốt thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp, chia nước ta thành 3 kỳ với 3 chế độ chính trị khác nhau, vừa xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, vừa duy trì chính quyền phong kiến và tay sai làm chổ dựa. Mọi quyền hành đều trong tay người Pháp, với âm mưu thâm độc thực hiện chính sách chia để trị, chính sách ngu dân, chính sách độc quyền về kinh tế, ra sức vơ vét tài nguyêm bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cừng nhiều hình thức thuế khoá năng nề, vô lý.

- Trước những áp bức bóc lột dã man của thực dân Pháp, nhân dân ta đã liên tiếp nổi dậy cầm vũ khí chống bọn cướp nước. Nhưng tất cả những cuộc đấu tranh đó đều không giành được thắng lơi. Giai cấp địa chủ phong kiên mà tiêu biểu là triều đình nhà Nguyễn đã bất lực và hèn nhát nhanh chóng đầu hàng thực dân Pháp và trở thành phản động, phản bội lại lợi ích của dân tộc.

Phong trào chống Pháp theo ý thức hệ phong kiến: phong trào Cần Vương đã thất bại khi cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng chấm dứt năm   1896; phong trào khởi nghĩa nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám kéo dài 30 năm cũng không giành được thắng lợi. Nguyên nhân là do thiếu đường lối đúng, thiếu một tổ chức cách mạng có khả năng dẫn dắt dân tộc đến thắng lợi. Điều này chứng tỏ rằng, thời kỳ đấu tranh chống ngoại xâm trong khuôn khổ ý thức hệ tư tưởng phong kiến đã chấm dứt.Cuộc đấu tranh của nhân dân ta rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước, về giai cấp lãnh đạo cách mạng.

- Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam cũng như một số nước phương Đông khác đã ít nhiều chịu sự chi phối của ý thức hệ tư sản. Đặc biệt cách mạng Minh Trị ở Nhật Bản (l868), cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) đã có tác động nhất định tới phong trào yêu nước ở Việt Nam,  làm dấy lên ở nước ta một phong trào yêu nước rộng rãi theo khuynh hướng tu sản nhưng đều thất bại. Tiêu biểu là phong trào của cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Chu Trinh, phong trào Duy Tân của vua Duy Tân. Điều này chứng tỏ sự bất lực của giai cấp tư sản Việt Nam, rằng giai cấp tư sản Việt Nam không đủ khả năng giương cao ngọn cờ lãnh đạo đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Tình hình khủng hoảng, bế tắc về con đường cứu nước giải phóng dân tộc, yêu cầu lịch sử đòi hỏi phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cách mạng đúng đắn dẫn đường, mới có khả năng đưa phong trào cứu nước đi đến thắng lợi.

**Câu 40: Nghiên cứu mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong thời kỳ thống trị của Pháp giúp chúng ta nhận ra được yêu cầu cơ bản nào của xã hội?Điều đó được thể hiện thông qua cương lĩnh đầu tiên như thế nào?**

\*Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong thời kỳ thống trị của Pháp:

Chính sách thống trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến XHVN trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó đặc biệt là sự ra đời của hai giai cấp mới là công nhân và tư sản Việt Nam, xã hội VN ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân ( nông dân với địa chủ) thì nảy sinh một mâu thuẫn vừa cơ bản vừa chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân VN với bọn thực dân Pháp xâm lược. Tính chất của XH VN là xã hội thuộc địa nửa phong kiến

\*Yêu cầu cơ bản:

1) Một là, phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc,tự do cho nhân dân

2) Hai là, xóa bỏ chế độ PK, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân

Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu

\*Điều đó được thể hiện qua cương lĩnh tháng 2 năm 1930 – cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng . Cương lĩnh xác định

- Chiến lược chung :” tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”

- Nhiệm vụ

+ nhiệm vụ dân tộc : đánh đế quốc, giành độc lập dân tộc

+ nhiệm vụ dân chủ : đánh đổ PK đem lại ruộng đất cho nông dân

2 nhiệm vụ có mối quan hệ chặt chẽ nhưng nhiệm vụ dân tộc được dặt lên hàng đầu

- Cụ thể

+ Chính trị : đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn PK, làm cho nước VN hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông, tổ chức quân đội công nông.

+ Kinh tế : thủ tiêu hết các thứ quốc trái ĐQCN Pháp, tịch thu toàn bộ sự nghiệp lớn ( CN, vận tải…) giao cho Chính phủ công nông binh quản lý, tịch thu ruộng đất chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm 8h.

+ Văn hóa- xã hội : Dân chúng tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

**Câu 41: Trình bày vị trí, đặc điểm và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam và nhận xét về phong trào công nhân Việt Nam trong những năm trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam?**

1.Vị trí, đặc điểm của giai cấp công nghiệp Việt Nam trước khi Đảng ra đời. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất hiện khi có sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp vào Việt Nam. Tuy còn non trẻ , số lượng ít, trình độ văn hoá và kỹ thuật còn thấp nhưng giai cấp công nhân Việt Nam đã có một vị trí lịch sử quan trọng.

a.Vị trí kinh tế –xã hội

- Giai cấp công nhân là một bộ phận quan trọng nhất cấu thành lực lượng sản xuất của xã hội . Họ đại diện cho lực lượng sản xuất tiến bộ nhất, nằm trong mạch máu kinh tế quan trọng.

- Là giai cấp thực sự cách mạng .Bởi vì họ đại diện cho một lực lượng sản xuất được xã hội hoá ngày càng cao. Lao động của họ làm ra tuyệt đại bộ phận của cải trong xã hội .

-Là giai cấp đứng ở vị trí trung tâm, quyết định nội dung , phương hướng phát triển của thời đại. a.Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam.

-Giai cấp công nhân Việt Nam tuy sinh trưởng trong một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến đầu thế kỷ XX chỉ trên 1% số dân, trình độ văn hoá, kỹ thuật thấp nhưng có đầy đủ đặc điểm của giai cấp vô sản hiện đại: đại biểu cho lực lượng sản xuất tiến bộ nhất, triệt để cách mạng , có ý thức tổ chức và kỷ luật....

-Giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng: +Ra đời trước giai cấp tư sản.

+Sinh trưởng trong một nước thuộc địa, nửa phong kiến , chịu ba tầng áp bức, bóc lột nặng nề của đế quốc phong kiến và tư bản.

+Xuất thân từ người nông dân lao động bị bần cùng hoá và vẫn còn quan hệ nhiều mặt với nông dân: giai cấp công nhân Việt Nam có cơ sở thuận lợi để thiết lập khối liên minh vững chắc với nông dân.

+Là người công nhân của một dân tộc bị mất nước, khi giác ngộ cách mạng, họ dễ thấy ngay chủ nghĩa đế quốc vừa là kẻ áp bức giai cấp mình, vừa là kẻ cướp nước mình. Lợi ích giai cấp gắn chặt với lợi ích dân tộc , cho nên họ là người đại biểu trung thành nhất cho cuộc đấu tranh vì giai cấp , vì dân tộc . Họ là người có khả năng tập hợp rộng rãi các giai cấp và các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và chống phong kiến . Họ là người xứng đáng duy nhất giương cao ngọn cờ độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội .

+Sẵn có truyền thống cách mạng kiên cường của dân tộc , vừa lớn lên được tiếp thu ngay chủ nghĩa Mác-Lênin và sớm có Đảng tiên phong lãnh đạo , giai cấp công nhân Việt Nam nhanh chóng trở thành một lực lượng chính trị độc lập, thống nhất trong cả nước.

+Giai cấp công nhân Việt Nam bước lên vũ đài chính trị sau khi cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc đang ở trong thời kỳ sôi nổi. Điều kiện lịch sử đó càng nâng cao uy thế chính trị và tinh thần , tạo cho giai cấp công nhân Việt Nam một sức mạnh to lơn, sớm nắm quyền lãnh đạo cách mạng . Giai cấp công nhân không chỉ là giai cấp lãnh đạo mà còn cùng với giai cấp nông dân , là lực lượng chủ yếu của cách mạng Đánh giá về giai cấp công nhân Việt Nam, Hồ Chí Minh viết: “Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất....giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng, tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam” 1.Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. -Các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã diễn ra ngay từ khi mới được hình thành để chống lại chế độ bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp. Từ những hình thức đấu tranh ban đầu như: bỏ trốn tập thể, đập phá máy móc....đến những hình thức đấu tranh đình công, bãi công....

-Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, lực lượng công nhân phát triển đông đảo và tập trung hơn, các cuộc đấu tranh cũng nổ ra liên tiếp mạnh mẽ ở các vùng trung tâm công nghiệp : Hà Nội, Sài Gòn....1925, công nhân Ba Son bãi công. Tư 1919 đến 1925 có 25 cuộc đấu tranh riêng biệt của công nhân .

-Phong trào đấu tranh ngày càng có ý thức, có tổ chức hơn, bắt đầu tổ chức công hội. Bên cạnh các yêu sách về kinh tế đã có những yêu sách về chính trị .

-Công nhân cũng tham gia vào phong trào đấu tranh yêu nước và giải phóng dân tộc .

-Nhìn chung phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thời kỳ này đã phát triển mạnh mẽ..song vẫn còn đang trong thời kỳ đấu tranh tự phát. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân cũng như phong trào dân tộc lúc này đòi hỏi phải có sự chỉ dẫn của lý luận cách mạng khoa học để sớm đưa phong trào lên giai đoạn cao hơn-giai đoạn đấu tranh tự giác.

**Câu 42: Trình bày những mâu thuẫn của xã hội Việt Nam trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam?**

1.Tác động của chính sách thống trị thuộc địa đối với Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX dẫn đến những mâu thuẫn của xã hội Việt Nam. Từ một xã hội phong kiến độc lập, Việt Nam đã mất hẳn chủ quyền thống nhất và trở thành một xã hội thộc địa nửa phong kiến , phụ thuộc vào nước Pháp. -Do đó đã có những biến đổi sâu sắc về kinh tế-xã hội .

+Về kinh tế : Mang tính chất tư bản, thực dân, nhưng đồng thời còn mang một phần tính chất phong kiến .

+Về xã hội : Bên cạnh mâu thuẫn cơ bản vốn có là giữa nhân dân , trước hết là nông dân với địa chủ phong kiến vẫn tiếp tục tồn tại , nay xuất hiện một mâu thuẫn mới, bao trùm lên tất cả là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc thực dân Pháp. Đây vừa là mâu thuẫn cơ bản, vừa là mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt NamMột xã hội thuộc địa của Pháp.

+Về giai cấp : #Các giai cấp xã hội bị biến đổi: # Giai cấp địa chủ phong kiến :Vốn là giai cấp thống trị nay đầu hàng đế quốc , dựa vào chúng để áp bức bóc lột nhân dân ta. Vì vậy đây là đối tượng của cách mạng . Song do chính sách cai trị phần đông của thực dân Pháp, một bộ phận địa chủ nhỏ và vừa đã có những phản ứng đối với chính sách thống trị của thực dân Pháp.

+Giai cấp công nhân: chiếm hơn 90% dân số , bị đế quốc , địa chủ bóc lột nặng nề vì vậy căm thù thực dân, phong kiến , khao khát độc lập và ruộng đất, họ tham gia tích cực vào các cuộc đấu tranh chống đế quốc , phong kiến. Nhưng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ , họ không thể đóng vai trò lãnh đạo vì không đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến, chỉ có đi theo giai cấp công nhân , nông dân mới phát huy được vai trò tích cực của mình.

+Các giai cấp mới xuất hiện: Giai cấp công nhân , giai cấp tư sản ra đời, giai cấp tiểu tư sản ngày càng đông đảo. Do vậy, xã hội Việt Nam có hai mâu thuẫn cơ bản chính là:

-Một là: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược và bọn tay sai.

-Hai là: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam chủ yếu là giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Hai mâu thuẫn đó gắn chặt với nhau. Trong đó mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai là mâu thuẫn chủ yếu. Mâu thuẫn đó ngày càng trở nên sâu sắc và gay gắt.

**Câu 43: Trình bày vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng trong tổng khởi nghĩa tháng Tám?**

1.Kết quả của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh đó là: dự đoán đúng thời cơ và hành động chính xác, kịp thời khi thời cơ xuất hiện.

-Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 tháng 11-1939 đã chỉ rõ : “Cuộc khủng hoảng kinh tế , chính trị gây nên bởi đế quốc chiến tranh lần này sẽ nung nấu cách mệnh Đông Dương bùng nổ”.

-Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 tháng 5-1941 nêu rõ: Liên Xô thắng trận , quân Trung Quốc phản công....tất cả các điều kiện ấy sẽ giúp cho các cuộc vận động của Đảng ta mau phát triển và nổi dậy, lực lượng sẽ lan rộng ra toàn quốc để gây một cuộc tổng khởi nghĩa rộng lớn. -Hội nghị Ban thường vụ Trung ương tháng 2-1943 đã xúc tiến công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa, đẩy mạnh xây dựng lực lượng , mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; đẩy mạnh phong trào cách mạng ở thành thị , trước hết là phong trào công nhân . Hội nghị quyết định : “Toàn bộ công tác của Đảng lúc này phải nhằm vào chỗ chuẩn bị khởi nghĩa, để khi cơ hội đến kịp thời đưa quần chúng nhân dân ra chiến đấu” -Từ tháng 9-1944 Đảng dự kiến: mâu thuẫn Nhật-Pháp sẽ dẫn đến Nhật đảo chính lật đổ Pháp. Báo Cờ giải phóng của Đảng số 7 ngày 28-91944 đã nêu lên dự kiến trên và chỉ ra phương hướng hành động cho toàn Đảng: Phải biết mài gươm, lắp súng để mai đây Nhật-Pháp bắn nhau, kịp thời nổi dậy, tiêu diệt chúng giành lại giang sơn.

-Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng tháng 3-1945 ra chỉ thị: “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngỳa 12-3-1945, đã vạch rõ: kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật. Chủ trương phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. -Được tin Nhật đầu hàng Liên Xô và Đồng minh vô điều kiện , Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 đã nhận định: cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới. Đảng quyết định phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương. Đại hội đại biểu quốc dân đã nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng. 1.Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn đúng hình thức,phương pháp đấu tranh , phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của cách mạng để giành thắng lợi nhanh, gọn.

-Dựa vào cao trào cách mạng của toàn dân. -Kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, lấy lực lượng chính trị là chủ yếu, lực lượng vũ trang làm nòng cốt. -Nổi dậy đồng loạt. -Kết hợp phong trào nông thôn với phong trào thành thị.

-Thực hiện nguyên tắc hành động tập trung, thống nhất kịp thời.

Thực hiện sách lược khôn khéo đối với Nhật trong khi tiến hành tổng khởi nghĩa. Đảng chủ trương “vô hiệu hoá” quân đội Nhật để tránh đổ máu và tổn thất trong quá trình khởi nghĩa giành chính quyền. Với sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng và Hồ Chí Minh, Cách mạng tháng Tám đã thành công mau chóng, trọn vẹn, ít đổ máu.

**Câu 44 : Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc ra đời Đảng cộng sản VN ?**

a) Chuẩn bị về mặt tư tưởng, chính trị : Quá trình vận động thành lập Đảng là 1 quá trình đấu tranh và chuẩn bị lâu dài, toàn diện của NAQ và những người cách mạng VN. Trong đó người có vai trò quan trọng hàng đầu, lớn nhất là lãnh tụ NAQ. Sau khi trở thành người cộng sản, NAQ tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng. - Từ năm 1920 - 6/1923, tại Pháp, NAQ hoạt động trong ĐCS Pháp. Người viết nhiều sách, báo : ra tờ báo Le Paria (Người cùng khổ), đặc biệt là tác phẩm “Bản chế độ thực dân Pháp”… tập trung lên án chủ nghĩa thực dân và thực dân Pháp, vạch trần bản chất xâm lược, phản động, bóc lột, đàn áp tàn bạo của chúng, thức tỉnh lòng yêu nước, ý chí phản kháng của các dtộc thuộc địa.

-Từ tháng 6/1923 đến tháng 12/1924 : tại Liên Xô (tháng 6/1923, NAQ sang LX), Người có dịp tìm hiểu về kinh tế, chính trị, xã hội của nước Nga Xô viết. Người hoạt động trong Quốc tế cộng sản, tham gia nhiều Hội nghị quốc tế quan trọng, học tập nghiên cứu chủ nghĩa Mác Lênin và kinh nghiệm tổ chức Đảng kiểu mới của Lênin. -Tháng 12/1924 NAQ về Quảng Châu (TQ) để trực tiếp chuẩn bị thành lập ĐCSVN. Trong thời kỳ từ 1925 đến 1926, trong cao trào cách mạng ở TQ và được sự giúp đỡ của Phái bộ cố vấn LX tại Nam TQ, người đi vào tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. -Đầu năm 1925, để có tài liệu giảng dạy, NAQ biên soạn tập đề cương bài giảng. Tập đề cương bài giảng đó được Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành sách vào đầu năm 1927 với nhan đề là Đường cách mệnh. Nd Đường cách mệnh : Đi sâu vạch rõ bản chất phản động của chủ nghĩa thực dân; Con đường đi lên của CM VN là làm cuộc CM giải phóng dân tộc, hướng lên CNXH; Mối quan hệ giữa CM chính quốc và CM thụôc địa; công nông là chủ, là gốc của CM; quyền lực thụôc về nhân dân; VN phải thực hiện sự liên minh, đoàn kết với các lực lượng cách mạng thế giới; Cách mạng muốn thắng lợi trước hết phải có ĐCS lãnh đạo và Đảng đó phải lấy CN Mác-Lênin làm hệ tư tưởng và vận dụng học thuyết đó vào VN. Tư tưởng của NAQ đựơc truyền bá vào VN đầu thế kỷ XX, hướng cho các phong trào giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản, dẫn đến sự ra đời của ĐCSVN.

b) Chuẩn bị về mặt tổ chức : Năm 1921, NAQ cùng một số nhà cách mạng ở các nước thuộc địa Pháp lập ra Hội liên hiệp các dân tộc thụôc địa nhằm tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa thực dân, nhằm thức tỉnh dân tộc, tố cáo chủ nghĩa thực dân, kêu gọi đoàn kết đấu tranh cách mạng trong nhân dân thuộc địa. Năm 1924, NAQ tới Quảng Châu-TQ. Người đã cùng những nhà lãnh đạo cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, Inđônêxia, Malaixia … thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông. Tháng 6/1925, NAQ thành lập Hội VN Cách mạng Thanh niên (nòng cốt là Cộng sản Đoàn), ra báo Thanh niên để huấn luyện cán bộ, trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở VN. Đây là tổ chức tiền thân của Đảng để tập hợp các lực lượng cách mạng, chuẩn bị cho một Đảng kiểu mới của cách mạng VN ra đời. Thông qua hoạt động của Hội VN Cách mạng Thanh niên và tác phẩm Đường cách mệnh, phong trào cách mạng trong nước phát triển sôi nổi. Những điều kiện để thành lập Đảng Mácxit đã dần hình thành. Hội VN Cách mạng Thanh niên không còn phù hợp nữa. Kết quả là sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản : Đông Dương cộng sản Đảng (6/1929), An Nam cộng sản Đảng (7/1929), Đông Dương cộng sản liên đoàn (1/1930). Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải thống nhất những người cộng sản VN trong 1 Đảng duy nhất. NAQ đã đảm nhận trách nhiệm thống nhất các tổ chức cộng sản.

NAQ đã chủ động triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Cửu Long-Hương Cảng-Trung Quốc, thành lập 1 ĐCS duy nhất ở VN, ngày 3/2/1930 ĐCSVN ra đời. Hội nghị thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi của NAQ nhân dịp thành lập Đảng.

**Câu 45 : Trình bày hoàn cảnh lịch sử và sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách tháng 9/1945 – 12/1946?**

Hoàn cảnh lịch sử :

\* Tình hình thế giới : Sau Chiến tranh thế giới thứ 2, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, lực lượng đế quốc suy yếu, không còn giữ vị trí ưu thế như trước, CNXH từ 1 nước đang trong quá trình hình thành hệ thống thế giới, lực lượng cách mạng thế giới phát triển mạnh, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở châu á, châu Phi và Mỹ La tinh, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản phát triển cao. Sự thay dổi tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ 2 đã đưa lại cho phong trào cách mạng các nước thuộc địa và phụ thuộc những thuận lợi căn bản.

\*Tình hình trong nước : Sau CMT8 năm 1945 thắng lợi, cách mạng VN có thuận lợi và khó khăn sau : Thuận lợi : Nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của Chủ tịch HCM; rất gắn bó với chế độ mới nên sẵn sàng chiến đấu, quyết tâm bảo vệ thành qủa CMT8. Đảng đã tích luỹ kinh nghiệm qua 15 năm hoạt động. Lãnh tụ HCM đã trực tiếp lãnh đạo đất nước. Khó khăn :

Nước ta vẫn cơ bản là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lại chịu hậu quả nặng nề của chế độ cũ và của những năm chiến tranh. Giặc đói : đầu năm 1945 vẫn còn hoành hành, gạo trong Nam không chuyển ra Bắc được, vụ mùa không tốt, nạn đói tiếp tục đe dọa. Giặc dốt : hơn 90% số dân không biết chữ, hạn chế quyền làm chủ của người dân một nước độc lập. Giặc ngoại xâm :

+Ở miền bắc : Ngày 11-9-1945, 20 vạn quân Tưởng dưới danh nghĩa là quân Đồng minh (kéo theo bọn tay sai) được đem quân vào miền Bắc Đông Dương cho đến vĩ tuyến 160 để tước vũ khí quân Nhật, chúng gây cho ta nhiều khó khăn.

+Ở miền nam : Ngày 6-9-1945 hơn 1 vạn quân Anh dưới danh nghĩa là quân Đồng minh đem quân vào đóng ở phía Nam vĩ tuyến 160 để tước vũ khí quân Nhật, đế quốc Anh đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta ở Nam bộ (ngày 23-9-1945). Thực dân Pháp vẫn nuôi ý đồ khôi phục nền thống trị ở Đông Dương. 6 vạn quân Nhật đầu hàng Đồng minh vẫn còn trên đất nước ta. Trên đất nước VN chưa bao giờ có nhiều kẻ thù xâm lược như vậy. Bọn phản cách mạng ở torng nước lại càng lộ mặt làm tay sai cho đế quốc, chống lại Tổ quốc, chống lại đồng bào. Tất cả những khó khăn chồng chất nói trên đã đặt cách mạng nước ta trong tình thế “Tổ quốc lâm nguy! Vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc”. Chủ trương, biện pháp của Đảng :

- Ngày 25/11/1945 BCHTW ra Chỉ thị kháng chiến kiến quốc. TW Đảng xác định :

+ Tính chất của “cuộc CM ND lúc này vẫn là cuộc CM GPDT”, khẩu hiệu đấu tranh vẫn là “Dân tộc trên hết, tổ quốc trên hết”. + Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược.

+ Nhiệm vụ của nhân dân ta chủ yếu là phải :củng cố 9 quyền, chống thực dân pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân

- Để thực hiện các nhiệm vụ trên TW đề ra công tác cụ thể:

+Về nội chính : Xúc tiến việc bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân.

+Về QS: động viên lực lượng toàn dân kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Về ngoại giao: kiên trì nguyên tắc “bình đẳng tương trợ”, thêm bạn bớt thù, với quân Tưởng ta chủ trương “Hoa – Việt thân thiện”, với quân Pháp ta chủ trương “độc lập về chính trị nhân nhượng về kinh tế”. \*Biện pháp cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trên :

-Về kinh tế : Tổ chức cứu đói, đề phòng nạn đói cho dân, tăng gia sản xuất, bải bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác của chế độ cũ… Vì vậy đã đẩy lùi được nạn đói, đặc biệt là nông dân được cải thiện 1 bước.

-Về tài chính : Chính phủ ra Sắc lệnh về “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng” nhằm động viên tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân để “giữ vững nền độc lập của Tổ quốc”. Kết quả nhân dân đã đóng góp rất nhiều vào “Quỹ độc lập”. Quốc hội quyết định lưu hành giấy bạc VN trong toàn quốc thay thế giấy bạc ĐD. Khó khăn về tài chính dần dần đựơc khắc phục.

-Về VH-GD : thành lập cơ quan bình dân học vụ, phát động phong trào xóa nạn mù chữ, vận động “đời sống mới” và bài trừ tệ nạn xh ra khỏi đời sống xh.

-Về Ctrị-quân sự : tăng cường đoàn kết toàn dân, chống thực dân Pháp xâm lược, xd đất nước. Kiên quyết trừng trị bọn phản quốc, tiến hành bầu cử quốc hội, lập chính phủ chính thức, quy định hiến pháp. Việc xd lực lượng vũ trang nhân dân cũng được chú trọng khắp nơi trên đất nước, 1 ptrào luyện tập quân sự, tìm sắm vũ khí diễn ra sôi nổi.

- Về đảng và mặt trận việt minh: duy trì hệ thống bí mật nửa công khai của đảng, mở rộng n/ cứu chủ trương CN Mác. -Bài trừ nội phản : Đối với tổ chức phản cách mạng dùng khẩu hiệu “Đkết chống thực dân P xâm lược, phản đối chia rẽ để vạch mặt phá hoại của chúng” -Đấu tranh chống ngoại xâm : + Sách lược hoà hoãn với Tưởng và tay sai ở mềin Bắc để tranh thủ thời gian tăng cường lực lượng đánh đuổi P ở miền Nam. Đối với Tưởng, ta chủ trương tránh xung đột vũ trang, nhân nhượng chúng 1 số yêu sách về kinh tế và ctrị : nhận cung cấp 1 phần lương thực, thực phẩm cho quân Tưởng; nhận tiêu tiền “quốc tệ” và “quan kim” của quân Tưởng; nhường 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong Chính phủ không qua bầu cử cho bọn tay sai of Tưởng. Ngày 6.3.46 chủ tịch HCM thay mặt chính phủ ta ký với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ. Hiệp định qui định:

+Pháp phải công nhận VN là nước tự do, có nghị viện, chính phủ, quân đội và tài chính riêng. +VN đồng ý cho Pháp đem 15000 quân pháp đem quân ra Bắc với điều kiện là 5 năm phải rút hết quân về nước. + Hai bên ngừng bắn ở miền Nam để tạo đk cần thếit đi đến ký hiệp định chính thức. Thực tiễn lịch sử đã chứng tỏ, việc ký Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) là 1 chủ trương sách lựơc đúng đắn của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch HCM. Ta đã loại trừ được 1 kẻ thù nguy hiểm là quân Tưởng và tay sai của chúng ra khỏi nước ta. Tranh thủ thời gian hoà bình cần thiết để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

**Câu 46: Tại sạo nươc ta phải tiến hành CNH-HDH?**

Vì: nước ta chưa bắt kịp được thành tựu khoa hoc kỹ thuật,là 1 nước lạc hậu để giảm khoảng cách tụt hậu so với các nước, nước ta đi lên CNXH vì vậy phải có tiền đè ban đầu,mà CNXH muốn có tiền đề ban đầu thì phải tiến hành CNH-HDH

**Câu 47: Vì sao CNH phải gắn liền với hiện đại hóa?**

Vì dặc điểm của nước ta là nươc nghèo nàn lạc hậu, kém phát triển, lại bị chiến tranh phá hoại nặng nề, cơ chế quản lý tập trung quan lieu bao cấp trước đây đã dẫn nền kinh tế bị tụt hậu so với thế giới, điều đó đòi hỏi nước ta phải tiến hành CNH Sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, nếu như nước ta ko kịp thời tiến hành CNH,HDH thì bị bỏ lại phía sau. Đòng thời nươc ta tận dụng được lợi thế của các nươc phát triển tiếp thu được công nghệ mà không phải bỏ công sức ra để tìm tòi, phát minh Quá trình toàn cầu hóa hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, một số nước bắt đầu chuyển sang nền kinh tế tri thức, yêu cầu nước ta phải bắt kịp xu thế đó

**Câu 48 : Tác động của chính sách thống trị thuộc địa của thực dân Pháp đối với sự biến đổi xã hội, giai cấp và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?**

1. Chính sách thống trị thuộc địa của Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX Sau khi cơ bản kết thúc giai đoạn xâm lược vũ trang, thực dân Pháp đã thi hành chính sách thống trị nô dịch và bóc lột rất tàn bạo đối với dân tộc ta.

- Về chính trị: Thi hành chế độ chuyên chế, trực tiếp nắm mọi quyền hành; "chia để trị", thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp và khủng bố.

–Về kinh tế: Tiến hành các chính sách khai thác để cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của tư bản Pháp; độc quyền về kinh tế để dễ bề vơ vét; độc quyền quan thuế và phát hành giấy bạc; duy trì hình thức bóc lột phong kiến; kìm hãm nền kinh tế Việt Nam trong vòng lạc hậu; làm cho kinh tế nước ta phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

- Về văn hoá xã hội: Thi hành chính sách ngu dân, nô dịch, gây tâm lý tự ti vong bản, đầu độc nhân dân bằng thuốc phiện và rượu cồn, hủ hoá thanh niên bằng tiệm nhảy, sòng bạc, khuyến khích mê tín dị đoan, ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hoá tiến bộ thế giới vào Việt Nam...

2. Tác động của chính sách thống trị thuộc địa đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX - Việt Nam đã biến đổi từ một xã hội phong kiến thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mất hẳn quyền độc lập, phụ thuộc vào nước Pháp về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá.

- Các giai cấp xã hội bị biến đổi:

+ Giai cấp phong kiên địa chủ đầu hàng đế quốc, dựa vào chúng để áp bức, bóc lột nhân dân. + Giai cấp nông dân bị bần cùng hoá và phân hoá sâu sắc.

+ Các giai cấp mới xuất hiện như: giai cấp tư sản (tư sản dân tộc và tư sản mại bản); giai cấp công nhân ra đời và trưởng thành; giai cấp tiểu tư sản ngày càng đông đảo. - Xã hội Việt Nam có hai mâu thuẫn cơ bản:

+ Một là: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và bọn tay sai.

+ Hai là: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam, chủ yếu là giai cấp nông dân, với giai cấp địa chủ phong kiến. Hai mâu thuẫn đó gắn chặt với nhau, trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với chủ nghĩa đế quốc Pháp và tay sai phản động là mâu thuẫn chủ yếu. Mâu thuẫn đó ngày càng trở nên sâu sắc và gay gắt. Giải quyết các mâu thuẫn đó để mở đường cho đất nước phát triển là yêu cầu cơ bản và bức thiết của cách mạng nước ta lúc bấy giờ.

**Câu 49: Con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc (1911- 1920) và những tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Người được hình thành trong những năm 20 của thế kỷ XX?**

1. Con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc Mấy chục năm đầu thế kỷ XX, các cuộc vận động chống Pháp cứu nước của nhân dân ta liên tiếp bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Phong trào yêu nước bế tắc, chưa xác định được đường lối đúng đắn. Giữa lúc đó, Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc) đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước mới, đã bôn ba khắp năm châu bốn biển xem xét tình hình, nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm của cách mạng các nước nhất là cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp; đã lao động và tham gia đấu tranh trong hàng ngũ giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nhiều nước để có kiến thức và kinh nghiệm về giúp nước mình. Người nhận xét: Ở đâu bọn thực dân thống trị cũng đều tàn ác, ở đâu nhân dân lao động cũng đều bị áp bức, bóc lột, cũng quật khởi và cần được giải phóng. - Sau khi cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công, Người đã hướng đến cuộc Cách mạng Tháng Mười và chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó. Năm 1919, Người gửi đến Hội nghị Vécxay (của các nước đế quốc thắng trận sau Chiến tranh thế giới thứ I) bản yêu sách đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Yêu sách đó cũng được Hội nghị chấp nhận. Từ đó, Người rút ra kết luận quan trọng: Các dân tộc bị áp bức muốn được độc lập tự do thật sự, trước hết phải dựa vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng cho mình. - Tháng 7-1920, bản Sơ thảo lần thứ nhất đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đã đến với Nguyễn Ái Quốc. Nó đã đáp ứng đúng nguyện vọng tha thiết mà Người đang ấp ủ: độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào. Người viết: "Bản luận cương làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao!...". Người dứt khoát đi theo con đường của Lênin. - Tháng 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua; đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III và thành lập Đảng Cộng sản Pháp vì cương lĩnh của Quốc tế III cũng như của Đảng Cộng sản Pháp đều quan tâm đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Người đã từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản; đã tìm được con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Ngay từ lúc đó, Người đã nói: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

2. Những quan điểm tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc - Chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, là kẻ thù trực tiếp nguy hại nhất của nhân dân các nước thuộc địa. - Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận cách mạng trong thời đại đế quốc và cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân. - Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và cách mạng vô sản ở "chính quốc" có quan hệ khăng khít với nhau vì chủ nghĩa đế quốc như một con đỉa có 2 vòi: một vòi hút máu giai cấp công nhân và những người lao động ở "chính quốc" còn một vòi hút máu các dân tộc thuộc địa. Muốn đánh đổ bọn đế quốc thì phải cắt cả 2 cái vòi ấy. Phải thực hiện sự liên minh chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng ở thuộc địa và "chính quốc". Cách mạng thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở "chính quốc" mà có tính chủ động, độc lập và có thể thành công trước cách mạng ở chính quốc và góp phần đẩy mạnh cách mạng ở chính quốc tiến lên. - Giương cao ngọn cờ chống đế quốc và bọn phong kiến tay sai, giành độc lập, tự do là tư tưởng chiến lược cách mạng đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng thuộc địa. - Cách mạng ở thuộc địa, trước hết là giải phóng dân tộc, mở đường tiến lên giải phóng hoàn toàn lao động, giải phóng con người, tức là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. - Về lực lượng cách mạng: "công nông là người chủ cách mệnh", "là gốc cách mệnh"; công nhân là giai cấp lãnh đạo; tiểu tư sản, tri thức là bạn đồng minh của cách mạng. - Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Quần chúng cần được giác ngộ và tổ chức lại thành đội ngũ vững bền; được hiểu biết tình thế "có mưu chước". - Phải thực hiện sự liên minh, đoàn kết với các lực lượng cách mạng quốc tế; phải nêu cao tính chủ động cách mạng, ý thức tự lực tự cường. - Phải có Đảng lãnh đạo. Đảng phải có học thuyết cách mạng, đó là học thuyết Mác - Lênin, phải biết vận dụng đúng đắn học thuyết đó vào hoàn cảnh Việt Nam. Hệ thống quan điểm cách mạng đúng đắn và sáng tạo đó là nội dung tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin của Người. Hệ thống quan điểm cách mạng đó được truyền vào Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, là ngọn cờ hướng đạo cho cách mạng Việt Nam đi đúng quỹ đạo cách mạng vô sản thế giới, là cơ sở lý luận cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

**Câu 50: Trong bối cảnh hiện nay VN tiến hành CNH,HDH có những lợi thế gì?**

Nước ta thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu kém phát triển, chịu sự tàn phá nặng nề của chiến tranh, sự chủ quan ủy lại của lãnh đạo trong khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Để thủ tiêu tình trạng lạc hậu đó chúng ta phải xây dựng cơ cấu kinh tế quản lý, trang bị ngày càng hiện đại, quá trình ấy gắn liền với quá trình CNH,HDH. CNH,HDH tạo tiền đề vật chất để ko ngừng củng cố và tăng cường vai trò kinh tế nhà nước, nâng cao năng lực tích lũy, tăng công an việc làm, góp phần phát triển kinh tế xã hội, kinh tế có phát triển thì mới đủ điều kiện vật chất để tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, đủ sưc chống thù trong giặc ngoài, góp phần tăng nhanh quy mô thị trường, làm phát triển lực lượng sản xuất lao động. bên cạnh đó nước ta là nước đi sau, trong khi các nước khác đã phát triển rất cao, chúng ta đi sau thì chúng ta chỉ cần tiếp thu nhũng thành quả đó,va có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho quá trình tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa của nước ta

**Câu 51: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc cho sự ra đời của ĐCSVN? Không có Bác ĐCS có ra đời không? Vì sao?**

Tháng 7/1920 sau khi được đọc bản “sơ thảo lần thứ I những luận cương về dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lê Nin…. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy trong luận cương của Lenin lời giải đáp cho con đường giải phóng cho nhân dân VN và sau đó trờ thành 1 trong những người tham gia sáng lập ĐCS Pháp (12/1920). 1920 Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập hội liên hiệp tiếp tục thành lập để bổ sung tư tưởng cứu nước và NAQ cũng thấy phải có 1 chính Đảng. Một mặt người truyền bá chủ nghĩa Mác –Lenin, một mặt chuẩn bị những điều kiện thành lập chính đảng ấy của giai cấp vô sản VN

 Chuẩn bị về tư tưởng Với tư cách là trưởng tiểu ban Đông Dương của ĐCS Pháp người đã viết nhiều bài đăng trên báo như: báo Leparia (người cùng khổ), nhân đạo, đời sống công nhân, tập san thư tín quốc tế, tạp chí Cộng sản…. Thông qua các tác phẩm này người đã vạch trần âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân Pháp đồng thời tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lenin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người công sản và nhân dân lao động Phap với các nước thuộc địa và phụ thuộc. Đặc biệt, tại đại hội lần thứ V của quốc tế cộng sản năm 1924 NAQ đã trình bày bản báo cáo quan trọng về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bằng nhiều số liệu cụ thể bản báo cáo đã làm sáng tỏ và phát triển thêm một số luận điểm của Lenin về bản chất của chủ nghĩa thực dân, về nhiệm vụ của ĐCS trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột và giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

 Về chính trị : NAQ đã hình thành một hệ thống luận điểm chínht trị: Chỉ rõ bản chất chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Xác định cách mạng giải phóng dân tộc là 1 bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, CM giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và CM chính quốc có quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ thúc đẩy cho nhau nhưng không phụ thuộc vào nhau. CM cần phải lôi cuốn sự tham gia của nông dân, xây dựng khối công nông làm nòng cốt, là động lực của CM, đồng thời tập hợp được sự tham gia của đông đảo các giai tầng khác. CM muốn giành thắng lợi trước hết phải có đảng, CM nắm vai trò lãnh đạo, Đảng muốn giữ vững phải trang bị chủ nghĩa Mác – Lenin CM là sự nghiệp của quần chúng nhân dân chứ không phải của một hai người

 Về tổ chức :11/1924 NAQ về Quảng Châu ( Trung Quốc) để xúc tiến thành lập chính đảng Macxit. 2/1925 người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm Tâm xã, lập ra nhóm cộng sản đoàn, 6/1925 thành lập hội VNCM thanh niên, là tổ chức tiền thân của Đảng tại Quảng Châu để truyền bá chủa nghĩa Mac – Lenin vào trong nước. 7/1925 NAQ cùng tham gia sáng lập hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông cùng các nhà CM của các nước khác. Đầu 1927, cuốn “đường kách mệnh” gồm những bài giảng của NAQ tại các lớp huận luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu được bộ tuyên truyền của hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản. Tác phẩm này đề cập những tư tưởng cơ bản về chiến lược và sách lược của CMVN Như vậy hoạt động của hội VNCM thanh niên và tác phẩm Đường kách mệnh đã trực tiếp chuẩn bị mọi điều cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở VN gắn liền với vai trò quan trọng của lãnh tụ NAQ. Không có Bác, Đảng vẫn ra đời vì đây là kết quả tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân ta trong thời đại mới nhưng nếu không có Bác thì không biết khi nào Đảng mới thành lập và chất lượng của Đảng sẽ ra sao.

**CHƯƠNG VI:**

**Câu 52. Nêu và phân tích quan điểm mới của Đảng trong đường lối đấu tranh và phát triển nước giai đoạn hiện nay**

Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Cùng với sự thay đổi to lớn về kinh tế xã hội trong giai đoạn mới thì cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội cũng thay đổi.

- Quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài dưới sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Các giai cấp và tầng lớp trong xã hội có lợi ích chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

- Nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là Đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo. kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân tập thể và xã hội phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực cảu các thành phần kinh tế của toàn xã hội.

Đánh giá : đây là cơ sở lý luận quan trọng để xác định mục tiêu xây dựng hệ thông chính trịvà đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chíh trị

**Câu 53: các hình thức phân phối ở nước ta? Hình thức nào là chủ yếu nhất.**

Có nhiều hình thức phân phối:

-Phân phối theo kết quả lao động là hình thức phân phối dựa trên chế độ sở hữu công hữu về tư liệu sản xuất.

-Phân phối theo hiệu quả kinh tế.

-Phân phối theo phúc lợi xã hội

-Phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

Trong đó phân phối theo kết quả lao động là chủ yếu nhất vì mục tiêu của phát triển kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta là nhằm thực hiện” dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”, nâng cao đời sống nhân dân, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công băng xã hội mà phân phối theo kết quả lao động là đảm bảo công bằng nhất, tạo động lực cho người lao động.

**Câu 54. Nhân tố đóng vai trò chủ yếu mở đường cho qua trình đổi mới ở nước ta thuộc lĩnh vực nào**

Đổi mới kinh tế .

Để khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội .tạo tiền đề về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị , xây dựng,củng cố niềm tin của nhân dân, tạo điều kiện để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội

**Câu 55: Trình bày bài học: Không ngừng củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại?**

a.Cơ sở của bài học.

-Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định cách mạng là sự nghiệp của đông đảo quần chúng được giác ngộ có tổ chức , đấu tranh cho các mục tiêu xác định theo đường lối đúng đắn của chính đảng vô sản. Giai cấp vô sản có trách nhiệm tổ chức sự liên minh với các giai cấp , tầng lớp khác để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

-Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Nguyễn ái Quốc đã nói: Cách mệnh là việc chung của dân chúng, chứ không phải là việc của một hai người

-Trải qua hàng ngàn năm lịch sử , cộng đồng dân tộc Việt Nam gắn bó với nhau trong lao động và đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt để dựng nước và giữ nước. Yêu cầu của cuộc đấu tranh sinh tồn và phát triển ấy đã hun đúc nên tinh thần đoàn kết , tương thân tương ái. Mỗi người trong cộng đồng Việt Nam đều ý thức được rằng: “đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”. Tinh thần đoàn kết ấy đã được hình thành từ lâu đời, trở thành truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta. a.Xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất-là thành quả sáng tạo của Đảng ta.

-xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, Đảng ta xác định việc xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất , tập hợp rộng rãi quần chúng nhằm thực hiện các mục tiêu cách mạng không phải là thủ đoạn chính trị nhất thời, mà là vấn đề có ý nghĩa lâu dài trong mọi thời kỳ cách mạng .

-Từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta thường xuyên chăm lo xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, phê phán các quan điểm coi thường công tác mặt trận, đánh giá không đúng vị trí của công tác quần chúng.

-Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng đã có nhiều hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất phong phú, linh hoạt.

-Trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, một mặt Đảng khẳng định hai giai cấp công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng, mặt khác Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông....để kéo họ đi về phe vô sản....

-Trong thời kỳ hoạt động Đảng ta đã tập hợp rộng rãi quần chúng trong Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc, thành lập Hội phản đế đồng minh.

+Trong thời kỳ đấu tranh khôi phục phong trào 1932-1935, Đảng từng bước có chính sách tập hợp quần chúng để tiến hành cuộc đấu tranh.

+Trong thời kỳ 1936-1939, khi điều kiện chủ quan và khách quan cho phép, Đảng đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược sang đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ , chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận dân chủ , liên hiệp rộng rãi các giai cấp , tầng lớp, đảng phái yêu nước, dân chủ...Qua đó phát động một cao trào đấu tranh cách mạng sôi nổi đòi cai thiện dân sinh, dân chủ , chống bọn phản động thuộc địa....

+Trong thời gian từ năm 1939 đến trước năm 1975, Đảng ta luôn có những chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng để mở rộng khối đoàn kết dân tộc rộng rãi như: thành lập Mặt trận Việt Minh(1941), Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (1946), Mặt trận Liên Việt (1951), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (1960), Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam(1968)

-Không chỉ thực hiện đoàn kết dân tộc , Đảng còn chủ trương đoàn kết với dân tộc lào, Cam puchia, hình thành nên mặt trận đoàn kết ba nước Đông Dương, đoàn kết với các lực lượng yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới, ủng hộ sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã hình thành ba tầng mặt trận :ở trong nước, trên bán đảo Đông Dương, mở rộng đến phạm vi lớn nhất lực lượng chống đế quốc Mỹ và tay sai, cô lập cao độ kẻ thù. +Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng có ba tổ chức mặt trận lớn ở hai miền đó là: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hoà bình ở Việt Nam đã hợp thành một, thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

-Qua 70 năm thực tiễn đấu tranh chúng ta đã giành được những thắng lợi vẻ vang và trong thời đại ngày nay nhân dân ta cũng giành được nhiều thắng lợi trong đất nước chuyển sang thời kỳ mới-thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. -Một trong những nguyên nhân thắng lợi là Đảng ta luôn chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết . Thành công, thành công, đại thành công”

1.Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

A.ý nghĩa bài học -Đây là một trong những nhân tố rất quan trọng quyết định thành công của cách mạng nước ta.

-Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng mở ra khả năng thực hiện đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. a.Cơ sở của bài học

-Cơ sở lý luận của bài học này là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ gắn bó giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

+Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định , cách mạng là sự nghiệp đông đảo quần chúng được giác ngộ, có tổ chức, đấu tranh cho mục tiêu xác định theo đường lối đúng đắn của chính đảng vô sản. Giai cấp vô sản có trách nhiệm tổ chức , liên minh với các tầng lớp khác để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

+Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.

-Cơ sở thực tiễn của bài học là truyền thống dân tộc và thực tiễn cách mạng Việt Nam.

+Đoàn kết dân tộc là sức mạnh quyết định sự sinh tồn của từng dân tộc . Đoàn kết quốc tế là nhân tố làm tăng thêm sức mạnh của từng dân tộc , thường xuyên chi phối thành bại của từng nước trong thời đại ngày nay.

+Sự phát triển của cách mạng thế giới từ sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917 ở Nga vừa đặt ra yêu cầu phát triển chung của thời đại, vừa tạo ra những tiền đề khách quan cho nhiệm vụ đoàn kết quốc tế. a.Nội dung của bài học

Đảng ta ,trong mọi thời kỳ vận động cách mạng luôn luôn quán triệt tư tưởng đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong đường lối chiến lược và sách lược của mình. \*Thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ . -Ngay từ khi thành lập, trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã chỉ rõ việc liên kết với các dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp là một trong những nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng Việt Nam. -Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả của việc thực hiện khối đoàn kết toàn dân vì nhiệm vụ tối cao giải phóng dân tộc , giành chính quyền về tay nhân dân .Lúc đó cách mạng thế giới chưa có điều kiện giúp đỡ trực tiếp Việt Nam, nhưng Đảng ta đã kịp thời tranh thủ bối cảnh quốc tế thuận lợi, trong đó có thắng lợi của nhân dân Liên Xô đánh bại bọn phát xít Nhật ở Châu á để phát động cuộc Tổng khởi nghĩa. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chiến tranh nhân dân đã phát triển đến đỉnh cao, đã huy động được sức mạnh vĩ đại của khối đoàn kết toàn dân với khẩu hiệu “Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” và khẩu hiệu “ Không có gì quý hơn độc lập tự do” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. -Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến đó không chỉ là kết quả của sức mạnh đoàn kết dân tộc mà còn là kết quả của sự kết hợp sức mạnh dân tộc , với sức mạnh thời đại, mà thời điểm nổi bật của sự kết hợp đó là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. \*Thời kỳ cách mạng chủ nghĩa xã hội . Trong sự ngiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, vấn đề tăng cường đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại luôn là nhân tố cực kỳ quan trọng , nhất là trong tình hình cách mạng nước ta hiện nay. -Sức mạnh của dân tộc là chính quyền thuộc về nhân dân , dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt, nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động và sáng tạo. -Để tăng cường đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế , kinh nghiệm lịch sử cho thấy: +Muốn thực hiện đoàn kết dân tộc phải luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản- giai cấp tiêu biểu cho lợi ích giai cấp , lợi ích dân tộc . +Phải luôn luôn tôn trọng nguyên tắc “Lấy dân làm gốc”, coi sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân, và vì dân, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực chính trị , kinh tế , văn hoá, xã hội , coi đây vừa là một mục tiêu vừa là một động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đoàn kết và hợp tác, giúp đỡ quốc tế đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. +Đoàn kết quốc tế là yêu cầu khách quan có tính quy luật của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo . Kinh nghiệm cho ta thấy rằng, để thực hiện đoàn kết quốc tế, một mặt phải coi trọng tinh thần độc lập tự chủ, tự cường không để lệ thuộc vào bên ngoài; mặt khác cần tranh thủ hợp tác quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cách mạng trong nước phát triển .

-Tình hình thế giới ngày nay có những đặc điểm mới so với những thập kỷ trước, đoàn kết và mở rộng quan hệ quốc tế tạo ra môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhưng tuyệt đối chúng ta không được lơ là, mất cảnh giác trước những âm mưu chống phá cách mạng thế giới và cách mạng nước ta của chủ nghĩa đế quốc và thế lực phản động quốc tế.

**Câu 56: Trình bày những căn cứ để Đảng ta chủ trương đưa miền Bắc tiến lên theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa sau khi giải phóng?**

1.Hoàn cảnh lịch sử

-Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí kết, nước ta tạm thời bị chia làm hai miền.

+ở miền Bắc: chế độ chính trị ổn định, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa khôi phục vừa xây dựng vừa chiến đấu chống hai cuộc chiến tranh phá hoại có tính chất huỷ diệt bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ; vừa phải đảm bảo yêu cầu về đời sống của nhân dân , vừa phải đáp ứng về nhân lực và vật lực cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, vừa làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

+ở miền Nam: chế độ chính trị không ổn định, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, độc quyền chiếm miền Nam, thực hiện cuộc chiến tranh thực dân mới kéo dài suốt hơn 20 mươi năm, với quy mô ngày càng rộng lớn.

-Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, đã được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới, nhất là sự giúp đỡ, viện trợ của to lớn về nhiều mặt của các nước xã hội chủ nghĩa anh em lúc đó đang ở thời kỳ phát triển mạnh mẽ (từ giữa năm 50 đến đầu những năm 70). Tuy nhiên bên cạnh thuận lợi đó, từ những năm 60, trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa cũng nảy ra sự bất đồng, chia rẽ sâu sắc giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

-Miền Bắc tiến lên xây dựng xã hội chủ nghĩa với đặc điểm lớn nhất là từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong khi đó, mô hình xây dựng xã hội chủ nghĩa mà Liên Xô và các nước Đông Âu áp dụng có điều kiện , hoàn cảnh, xuất phát điểm không giống nước ta và chứa đựng không ít những nhược điểm, sai lầm rất khó cho ta học tập, rút kinh nghiệm. 1.Những căn cứ -Trung thành với Cương lĩnh chính trị đã đề ra từ những năm 30. Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2-1930 đã thông qua Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt do Nguyễn ái Quốc khởi thảo. Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt là cương lĩnh đầu tiên của Đảng, tuy còn sơ lược nhưng đã vạch ra cho cách mạng Việt Nam một đường lối cơ bản đúng đắn. Đó là : “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng, để đi tới xã hội cộng sản”. Đây là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thuộc phạm trù cách mạng vô sản bao gồm ba nội dung gắn bó với nhau: dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội , có nghĩa là làm xong cách mạng dân tộc dân chủ , phải tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Việc đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là thể hiện sự trung thành với đường lối trước sau như một của Đảng ta.

-Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với xu thế phát triển của miền Bắc sau ngày được giải phóng. Đồng thời nó cũng phù hợp với xu thế phát triển của thời đại là quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội –với tư tưởng cách mạng tiến công, miền Bắc không thể dừng lại để chờ cách mạng miền Nam và cũng không thể phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa – vì như thế là đi ngược lại với quy luật của lịch sử .

-Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội còn căn cứ vào yêu cầu cách mạng chung của cả nước. Miền Bắc có xây dựng chủ nghĩa xã hội mới đủ chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam, mới xứng đáng là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn, mới thực sự là căn cứ địa cách mạng của cả nước.

-Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân ta. 1.Chủ trương của Đảng.

-Sau thắng lợi của kế hoạch 3 năm khôi phục nền kinh tế (1955-1957) và tình hình chính trị chung của cả nước cho phép, tháng 4-1958 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng và Nhà nước tuyên bố tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá I là miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ đi lêm chủ nghĩa xã hội .

-Quá trình đó được bắt đầu bằng kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (19581960). Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960), đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã được thảo luận và nhất trí thông qua.

**Câu 57: Trình bày bài học: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam?**

Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay, đã vượt qua những khó khăn thử thách và đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác . Cách mạng Tháng Tám năm 1975 thành công chấm dứt chế độ phong kiến thực dân, lập nên Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi. Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được tiến hành trên miền Bắc sau năm 1954 và trên cả nước sau năm 1975 và đặc biệt là quá trình đổi mới từ sau năm 1986 đã đạt được những thành tựu quan trọng, khẳng định tính đúng đắn của con đường và mục tiêu cách mạng Việt Nam là gắn liền với độc lập dân tộc . Những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó nhân tố quyết định nhất là sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam –một Đảng luôn luôn lấy chủ nghĩa MácLênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. Sở dĩ Đảng là người tổ chức và lãnh đạo duy nhất mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, vì: -Đây là sự lựa chọn của chính lịch sử . -Đảng là đại biểu trung thành với đầy đủ lợi ích sống còn và nguyện vọng chân chính của giai cấp công nhân , của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Độc lập dân tộc , tự do hạnh phúc cho nhân dân là mục tiêu , là lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng đã nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục đích, là con đường cách mạng của Đảng. Vì mục đích đó mà qua các thời kỳ lịch sử cách mạng Việt Nam, biết bao chiến sĩ anh hùng đã cống hiến trọn đời mình cho cách mạng . Đảng luôn luôn tuyệt đối trung thành với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân và chính điều đó Đảng mới có đủ sức mạnh làm nên sự nghiệp lớn. Đảng thường xuyên giáo dục Đảng viên, cán bộ phải có ý thức biết đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng: “Mọi quan điểm tư tưởng coi Đảng là làm chức này, chức nọ” “để tìm công ăn việc làm” đều xa lạ với đạo đức cách mạng , đều sai trái “với nguyên tắc cao nhất của Đảng”. Đảng luôn luôn quán triệt trong mọi hoạt động của mình quan điểm sự nghiệp cách mạng là của nhân dân , do nhân dân và vì nhân dân , phải ‘lấy dân làm gốc”. Đảng biết dựa vào lực lượng quần chúng , phát huy tính tích cực cách mạng của quần chúng , toàn tâm toàn lực phục vụ quần chúng . Trong suốt cả quá trình lãnh đạo cách mạng , Đảng đã có đường lối chính sách đúng, phản ánh được lợi ích chân chính và nguyện vọng của nhân dân . Đại đa số đảng viên của Đảng đã tham gia thời kỳ hoạt động bí mật và trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Họ đã kiên trì bám sát quần chúng để xây dựng cơ sở, phát động đấu tranh giành lại quyền sống. Nhân dân ta luôn luôn nghe theo Đảng, tin theo Đảng mặc dù trong bước đường cách mạng gặp khó khăn, họ vẫn tin Đảng ,bảo vệ Đảng. Ngày nay trong giai đoạn cách mạng mới, đất nước thống nhất đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa ,Đảng vẫn ý thức được rằng, trong mọi hoạt động của mình phải quán triệt quan điểm “lấy dân làm gốc”. -Đảng biết nắm vững, vận dụng sáng tạo lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Xuất phát từ thực tiễn, Đảng đề ra đường lối chính trị đúng đắn và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng. -Sự sụp đổ của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa, các thế lực đế quốc và thù địch chỉ cần tấn công vào các Đảng Cộng sản và Công nhân, làm vô hiệu hoá hoặc tan vỡ từ bên trong các Đảng Cộng sản đang cầm quyền. -Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn thúc đẩy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. -Đảng luôn có ý thức vận dụng một cách độc lập và sáng tạo chủ nghĩa MácLênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. -Đảng có ý thức kế thừa di sản tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn đất nước và tinh hoa truyền thống dân tộc .

-Cách mạng Tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ thắng lợi là nhờ Đảng ta đề ra đường lối cm dân tộc dân chủ đúng đắn, có sự chỉ đạo chiến lược và sách lược sắc bén.... -Các yếu tố nói trên đảm bảo cho Đảng ta luôn luôn giữ vững vai trò là người lãnh đạo cách mạng , được quần chúng tin cậy và một lòng theo Đảng. -Thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1975 đến năm 1985 đất nước ta còn nhiều khó khăn. Xét đến nguyên nhân, về mặt chủ quan, Đảng tự kiểm điểm là đã phạm một số sai lầm, đặc biệt là trong việc xác định chủ trương đường lối và cả trong công tác xây dựng Đảng. -Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng đã nghiêm khắc chỉ ra những thiếu sót và đề ra nhiệm vụ cấp bách là phải đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử , coi đó là nhiệm vụ hàng đầu và thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. -Điều quan trọng trước hết là Đảng phải đổi mới tư duy, nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng lên một bước phát triển mới, Đảng cần coi trọng việc nắm vững và vận dụng sáng tạo những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổng kết một cách khoa học kinh nghiệm thực tế sinh động từ phong trào quần chúng nước ta và tiếp thu có chọn lọc trí tuệ thời đại, đề ra đường lối, chủ trương cho thật đúng, thật sát hợp với quy luật khách quan và với đặc điểm riêng của cách mạng nước ta. -Đảng thường xuyên xây dựng vững mạnh về tổ chức, nâng cao sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn. Đảng luôn luôn tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng như nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách nguyên tắc phê bình và tự phê bình, xây dựng Đảng thành đội tiên phong chiến đấu, luôn luôn đoàn kết thống nhất trên cơ sở đường lối chính sách đúng và các nguyên tắc của Đảng. Mặt khác, Đảng cần hết sức coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng , giáo dục đảng viên về trình độ chính trị văn hoá, khoa học –kỹ thuật, về năng lực lãnh đạo và quản lý , về phẩm chất , đạo đức, tư cách sao cho tương xứng với yêu cầu lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**Câu 58 : Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại trong 65 năm đấu tranh?** sáu mươi lăm năm đã rồi qua kể từ ngày ĐCS VN ra đời. So với lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc, đây chỉ là khoảng thời gian rất ngăn ngủi. Nhưng chính trong thời gian này, trải qua một quá trình đấu tranh liên tục, sôi động và vô cùng oanh liệt chống lại nhiều kẻ thù xâm lược khác nhau. Chúng đều là những tên đế quốc hùng mạnh nhất thế giới, ttrong đó có tên đầu sỏ là đế quốc Mỹ. Nhân dân VN dưới sự lãnh dạo của ĐCS VN đã giành được những thắng lợi vĩ đại, làm cho bộ mặt của đất nước, của dân tộc hoàn toàn thay đổi. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 thành công đã lật nhào ách thống trị 80 năm của đế quốc phát xít Pháp-Nhật, lập nên nước VN dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đảng Nam á. Cách mạng tháng Tám là một sự kiện trọng đại có ý nghĩa quyết định đối với tiến trình lịch sử của dân tộc, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ nhân dân, tiến lên cộng hoà xã hội. Không những thế, đó còn là sự kiện tiêu biểu cho xu thế thời đại xu thế cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với sự phát triển xã hội theo định hướng tiến bộ, định hướng XHCN. Thắng lợi của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ 2 đã bảo vệ được nước VN dân chủ cộng hoà-thành quả cuộc cách mạng tháng Tám, giải phóng miền Bắc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên nử nước và tạo điều kiện vững chắc để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ở nước ta cũng mang ý nghĩa thời đại sâu sắc. nếu cách mạng tháng Tám 1945 đã đặt cột mốc mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới, thì cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao nhất là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã cắm thêm cột mốc mới, cột mốc sụp đổ hoàn toàn không có gì cứu vãn nổi của quá trình đó Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 20 năm để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc kết thúc thắng lợi huy hoàng bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã làm cho Tổ quốc VN từ đây được vĩnh viễn độc lập, vĩnh viễn thống nhất. Thắng lợi vĩ đại này kết thúc hoàn toàn cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước và mở một giai đoạn cách mạng mới, gai doạn cả nước độc lập và thống nhất, tiến lên theo định hướng XHCN. Thắng lợi này còn có ý nghĩa quốc tế to lớn, nó đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của Mỹ,tên đế quốc đầu sỏ thế giới chĩa vào các lực lượng cách mạng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II, giáng đòn thất bại đầu tiên vào chủ nghĩa thực đân mới do Mỹ ra sức áp đặt cho các nước chậm phát triển để thay cho chủ nghĩa thực dân cũ vừa bị sụp đổ, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ . vì sự cống hiến rất có ý nghĩa này mà bạn bè ở khắp năm châu đã ca ngợi cuộc kháng chiến chống Mý của nhân dân VN như “một tấm gương sáng chói cho phong trào giải phóng dân tộc và nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới” Từ năm 1975 lại đây, nhân dân cả nước ta đang cùng nhau tập trung công sức để khôi phục và xây dựng lại đất nước theo định hướng XHCN đã lựa chọn từ lâu. cuộc đấu tranh mới này không dẽ dàng thuật lợi, trái lại đầy trở ngại khó khăn. mặc dù vậy, cách mạng nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong khôi phục kinh, khắc phục hậu quả chiến tranh, trong cải tạo và xây dựng đất nước, trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh, trong việc làm nghĩa vụ quốc tế. điều vui mừng là qua những sai lầm và vấp váp, qua tìm tòi nghiên cứu và khảo nghiệm, Đảng ta đã hiểu rõ hơn nhưng quy luât5j vận động đi lên theo định hướng XHCN của đất nước mình từ một nền sản xuất nhỏ và do đó đã có sự đổi mới mạnh mẽ trong đường lối lãnh đạo, sự đổi mới này được thực hiện 10 năm qua kiểm nghiệm là đúng, đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội để tiến lên vững chắc #Những bài học kinh nghiệm lịch sử của Đảng Tổng kết kinh nghiệm là một mặt của hoạt động lý luận mà ĐCSVN rất chú trọng. Như Đảng từng chỉ rõ, tổng kết kinh nghiệm là “một phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, đem lý luận phân tích thực tiễn, từ phân tích thực tiễn mà rút ra lý luận. đó là một phương pháp tốt để nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên và cũng là một phương pháp tốt để khắc phục những xu hướng giáo điều chủ nghỉa và kinh nghiệm chủ nghỉa” trong và sau mỗi thời kỳ vận động cách mạng và nhất là vào các dịp đại hội của Đảng kể từ đại hội lần thứ III trở đi, Đảng đều chú trọng tổng kế thực tiễn và rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, lý luận bổ ích . để cương này chỉ nêu lên một số bài học kinh nghiệm lịch sử lớn có giáảtị lý luận, thực tiễn và thiết thực đối với giai đoạn cách mạng hiện nay \*Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội -cơ sở lý luận của bài học mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, vấn đề dân tộc do một giai cấp tiên phong đại diện. Mối quan hệ con đường giải phóng dân tộc và giải phong giai cấp công nhân được Đảng ta phối hợp rất hài hoà “chỉ có giải phóng được giai cấp vô sản thì mới giải phóng dân tộc cả 2 cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới” (HCM). “muốn cứu nước giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” (HCM). Giành độc lập dân tộc đi lên CNXH là một tất yếu khách quan của đất nước ta ý nghĩa : là bài học lớn có tổ chức bao chùm lịch sử cách mạng VN. Là sợi chỉ đỏ suất toàn bộ cách mạng VN từ khi có Đảng đoàn kết toàn dân để giành thắng lợi. Giải phóng một loạt những vấn đề cơ bản chiến lược sách lược trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong CMXHCN . khơi dậy sức mạnh quá khứ hiện tại tương lai, kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại tạo lên sức mạnh tổng hợp to lớn cho cách mạng VN

\*\*\*tăng cường đoàn kết dân tộc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại -cơ sở lý luận CN Mác-Lê Nin và tư tưởng HCM về vấn đề lực lượng cách mạng muốn cách mạng thắng lợi làm thế nào phải tập hợp được lực lượng -nội dung là lấy sức ta giải phóng cho ta -đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản. tôn trong nguyên tắc lấy dân làm gốc, nêu cao ý thức tự lực tự cường -tranh thủ hợptắc quốc tế \*sự lãnh đạo đúng đắn của đảng -là yếu tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của CM VN -dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng VN giành được những thắng lợi to lớn, đưa cách mạng ta từ thắng lợi này đến thắng lợi khác -những thắng lợi to lớn nói trên đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng +Đảng là đội tiên phong, tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, dân tộc VN +lấy chủ nghĩa Mác-tư tưởng HCM làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động +là người đại diện trung thành và đầy đủ nhất lợi ích chân chính của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc VN +Đảng có một mục tiêu duy nhất phục vụ tổ quốc và nhân dân +truyền thống đoàn kết, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ tự phê bình và phê bình, tăng cường kỉ luật, chống độc đán quan liêu +mối liên hệ máu thịt với quần chúng, được nhân dân che chở trong những lúc hiểm nguy \*đổi mới Đảng -đổi mới tư duy, lý luận, nhận thức lại CNXH vai trò của 1 Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân xây dựng CNXH -tăng cường điều kiện thống nhất trong đảng, phát huy dân chủ trong Đảng -giải quyết mối quan hệ giữa Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị -xã hội trong hệ thống chính trị -làm trong sạch đội ngũ đảng viên, phát huy tối đa các Đảng cơ sở -đổi mới công tác cán bộ của Đảng

**Câu 59 : Hoàn cảnh lịch sử (những thuận lợi, khó khăn) của VN sau năm 1975 và quá trình hình thành đường lối đổi mới. Những nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đại hội 6 đặt ra (12/1986) ?** Những thuận lợi của VN sau năm 1975 : Đất nước thống nhất, có đk để sd tốt các nguồn lực trong công cuộc xd CNXH. Nhân dân ta có tinh thần tự lực, tự cường thiết tha với độc lập dtộc và CNXH, có ý chí rất cao đối với vdề xd lại đnước sau chiến tranh. Cuộc CMKHKT hiện đại đang diễn ra tạo đk cho chúng ta tận dụng được nguồn vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý để rút ngắn thời gian trong quá trình phát triển. Những thành công và không thành công trong thời kỳ xd CNXH ở miền B và ở những nước XHCN giúp chúng ta rút ra được những bài học bổ ích cho công cuộc xd CNXH trên cả nước. Những khó khăn của VN sau năm 1975 : Xuất phát điểm của nền ktế là 1 nền sx nhỏ, lạc hậu phân tán, năng suất lđ thấp lại chịu hậu quả of chiến tranh gần 30 năm. Từ 1 nền ktế đựơc viện trợ (gần 50% GDP mỗi mềin) chuển sang nền ktế chủ yếu dựa vào sức mình. Các thế lực thù địch chống phá. Tình hình qtế có nhiều biến động. Hthống XHCN sụp đổ gây tác động tiêu cực đến ptrào CM trên TG và CMVN. Công cụôc xd CNXH trước đây có nhiều vấp váp và mô hình CNXH trước đây có nhiều khuyết tật mà những khuyết tật đó chưa đựoc Đảng ta nhận thức đầy đủ ở những năm đầu xd CNXH trên cả nước. Hoàn cảnh lịch sử : - Từ năm 1980 trở đi xu thế trên W chuyển đổi từ đối đầu sanh đối thoại. - Các nước TQ, LX, đông âu đều đã đang vào những hoạt động cải cách kinh tế để khắc phục những kiếm khuyết trong mô hình CNXH. - Ở VN sau hơn một thập kỷ (1975-1985) vừa phát triển kinh tế vừa tìm tòi con đường xd CNXH nhân dân ta đạt được những thành tựu trong công cuộc xd CNXH và bảo vệ tổ quốc nhưng khó khăn cũng chống chất, đất nước từ giữa những năm 80 lâm vào khủng hoảng KT- XH nặng nề, chưa ổn định được tình hình KT XH như mục tiêu mà đại hội V đề ra. -Đại hội VI đáp ứng yêu cầu của CMVN là đổi mới (tìm biện pháp, bước đi đúng để xd CNXH có hiệu quả hơn) - Nội dung cơ bản của đại hội: kiểm điểm 10 năm xd CNXH trên cả nước báo cáo chính trị của đại hội đã chỉ ra những thành tựu ta đạt được và chỉ ra tính chất nghiêm trong của khủng hoảng kinh tế XH, tình trạng lạc hậu về nhận thức lý luận, chậm tổng kết kinh nghiệm về thời kỳ QĐ lên CNXH, trong công tác chậm thực hiện đổi mới cán bộ, đại hội VI rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

\* Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, chăm lo xd và phát huy quyền làm chủ tập thể của ND lao động. \* Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, phải tôn trọng và hoạt động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo qui luật là điều kiện đảm bảo sự đúng đắn của Đảng. \* Phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. \* Chăm lo xd Đảng ngang tầm với đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành CMXHCN. Chuû tröông ñoåi môùi toaøn ñieän vaø saâu saéc veà con ñöôøng xd CNXH trong thôøi kyø QÑ ôû nöôùc ta \*Mục tiêu tổng quát: “ổn định mọi mặt tình hình KTXH. Tiếp tục xd những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá trong chặn đường tiếp theo.” \*Năm mục tiêu cụ thể trong những năm còn lại của chặn đường đầu tiên là: - SX đủ tiêu dùng và có tích luỹ. - bước dầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý hướng vào việc đẩy mạnh sx nông nghiệp, chủ yếu là lương thực thực phẩm hàng tiêu dùng và hàng xk. -XD và hoàn thiện một bước quan hệ sx phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của llsx . - Tạo ra bước chuyển biến tốt về mặt xh ( trên các lĩnh vực tạo việc làm, công bằng xh, chống tiêu cực, mở rộng dân chủ, giữ kỷ cương). - Đảm bảo nhu cầu quốc phòng và an ninh. Hệ thống giải pháp- những quan điểm mới trong lĩnh vực kinh tế mới: \* Bố trí cơ cấu sx:Điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư tập trung thực hiện ba chương trình về lương thực thực phẩm hàng tiêu dùng và hàng XK (đâu cũng là nội dung của đường lối CNH XHCN trong chặn đường đầu tiên) \* Về cải tạo XHCN: là nhiệm vụ thường xuyên liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH với hình thức và bước đi thích hợp, xd qhsx phù hợp với tính chất và trinh độ của llsx, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy llsx. Công nhận nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, coi chủ trương phát triển nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là chủ trương chiến lược lâu dài và là một đặ trưng của thời kỳ QDLCNXH. \* Về cơ cấu quản lý kinh tế: Xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, xd cơ chế mới (cơ chế thị trường) phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. \* Đổi mới sự lãnh đạo của đảng và sự quản lý điều hành của nhà nước cho phù hợp với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ chế quản lý mới. - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân thực hiện có nề nếp khẩu hiệu” dân biết dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Coi phát huy quyền làm chủ của nhân dân là động lực CNXH, động viên và tổ chức cho nhân dân tham gia quản lý kinh tế và quản lý xh tham gia cải cách kinh tế. - Mở rộng hợp tác quốc tế trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Ý nghĩa của đại hội: đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của đảng về chính trị tư tưởng và tổ chức mở đầu cho

công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc, thành công của đại hội là sức mạnh mới, là cơ sở hết sức quan trọng trong việc tăng cường đoàn kết, thống nhất giữa toàn đảng toàn dân.

**Câu 60 : Những thành tựu, yếu kém, khuyết điểm và bài học kinh nghiệm sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới ?**

Thành tựu :

-Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm:

+ (1991-1995) :GDP đạt 8,2% (so với kế hoạch đề ra 5,5-6,5% trong kế hoạch), sx công nghiệp tăng 13,3%, nông nghiệp tăng 4,5%. XK tăng 20%, lạm phát 67,1% (1991) còn 12,7% (1995). Cơ cấu ktế có bước chuyển đổi : tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dvụ đều tăng. Bắt đầu có tích luỹ từ nội bộ KT. QHSX được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của llsx. Nền kinh tế hh nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN được xd đời sống tinh thần được cải thiện, trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân được tăng lên. -Tạo được sự chuyển biến tích cực về mặt XH : đời sống vật chất, trình độ dân trí,.. của người dân đựơc nâng lên. - Giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, tạo lập môi trường hòa bình và đk thuận lợi cho công cụôc đổi mới.

- Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị : quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, khối đại đkết dtộc có bước phát triển mới, vai trò lđạo of Đảng đựơc tăng cường, Nhà nước pháp quyền tiếp tục được xd và hoàn thiện. - Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế, nâng cao vị trí of nước ta trên TG. Khuyết điểm:

- Nước ta còn nghèo và kém phát triển, thiếu cần kiệm trong sx, tiết kiệm trong tiêu dùng để dồn vốn đầu tư cho phát triển. Việc huy động, sd các nguồn lực còn phân tán, kém hiệu quả.

-Tình hình xh còn nhiều tiêu cực, tham ô, lãng phí của công, phân hoá giàu nghèo tăng.

-Việc lãnh đạo xd qhsx mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng. Chưa tạo điều kiện cho DN nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo. HTX chưa đổi mới, chưa giải quyết tốt chính sách để phát triển kinh tế tư nhân, phát triển tiềm năng đồng thời chưa quản lý tốt. Qủan lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài còn nhiều sơ hở.

- Quản lý nhà nước vế kt-xh còn yếu. - Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm. Năng lực và hiệu quả của đảng, nhà nước, đoàn thể chưa nâng lên hợp với tình hình. Bài học kinh nghiệm sau 10 năm đổi mới: Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dtộc và CNXH trong quá trình đổi mới, nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tquốc, kiên trì CN M-L và tư tưởng HCM. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược CM với sự linh hoạt sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi thủ đoạn lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thánh phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Tăng cường kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dtộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của ca dtộc. Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, XH công bằng, văn minh. Năm là, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân TG, kết hợp sức mạnh của dtộc và sức mạnh của thời đại. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải dựa trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dtộc. Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đ, coi xây dựng Đ là nhiệm vụ then chốt. Đảng ta phải luôn luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Củng cố và xây dựng Đ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiền phong gương mẫu của đảng viên. Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đ đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đối với 1 ĐCS cầm quyền hoạt động trong nền kinh tế thị trường lại có sự tác động của những thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch từ bên ngoài thì việc luôn luôn cảnh giác với 2 nguy cơ là chệch hướng và tha hoá biến chất của đội ngũ dẫn đến xa dân phải được coi là một nhiệm vụ thường xuyên có ý nghĩa sống còn đối với vai trò lãnh đạo của Đảng.

**Câu 61: Bằng lý luận và thực tiển hãy chứng độc lập dân tộc gắn với CNXH là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của quá trình CMVN?**

Lý luận: Vì CNXH đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc  CNXH dựa vào quan điểm CN mác-lê và chủ tịch HCM Thực tiển:

+ Giai đoạn 1930-1954: đặc điểm CNXH là ĐLDT( là mục tiêu trực tiếp) và CNXH

Tác dụng của CNXH: đảm bảo cho CM DCND theo đúng hướng, đúng mục tiêu, có kết quả. tiêu biểu là: cm tháng 8, kháng chiến chống pháp để đến hiệp định gionevo

+ Giai đoạn 1954-1975:

Đặc điểm: kết hợp 2 nhiệm vụ của 2 miền. miền nam là cách mạng DTDCND, miền bắc là XD CNXH

Tác dụng: giải phóng miền nam thống nhất đất nước

+ Giai đoạn 1975- nay:

Đặc điểm: dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh và ĐLDT gắn liền chặt chẽ với CNXH Tác dụng: kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

**Câu 62: Chứng minh bài học kinh nghiệm: CM là sự nghiệp của nd, do nd, vì n**d?

Lý luận: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để lãnh đạo cách mạng thành công, Đảng phải dựa vào nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu và phục vụ, luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, phát huy cao độ sức mạnh của nhân dân.

Thực tiển: Cách mạng Tháng Tám 1945 đã cho chúng ta nhiều bài học vô cùng quý báu Lúc phát động cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Đảng ta chỉ có khoảng năm nghìn đảng viên, một con số rất nhỏ bé so với tổng số dân nước ta lúc đó là vào khoảng 20 triệu người. Nhưng Đảng ta là một Đảng tiên phong cách mạng, có đường lối đúng đắn, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho Tổ quốc, chính quyền về tay nhân dân, lại có phương pháp, hình thức đấu tranh phong phú, linh hoạt, kịp thời nắm bắt thời cơ, xây dựng và tổ chức, sử dụng lực lượng đúng lúc, cán bộ, đảng viên gương mẫu đi đầu cho nên đã động viên được hàng chục triệu nhân dân vùng lên, chỉ trong vòng nửa tháng đã xác lập chính quyền nhân dân trong cả nước. Bài học về sức mạnh to lớn của nhân dân và sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân có ý nghĩa sâu sắc không chỉ đối với Cách mạng Tháng Tám 1945, đối với hơn 30 năm chiến đấu gian khổ bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc, mà còn cho cả ngày nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là một chân lý lớn của cách mạng Việt Nam, một nội dung quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người nhấn mạnh và thực hiện nhất quán: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công". Trong sự nghiệp đổi mới mấy chục năm qua, cùng với việc đề ra đường lối và các chính sách đổi mới đúng đắn, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc gắn liền với sức mạnh thời đại, tạo ra nguồn lực to lớn, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế với nhịp độ khá nhanh, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu kinh tế - xã hội mà toàn Đảng và toàn dân ta đang ra sức phấn đấu là đến năm 2010 đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 63: Đặc điểm của giai cấp cũ và giai cấp mới ở VN cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, giai cấp nào giử vai trò quan trọng? tai sao?**

GCCN VN là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chấthoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp. Mang đặc điểm của GCCN hiện đại. Ra đời trước GCTS Việt Nam. Lợi ích của GCCN thống nhất với nhân dân lao động và cả dân tộc Luôn giữ vai trò lãnh đạo trong cách mạng Việt Nam. Phần lớn xuất thân từ nông dân, dễ thực hiện liên minh công - nông. Giai cấp nông dân: Là lực lượng chính trị - xã hội đông đảo. Có phương thức sản xuất phân tán, năng suất thấp. Đại diện cho nền sản xuất nhỏ. Là những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp... gắn với thiên nhiên như đất, biển, rừng… nhưng Cơ cấu không thuần nhất, không có sự liên kết chặt chẽ về kinh tế, tư tưởng, tổ chức. Không có hệ tư tưởng độc lập, phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị …….

**Câu 64: Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"?**

1. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng:

- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội do nhân dân làm chủ.

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Quan niệm trên đây về chủ nghĩa xã hội được nêu trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", vừa thể hiện những đặc trưng cơ bản có tính chất phổ biến, vừa thể hiện những nét đặc thù của Việt Nam. Khi kết thúc thời kỳ quá độ, các đặc trưng này đã hình thành nhưng chưa hoàn chỉnh, trong chủ nghĩa xã hội sẽ được hoàn thiện ngày càng đầy đủ hơn.

2. Phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"

- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

- Phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức đạo đức thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. - Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách hoà bình, hợp tác phát triển và hữu nghị với tất cả các nước. Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả lực lượng đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. - Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. - Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản có sứ mệnh lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, có cội nguồn lịch sử sâu xa và lôgíc tất yếu của quá trình vận động cách mạng Việt Nam từ năm 1930. Phản đối chủ trương đòi "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập". Vấn đề cốt yếu là xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch ngang tầm với nhiệm vụ mới, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các phương hướng cơ bản nói trên vừa mang tính nguyên tắc, bảo đảm không chệch hướng xã hội chủ nghĩa, vừa quán triệt tinh thần đổi mới, không lặp lại những sai lầm cũ. Đây là những giải pháp cơ bản bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

**Câu 65: Phân tích nội dung cơ bản và ý nghĩa của bài học kinh nghiệm nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**?

1. Nội dung của bài học kinh nghiệm:

a) Bài học kinh nghiệm nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một bài học quan trọng mà Đảng ta giải quyết đúng đắn, sáng tạo phù hợp với những điều kiện lịch sử của thời đại mới về mối quan hệ: - Giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp; - Giữa con đường giải phóng dân tộc với con đường giải phóng giai cấp công nhân và những người lao động bị áp bức, bóc lột.

b) Đường lối đó đã được Đảng ta thực hiện một cách đúng đắn, sáng tạo qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng - Thời kỳ Bác Hồ tìm đường cứu nước và chuẩn bị vận động thành lập Đảng: + Trong thời đại mới, sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc chỉ có thể gắn liền với cuộc cách mạng vô sản vai trò lãnh đạo là giai cấp công nhân. Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" và "chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên toàn thế giới khỏi ách nô lệ". + Trong "Chính cương vắn tắt", "Sách lược vắn tắt", "Luận cương chính trị" đều xác định: cách mạng Việt Nam, trước hết là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Mục đích cuối cùng là xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. - Thời kỳ cả nước thực hiện một chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1945): Trong thời kỳ này, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là mục tiêu trực tiếp, còn cách mạng xã hội chủ nghĩa mới chỉ là phương hướng, là triển vọng tiến lên của cách mạng Việt Nam. Đặt cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phương hướng, triển vọng tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ quy định tính triệt để của cuộc cách mạng đó, vì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng ta tiến hành là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới,

thuộc phạm trù cách mạng vô sản. Đó là điều kiện cơ bản để thực hiện cách mạng không ngừng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. - Thời kỳ cả nước tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng (1945-1975): + Tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng là một hình thái độc đáo, sáng tạo của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. + Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng cả nước, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp đánh đuổi đế quốc Mỹ giải phóng miền Nam. + Nhờ kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và xác định đúng vị trí và nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền, Đảng ta đã phát huy được sức mạnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và miền Nam để đánh Mỹ và thắng Mỹ, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Đường lối chiến lược giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho phép Đảng ta kết hợp được sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. - Thời kỳ cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa (từ 1975 đến nay): + Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. + Nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ này vẫn là đường lối chiến lược cơ bản của Đảng ta. Vì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải tiếp tục giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với dân tộc... + Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội từ đây gắn chặt với nhau. Độc lập dân tộc là điều kiện để nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang lại đời sống ngày càng tự do, ấm no, hạnh phúc, văn minh, là điều kiện để bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay. 2. Ý nghĩa, bài học kinh nghiệm - Nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một bài học kinh nghiệm lớn, có tính chất bao trùm của Đảng ta vì: + Từ khi có Đảng, đường lối đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam. + Là ngọn cờ bách chiến bách thắng của cách mạng Việt Nam. + Với đường lối cơ bản này, Đảng ta đã giải quyết thắng lợi một loạt vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Cho phép Đảng ta khơi dậy được sức mạnh của quá khứ, của hiện tại, của tương lai, sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

**Câu 66: Nội dung và ý nghĩa của bài học kinh nghiệm tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế ?** 1. Nội dung của bài học kinh nghiệm: - Cơ sở lý luận của bài học này là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ gắn bó giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng mở ra khả năng thực hiện đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. - Đây là một vấn đề chiến lược, là một nhân tố quan trọng quyết định thành công của cách mạng nước ta. Vì vậy, trong mọi thời kỳ vận động cách mạng, Đảng ta đã nhận thức và quán triệt tư tưởng đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong đường lối chiến lược và sách lược của mình. + Trong cương lĩnh đầu tiên, Đảng ta đã chỉ rõ: cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, ủng hộ Liên bang Xôviết, liên kết với giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp và đoàn kết với phong trào cách mạng thuộc địa, và nửa thuộc địa nhất là Trung Quốc và Ấn Độ... + Trong thời kỳ 1930 đến 1945, Đảng ta không ngừng xây dựng và củng cố khối đoàn kết dân tộc qua các mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở khối liên minh công nông vững chắc. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả của đường lối đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của Đảng. + Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta đã huy động được sức mạnh to lớn của khối đoàn kết toàn dân với khẩu hiệu "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" và khẩu hiệu "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa hai cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. + Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay của nhân dân ta, vấn đề tăng cường đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế vẫn luôn luôn là một nhân tố cực kỳ quan trọng tác động đến tiến trình phát triển của cách mạng nước ta, nhất là trong tình hình các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô khủng hoảng và sụp đổ, nước ta cũng có nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội thì hơn lúc nào hết cần phải tăng cường khối đoàn kết dân tộc và đoàn kết hợp tác với tất cả các nước trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị, xã hội, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giúp đỡ nhau, cùng có lợi. Có như vậy, thì nước ta mới vượt qua được thách thức, tận dụng được thời cơ phát triển. 2. Để tăng cường đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, kinh nghiệm lịch sử cho thấy - Muốn thực hiện đoàn kết dân tộc phải luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân — giai cấp tiêu biểu cho lợi ích của dân tộc và lợi ích của giai cấp.

- Phải luôn luôn tôn trọng nguyên tắc "lấy dân làm gốc", coi sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, xem đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đoàn kết dân tộc, tạo tiền đề cho việc đoàn kết quốc tế. - Phải luôn luôn nêu cao ý thức tự lực tự cường, tinh thần độc lập tự chủ của nhân dân ta, đồng thời ra sức tranh thủ sự đoàn kết và hợp tác, giúp đỡ quốc tế đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. - Phải thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả, coi việc tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế vừa là vì lợi ích dân tộc, vừa là nghĩa vụ của nhân dân ta đối với nhân dân các nước khác. - Trong khi tăng cường và mở rộng đoàn kết, hợp tác quốc tế, chúng ta không được lơ là, mất cảnh giác trước những âm mưu chống phá cách mạng thế giới và cách mạng nước ta từ phía chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

**Câu 67: Đường lối đổi mới? vì sao phải đổi mới, phương hướng đổi mới? nội dung đổi mới? vì sao phải thực hiện sự nghiệp đổi mới?**

- Đổi mới là phù hợp với xu thế chung của thời đại: Xuất phát từ bản chất cách mạng và khoa học của CN mác lenin: “ đổi mới là đặc tính của cách mạng XHCN” ; “cơ sở kinh tế của CNXH chỉ có thể là nền đại công nghiệp cơ khí”. Khi bước vào những năm 80 của thế kỉ XX trình độ về quốc tế hoá về kinh tế thế giới ngày càng sâu sắc. Nếu ta không nằm trong quỹ đạo ta sẽ bị bật ra khỏi thế giới do đó ta phải đổi mới chính sách. Nếu có đường lối đúng ta không những tận dụng được nguồn vốn mà còn vận dụng được cả thị trường do đó phải năng động đổi mới. Những năm đầu của thập kỷ 80 đặc biệt năm 85 trở đi Liên xô và các nước đông âu nổi lên làn sóng cải cách , cải tổ cơ chế quan liêu bao cấp của CNXH làm cho nó lâm vào khủng hoảng và thời kì nàylà thời kì khủng hoảng nhất của chế độ quan liêu bao cấp dẫn đến khủng hoảng kinh tế ở đông âu . Trong khi đó các nước TBCN biết vươn lên lấy cơ hội để phát triển và có nhiều thành tựu: - ở châu á Trung quốc đã khởi xướng công cuộc cải cách cải tổ từ đại hội 12 tới đại hội 13. - Trên thế giới việc đổi mới trở thành nhu cầu tất yếu , là nhiệm vụ sống còn đối với mọi quốc gia, do đó VN phải đổi mới.

- Thực tiễn ở VN sau 80 năm chiến tranh nhân dân chịu nhiều đau khổ , mọi người muốn sống một cuộc sống hạnh phúc hoà bình ấm no và chất lựơng cuộc sống . Đ cố gắng tìm tòi chính sách mới nhưng càng làm càng sụp đổ , một số chủ trương chính sách về kinh tế và xã hội đều được nghiên cứu nhưng khi thực hiện lại biểu hiện những sai lầm , những hạn chế , mắc những sai lầm khuyết điểm lớn: Nguyện vọng của đất nước như vậy nhưng ta làm ko đúng gây ra lạm phát , tiêu cực rất nhiều , làm lòng tin của dân đối với Đ giảm sút do đó phải nhanh chóng đổi mới Nội Dung Đổi Mới : đổi mới toàn diện - Trước hết đổi mới về tư duy kinh tế. - Đổi mới về tổ chức. - Đổi mới về đội ngũ cán bộ. - Và đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác của Đ. vì sao phải đổi mới tư duy: - Bởi tư duy là trình độ cao của nhận thức (là toàn bộ những hiện thực khách quan phản ánh vào đầu óc con người mà nhận thức và so sánh tập hợp được sự vật hiện tượng) đổi mới phơng pháp tư duy dẫn tới hành động nhận thức cao – lí luận cao - Từ quan điểm của CN mac lênin về vai trò của lí luận và tư duy lí luận “ không có tư duy con người thì không có lao động cách mạng” chỉ có lực lượng cách mạng mới có phong trào cách mạng , phải có lực lượng tiên phong mới đảm đương được nhiệm vụ tiên phong. - Lực lượng cách mạng khoa học phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan thì thúc đẩy sự phát triển của lực lượng và ngược lại. Mà Đ ta lãnh đạo cách mạng bằng đường lối mà đường lối chính là tư duy cao. Nếu đường lối đúng XH sẽ phát triển còn đường lối sai sẽ kìm hãm sự phát triển. - Nhận thức chưa dúng quy luật kinh tế khách quan: quan hệ sản xuất fù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. - Quy luật phổ biến trong thời kì quá độ : trong thời kì quá độ phải sản xuất hàng hoá do đó có nhiều thành phần kinh tế dẫn đến có bóc lột ( thuê CN) trong thời kỳ này đổi mới tư duy là đổi mới về nhận thức. Song đổi mới không có nghĩa là phủ nhận tất cả những thành tựu đã đạt được mà là bổ xung phát triển những thành tựu ấy . đổi mới tư duy kinh tế là trọng tâm - Bởi kinh tế là nền tảng là cơ sở tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia . Nếu đổi mới về tư duy kinh tế sẽ tạo ra khả năng phát triển đất nước . Vật chất quyết định mọi vấn đề khác trên cơ sở đó sẽ có những cái khác. - Thực tế đất nước ta giai đoạn đó chỉ có thể phát triển kinh tế thì mới có thể tạo ra những bước đi vững chắc. - Phương hướng đổi mới: Phương hướng chung: đổi mới tư duy trên tất cả các lĩnh vực của đời sống XH, đổi mới về quan điểm, bước đi, cách làm cho phù hợp với những quy luật khách quan của CNXH. Đổi mới tư duy nhằm làm cho SX phát triển, tạo ra đời sống vật chất tinh thần ngày càng cao cho toàn XH.

- Đổi mới tư duy không phải là mục đích mà là phương tiện để đạt được mục đích xây dựng thành công CNXH. - Đổi mới tư duy phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của CN mac- lenin và tư tưởng HCM. Phương hướng cụ thể : có những quan điểm trước đây đúng , nay trong đIều kiện mới không còn phù hợp phải thay đổi: Như: có những quan điểm trước đây đúng nay vẫn đúng (trong đk mới) nhưng do thực tiễn không ngừng phát triển, những quan niệm ấy không còn đáp ứng nhu cầu mới, phải bổ sung phát triển cho phù hợp . Có những quan niệm trước đây đúng nay vẫn đúng nhưng do ta hiểu sai, nay phải hiểu lại, làm lại cho đúng ( QHSX phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lương sản xuất …) \*những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới: - vì sao phải nêu ra nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới + Lý luận : sau 2 năm thực hiện công cuộc đổi mới ta đã giải phóng được sức SX, dân chủ được phát triển, chiến lược bảo vệ tổ quốc được điều chỉnh hợp lí .QHSX được mở rộng nhưng đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội: nhiều người nảy sinh tư tưởng bi quan hoài nghi con đường đi lên CNXH. - Tình hình thế giới và các nước XHCN có nhiều biến động và biến động rất phức tạp, sự tan rã của các nước XHCN bắt đầu hình thành CNXH Liên Xô tan dã, ở TQ nền dân chủ không đi liền với chủ trương, tự do hoá dân chủ đã bị người dân TQ lợi dụng để đòi hỏi những quyền lợi và cuộc sống đầy đủ sung túc. - Nội dung của nguyên tắc: + Đổi mới ko phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà là cho mục tiêu ấy được thực hiện tốt hơn = quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp. + Đổi mới không phải là xa rời CN mac lenin mà là vận dụng sáng tạo học thuyết mac lênin và khắc phục những quan niệm không đúng về học thuyết đó. + Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phải nhằm tăng cường chứ không phải làm suy yếu sức mạnh của chuyên chính vô sản. + Xây dựng nền dân chủ XHCN vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp XD CNXH song dân chủ phải có lãnh đạo , lãnh đạo phải dựa trên cơ sở dân chủ, dân chủ với nhân dân nhưng phải chuyên chính với kẻ thù. + Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế XHCN , kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Kết luận: coi 5 nguyên tắc trên là sự thống nhất tư tưởng hành động, là những kinh nghiệm những bài học được rút ra tư thực tiễn để chỉ đạo công cuộc đổi mới.

**Câu 68 : Kiên định mục tiêu con đường XHCN?**

Kiên định con đường CNXH là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn của đảng ta: 1. Vì sao lại xác định như vậy: - Tiến lên CNXH là phù hợp với quy luật vận động và phát triển của XH loài người . Chủ nghĩa mac- lênin chỉ rõ “sự vận động của các hình thái KTXH bắt nguồn từ các sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất” (con người ở công xã nguyên thuỷ, xã hội loài người đã phát triển qua 5 hình thái kinh tế)

- Sự phát triển lên CNXH là phù hợp với xu thế chung của thời đại . Người ta nhận thấy cứ 10% giàu là 90% người nghèo làm cho 10% người giàu càng giàu thêm , 10% ấy không chỉ bóc lột trên lưng người khác mà còn bóc lột trên lưng dân tộc khác , bản chất của XH tư bản là bản chất bóc lột . CNXH đã chứng minh rằng sự phân biệt ấy là không đáng kể do vậy xu hướng đi lên CNXH là tất yếu. - CNXH vẫn đại diện cho tiến bộ nhân loại mặc dù hơn 70 năm qua CNXH đã phải trải qua rất nhiều khó khăn. Trong lúc các nước CNXH đang gặp khủng hoảng và các thế lực thù địch bao vây, phá hoại thì ta đã nhận thấy: ta lựa chọn CNXH trong khi có hệ thống XHCN hay kể cả khi hệ thống CNXH sụp đổ ta vẫn lựa chọn. Điều này chứng tỏ lập trường của ta ngay khi CNXH gặp khủng hoảng ta vẫn kiên định đi theo CNXH. Vì thế mà ta giải phóng được dân tộc ta đi lên CNXH và được XH, ngay cương lĩnh chính trị đầu tiên, ngay từ đầu cho tới khi thành công trong cách mạng đến khi thành công trong việc giải phóng dân tộc .Có miền bắc XHCN mới tạo ra của cải vật chất để chi viện cho miền nam giải phóng hoàn toàn thống nhất đất nước. Miền nam cũng nhìn miền bắc XHCN để có nỗ lực, niềm tin, sức mạnh đi lên CNXH. Hơn nữa thế kỷ qua chúng ta chống chủ nghĩa đế quốc hay thực chất chúng ta chống CNTB nói chung. Điều này đưa đến quyết định lựa chọn duy nhất đúng của lịch sử. - Thực tế của lịch sử dân tộc không có tính tất yếu nào để chúng ta xây dựng CNTB. Mặc dù sau năm 75 ta có nhiều sai lầm nhưng Đ ta đã nhận ra và kiên định đi theo con đường CNXH đã chọn . Thực tế sự lựa chọn lên CNXH là sự lựa chọn duy nhất đúng.

**Câu 64 : Nội dung chủ yếu được bổ sung và phát triển trong văn kiện đại hội 9 ?**

- Mục tiêu của cm, lý tưởng của đảng - Về thời kỳ quả độ lên CNXH - Mô hình kinh tế tổng quát - Chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế - Đấu tranh giai cấp và động lực phát triển đất nước - Nến tảng tư tưởng của đảng - Xây dựng nền kinh tế độc lập tự quản và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế PHÂN TÍCH: Mục tiêu của cách mạng , lý tưởng của đảng Khẳng định con đường mà đảng và ND đã chọn và quan tâm XD là con dường XHCN. XHCN trên nền tảng của cn mac lenin và tư tưởng HCM Khẳng định điều này là rất cần thiết nhất là trong tình hình hiện nay TG co diễn biến phức tạp , trong nước cũng đứng trc những nguy cơ và thách thức mới . Mục tiêu cao cả thiêng liêng bất di bất dịch của nhân dân ta là Xd mọt nước VN độc lập dân tộc thống nhất đi lên CNXH, đi lên CNXH là 1 tất yếu khách quan theo đúng quy luất tiến hoá của lịch sử , chỉ co CNXH, CNCS mới giải pháng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp Cn trên toàn thế giới . Đặc điểm của cước ta XD CNXH từ điểm xuất phát rất thấp chưa có trong lịch sử do đó nhũng sai lầm khuyết điểm là khó tránh khỏi cần phải thừa nhận đề tìm cách khắc phục và sửa chữa nó . không vì khuyết điểm sai lầm ma phủ định CNXH. Không xa rời mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH. CNXH mà nhân dân ta đã XD là 1 XH do nhân dân lao động làm chủ , có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại , chế độ công hữu về tư liệu sản xuất có nền văn hoá tiến bộ đậm đà bản sắc dân tộc , con người được giải phóng . Trong giai đoạn hiện nay mục tiêu phấn đấu của ND ta là XD 1 nước VN dân giàu nước mạnh xh công bằng dân chủ văn minh Câu 174: Đường lối phát triển kinh tế do Đại Hội 9 xác định ? Đẩy mạnh cnh-hdh, xây dựng nền ktế độc lập tự chủ, đa nớc ta trở thành 1nước CN. Ưu tiên ptr LLSX đồng thời xây dựng QHSX phù hợp theo định hớng XHCN, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập qtế để ptr nhanh, ptr văn hoá, từng bớc cảI thiện đ/s vật chất tinh thần của nd, t/hiện tiến bộ và công = XH, bảo vệ và cảI thiện môI trg, kết hợp ptr KTXH với tăng cờng QPAN. C/lược ptr ktxh 10năm 2001-2010 nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém ptr, nâng cao rõ rệt đ/s vật chất, vhoá, tinh thần của nd, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành 1nước CN theo hướng hiện đại, nguồn lực con ng`, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực ktế, QPAN được tăng cường, thể chế ktế thị trường định hướng XHCN được cơ bản h/thành. Vị thế nước ta trên trường qtế được nâng cao. Đến năm 2010 tổng sp trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000, chuyển dịch mạnh cơ cấu ktế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông ng xuống còn 50% Kế hoạch ptr KT XH 5năm 01-05 rất quan trọng trg việc t/hiện c/lược 10năm nhằm tăng trưởng kt nhanh, bền vững ổn định cảI thiện đ/s nd chuyển dịch cơ cấu kt theo hướng cnh hdh. Nâng cao rõ rệt hqua sức cạnh tranh của nền kt. Mở rộng kt đối ngoại, tạo chuyển biến mạnh về GD-ĐT khoa học và công nghệ, p/huy nhân tố con ng`.Tạo nh việc làm, cơ bản xoá đói giảm nghèo đẩy lùi tệ nạn XH, tăng cường kết cấu hạ tầng ktxh, hthành bước quan trọng thể chế kt thị trường định hướng XHCN. Giữ vững ổn định c/ trị và TTATXH, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và an ninh qgia. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 01-05 là 7.5%/năm

**Câu 65: Anh chị hãy làm rõ: Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về nhận thức và giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới và Ý nghĩa thực tiễn của nó**

Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề XH - Tại ĐH VI, lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề XH lên tầm chính sách XH, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách XH đối với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. ĐH cho rằng, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách XH nhưng những mục tiêu XH lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách XH có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm…Do đó, cần có chính sách XH cơ bản, lâu dài, phù hợp với yêu cầu và khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. - Mục tiêu của chính sách XH thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế ở chỗ đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách XH, đồng thời thực hiện tốt các chính sách XH là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. - ĐH VIII của Đảng chủ trương , hệ thống chính sách XH phải được hoạch định theo những quan điểm sau đây:

+ Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng XH ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng XH phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất cũng như ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình. + Thực hiện nhiều hình thức phân phối. + Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. + Các vấn đề chính sách XH đều giải quyết theo tinh thần XH hóa. - ĐH IX của Đảng chủ trương, các chính sách XH phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hóa XH, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động XH, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ XH, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp. - ĐH X của Đảng chủ trương, phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH trong phạm vi cà nước, ở từng lĩnh vực, địa phương. -Trong điều kiện VN gia nhập WTO, hội nhập sâu rộng hơn vào hệ thống kinh tế quốc tế, Hội nghị Trung Ương 4 khóa X ( tháng 1/2007 ) nhấn mạnh: phải giải quyết tốt các vấn đề XH nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO. Xây dựng cơ chế đánh giá vá cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực XH để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.  Quan điểm về giải quyết các vấn đề XH. Một: Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH. - Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực Xh có liên quan trực tiếp. - Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến các tác động và hậu quả XH có thể xảy ra để chủ động xử lý. - Phải tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách XH. - Sự kết hợp giữa 2 loại mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị kinh tế cơ sở. Hai: Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng XH trong từng bước và từng chính sách phát triển. - Trong từng bước và từng chính sách phát triển ( của chính phủ hay của ngành, của Trung ương hay của địa phương ), cần đặt rõ và xử lý hợp lý việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng XH. - Nhiệm vụ “gắn kết” này không dừng lại như 1 khẩu hiệu, 1 lời khuyến nghị, mà phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thi hành. - Các cơ quan,các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia phải thấu triệt quan điểm phát triển bền vững, phát triển “sạch”, phát triển hài hòa, không chạy theo số lượng, tăng trưởng bằng mọi giá. Ba: chính sách XH được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. - Chính sách XH có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, cũng như không thể dựa vào viện trợ như thời như thời bao cấp. - Trong chính sách XH, phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

Đó là một yêu cầu của công bằng XH và tiến bộ XH, xóa bỏ bao cấp, cào bằng, chấm dứt cơ chế xin – cho trong chính sách XH. Bốn: coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực XH. Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì 1 xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng.  Chủ trương giải quyết các vấn đề XH. Một : khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo. - Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển.

- Tạo động lực làm giàu trong đông đảo dân cư bằng tài năng, sáng tạo của bản thân, trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức cho phép. - Xây dựng và thực hiện có kết quả cao chương trình xóa đói giảm nghèo, đề phòng tái đói, tái nghèo, nâng cao dần chuẩn đói nghèo khi mức sống chung tăng lên. Hai: bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Xây dựng hệ thống an sinh XH đa dạng, phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm. - Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ XH, tạo nhiều việc làm ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động. - Thực hiện chính sách ưu đãi XH. - Đổi mới chính sách tiền lương, phân phối chính sách XH công bằng, hợp lý. Ba: phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả. Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách, phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập. Bốn: xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi. - Quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản. Giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. - Đẩy mạnh công tác bảo vệ giống nòi, kiên trì phòng chống HIV / AIDS và các tệ nạn XH. Năm: thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bảo đảm bình đẳng giới, chống nạn bạo hành trong quan hệ gia đình. Sáu: chú trọng các chính sách ưu đãi XH. Bảy: đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.  Đánh giá sự thực hiện đường lối. - Sau hơn 20 năm đổi mới chính sách XH, nhận thức về vấn đề phát triển XH của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi có ý nghĩa bước ngoặt quan trọng sau đây: + Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực XH của tất cả các tầng lớp dân cư . + Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích hợp pháp của tập thể 1 cách chung chung, trừu tượng, thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân, cào bằng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi XH.Nhờ vậy, công bằng XH được thực hiện ngày 1 rõ hơn. + Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách XH trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách XH. + Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm. + Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu nghèo đã khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, coi việc có 1 bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. + Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng 1 cơ cấu XH “ thuần nhất” chỉ còn có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng 1 cộng đồng XH đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lóp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước VN giàu mạnh. - Qua hơn 20 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển XH đã đạt nhiều thành tựu.Tính năng động XH khác hẳn thời bao cấp.Một XH mở đang dần dần hình thành với những con người không chờ bao cấp, dám nghĩ dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì Tổ quốc. Cách thức quản lý XH dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.

- Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đã xuất hiện ngày càng đông đảo các doanh nhân, tiểu chủ, chủ trang trại và các nhóm XH khác phấn đấu vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh”. Thành tựu xóa đói giảm nghèo được nhân dân đồng tình, được quốc tế thừa nhận. - Đã coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với Khoa học và Công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển XH, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Có cố gắng thực hiện công bằng XH trong giáo dục, trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

**Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN**

**Câu 1: Tại sao con người là yếu tố cơ bản phát triển kinh tế xã hộ**i?

- Để tăng trưởng kinh tế phải sử dụng nhiều yếu tố song có 5 yếu tố cơ bản:

Vốn (Bí ẩn của vốn- Đờ sô tô), khoa học và công nghệ, con người, cơ cấu, kinh tế, thể chế chính trị và quản lý nhà nước trong đó nhân tố con người giữ vai trò quyết định vì:

Trong các nguồn lực đó thì nguồn nhân lực được xem là yếu tố nội sinh chi phối các yếu tố còn lại.Các nguồn lực như vốn, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa l.…tự nó chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng và chúng chỉ phát huy tác dụng khi có ý thức của con người tác động vào. Bởi lẽ, con người là nguồn lực duy nhất biết tư duy, có trí tuệ và ý chí biết tận dụng, gắn kết chúng lại với nhau tạo thành sức mạnh tổng hợp cùng tác động vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nguồn nhân lực con người là nhân tố quyết định việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và tái tạo các nguồn lực khác. Các nguồnlực khác dù nhiều đến đâu cũng chỉ là yếu tố có hạn và chỉ phát huy được tác dụng khikết hợp với nguồn nhân lực một cách có hiệu quả.Các nguồn lực khác là có hạn, cóthể bị cạn kiệt khi khai thác. Trong khi đó nguồn lực con người mà cốt lõi là trí tuệ lại là nguồn lực vô tận. Tính vô tận, trí tuệ con người biểu hiện ở chỗ nó không chỉ cókhả năng tái sinh mà còn tự sản sinh và đổi mới không ngừng nếu biết chăm lo, bồi dưỡng và khai thác hợp lý.. Nhờ vậy con người đã từng bước làm chủ tự nhiên, khámphá ra những tài nguyên mới và sáng tạo ra những tài nguyên vốn không có sẵn trongtự nhiên.

**Câu 2: Tại sao nghị quyết 13 xác định phải ổn định phát triển hòa bình để tập trung phát triển kinh tế**.

Tháng 5/1988, bộ ctrị ra nghị quyết số 13 về nvụ và csach đối ngoại trong tình hình mới.Mtiêu clược và lợi ích cao nhất of Đảng và ND ta là fải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xdựng và ptriển ktế. Bộ chính trị đề ra chủ trương kiên quyết chủ động chuyển cuộc đtranh từ tình trạng đối đầu sang đtranh và hợp tác cùng tồn tại và hòa bình, lợi dụng sự ptriển ktế CMKH kthuật và xu thế toàn cầu hóa nên ktế tgiới để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong fân công lđộng qtế, kiên quyết mở rộng qhệ hợp tác trong qtrình ra sức đa dạng hóa qtế đối ngoại.

Do hcảnh nc ta lúc này đã giành đc hòa bình, thống nhất, tuy nghiên bị sự bao vây, chống phá of các thế lực thù địch đối vs VN tạo nên tình trạng căng thẳng,gây mất ổn định trong kvực và gây kkhăn, cản trở cho sự ptriển của CMVN, gây khó khăn cho sự ptriển ktế - xhội ở nc ta. Vì vậy, nvụ cấp bách cần thiết là fải củng cố, giữ vững hòa bình, giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch; tạo môi trg qtế tlợi để tâp trung XD ktế

Mặt #, do hậu quả năg nề của ctranh và các khuyết điểm chủ qua của nền ktế VN rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Nguy cơ tụt hậu về ktế đặt ra găy gắt => Đảng đề ra chủ trương fải tập trung sức XD và ptriển ktế.

**Câu 3: Kinh tế thị trường là gì? Sự khác nhau của mục đích kinh tế thị trường CNTB và kinh tế thị trường định hướng XHCN? Tại sao có sự khác nhau đó?**

Trả lời: kinh tế thị trường là trình độ phát triển cao của kinh tế hàng hóa, trong đó toàn bộ các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất kinh doanh đều được mua bán thông qua thị trường. kt hàng hóa và kt thị trường có cùng nguồn gốc và bản chất nhưng khác nhau về trình độ và quy mô.

Sự khac nhau giữa kt thị trường CNTB và Kinh tế thị trường định hướng XHCN:

Kt thị trường định hướng XHCN:

-Đại hội IX của Đảng (4/2001) xác định:

Mục đích:

•Sử dụng thế mạnh của thị trường định hướng XHCN để "Phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân"

•Định hướng XHCN được thể hiện trên cả 3 mặt của quan hệ sản xuất“: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối nhằm mục đích cuối cùng là "Dân giàu nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội do nhân dân là chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức và bất công, tạo điều kiện cho mọi người có một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc".

•Kinh tế thị trường định hướng XHCN chưa hoàn toàn là kinh kinh tế thị trường của CNXH vì chưa có đầy đủ các yếu tố XHCN nhưng nó khác kinh tế thị trường TBCN ở chỗ mục đích phát triển, phương thức phát triển, định hướng xã hội về phân phối, về quản lý.

-Đại hội X của Đảng bổ sung thêm mục đích:

+ Dân giàu nước mạnh, xã hội cong bằng đân chủ văn minh, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất,không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

+ đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo,khuyến khích làm giàu chính đáng,giúp đỡ người khác khá hơn, từng bước khá giả.

Mục đích của kt thị trường CNTB:vì lợi ích của giới chủ, Bảo vệ CNTB

Sự khác nhau đó là do:kt thị trường định hướng XHCN là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH

C**âu 4:Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là gì?**

\*là thể chế kinh tế thị trường trong đó, các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

\*Thể chế kinh tế thị trường là một tổng thể các bộ quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động, giao dịch, trao đổi trên thị trường.

**Câu 5: Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm đổi mới (1986-1996)**

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 tức từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến năm 1995 là những năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VII, đất nước ta đã đạt đượm những thành tựu quan trọng sau đây: Một là, đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1991-1995). Trong 5 năm 1991-1995, nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 8,2%; về sản xuất công nghiệp là 13,3%, sản xuất nông nghiệp là 4,5%; về kim ngạch xuất khẩu là 20%. Đầu tư cơ bản toàn xã hội bằng nguồn vốn trong và ngoài nước năm 1990 chiếm 15,8% GDP, năm 1995 là 27,4% GDP. Nước ta đã bắt đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế. Lương thực không những đủ ăn mà mỗi năm còn xuất khẩu được bình quân 2 triệu tấn gạo. Lạm phát giảm từ 67,1% năm 1991 xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng. Hai là, tạo ra được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội. Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu ngày một tăng lên, số hộ nghèo giảm. Mỗi năm có thêm một triệu lao động có việc làm. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ đất nước, vào Đảng và Nhà nước tăng thêm. Ba là, giữ vững được chính trị ổn định, quốc phòng và an ninh được củng cố. Đảng ta chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được tăng cường. Bốn là, thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị. Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hoá đường lối đổi mới trên các lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội. Đã ban hành Hiến pháp mới năm 1992; sửa đổi bổ sung và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng, cải cách một bước nền hành chính quốc gia. Hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể có những đổi mới và tiến bộ hơn. Năm là, phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cấm vận; tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế, nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới: Nước ta có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Như vậy, công cuộc đổi mới trong 10 năm (1986-1995) đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII của Đảng đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã hoàn thành về cơ bản. Tuy một số mặt còn chưa vững chắc nhưng nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã hội đủ những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xét

trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

**Câu 6: Những bài học chủ yếu của 10 năm đổi mới là gì?**

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm (1986-1995), Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nêu những bài học chủ yếu sau đây: Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt sáng tạo trong sách lược, nhậy cảm nắm bắt cái mới. Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trí. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi thủ đoạn lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Năm là, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải dựa trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng ta phải luôn luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Củng cố và xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiền phong gương mẫu của đảng viên. Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đối với một Đảng cộng sản cầm quyền hoạt động trong nền kinh tế thị trường lại có sự tác động của những thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch từ bên ngoài thì việc luôn luôn cảnh giác với hai nguy cơ là chệch hướng và tha hoá biến chất của đội ngũ dẫn đến xa dân phải được coi là một nhiệm vụ thường xuyên có ý nghĩa sống còn đối với vai trò lãnh đạo của Đảng.

**Câu 7: Những thành tựu và bài học sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1995-2000) ?**

Trong 5 năm - từ 1995 đến 2000 - sự nghiệp đổi mới được tiếp tục triển khai mạnh mẽ cả về bề rộng lẫn chiều sâu và cũng đã thu được nhiều thành tựu quan trọng cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, v.v.. Nhìn chung cả thế và lực của cách mạng nước ta vẫn không ngừng được củng cố và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế vẫn được nâng cao, ổn định chính trị và an ninh quốc phòng vẫn được giữ vững. Mặc dù đã phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức của thiên tai, của tác động khủng hoảng tiền tệ trong khu vực và của cả những nhược điểm và thiếu sót chủ quan v.v. dẫn đến giảm nhịp độ tăng trưởng về kinh tế. Những thành tựu và bài học của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII (19952000) cũng như những thành tựu và bài học của 15 năm đổi mới kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI, lần thứ VII đến Đại hội lần thứ VIII, đang được Đảng ta tổng kết một cách đầy đủ và toàn diện để chuẩn bị cho Đại hội IX khi đất nước bước vào thiên niên kỷ mới.

**Câu 8 : Kiên định mục tiêu con đường XHCN?**

Kiên định con đường CNXH là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn của đảng ta: 1. Vì sao lại xác định như vậy:

- Tiến lên CNXH là phù hợp với quy luật vận động và phát triển của XH loài người . Chủ nghĩa mac- lênin chỉ rõ “sự vận động của các hình thái KTXH bắt nguồn từ các sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất” (con người ở công xã nguyên thuỷ, xã hội loài người đã phát triển qua 5 hình thái kinh tế)

- Sự phát triển lên CNXH là phù hợp với xu thế chung của thời đại . Người ta nhận thấy cứ 10% giàu là 90% người nghèo làm cho 10% người giàu càng giàu thêm , 10% ấy không chỉ bóc lột trên lưng người khác mà còn bóc lột trên lưng dân tộc khác , bản chất của XH tư bản là bản chất bóc lột . CNXH đã chứng minh rằng sự phân biệt ấy là không đáng kể do vậy xu hướng đi lên CNXH là tất yếu.

- CNXH vẫn đại diện cho tiến bộ nhân loại mặc dù hơn 70 năm qua CNXH đã phải trải qua rất nhiều khó khăn. Trong lúc các nước CNXH đang gặp khủng hoảng và các thế lực thù địch bao vây, phá hoại thì ta đã nhận thấy: ta lựa chọn CNXH trong khi có hệ thống XHCN hay kể cả khi hệ thống CNXH sụp đổ ta vẫn lựa chọn. Điều này chứng tỏ lập trường của ta ngay khi CNXH gặp khủng hoảng ta vẫn kiên định đi theo CNXH. Vì thế mà ta giải phóng được dân tộc ta đi lên CNXH và được XH, ngay cương lĩnh chính trị đầu tiên, ngay từ đầu cho tới khi thành công trong cách mạng đến khi thành công trong việc giải phóng dân tộc .Có miền bắc XHCN mới tạo ra của cải vật chất để chi viện cho miền nam giải phóng hoàn toàn thống nhất đất nước. Miền nam cũng nhìn miền bắc XHCN để có nỗ lực, niềm tin, sức mạnh đi lên CNXH. Hơn nữa thế kỷ qua chúng ta chống chủ nghĩa đế quốc hay thực chất chúng ta chống CNTB nói chung. Điều này đưa đến quyết định lựa chọn duy nhất đúng của lịch sử.

- Thực tế của lịch sử dân tộc không có tính tất yếu nào để chúng ta xây dựng CNTB. Mặc dù sau năm 75 ta có nhiều sai lầm nhưng Đ ta đã nhận ra và kiên định đi theo con đường CNXH đã chọn . Thực tế sự lựa chọn lên CNXH là sự lựa chọn duy nhất đúng.

**Câu 9: Kinh tế hàng hoá nhiều thành phần?**

Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước. Vì sao phải phá triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ?

Xuất phát từ lí luận của CN mác lênin : “đặc chưng của thời kì quá độ là còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế”. “Trong thời kì quá độ và cộng sản phải biết cách làm giàu của tư bản” nhưng phải cạnh tranh lành mạnh. Từ sự tồn tại kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu đan xen trong thời kì quá độ. Ta phải tạo ra các quan hệ sản xuất tương ứng với nó cho nó tồn tại và phát triển (do đó phải tồn tại nhiều hình thức kinh tế đan xen nhau). Các quan hệ khác nhau để phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất khác nhau của các thành phần kinh tế. Phát triển nhiều thành phần kinh tế để tạo ra môi trường thuận lợi cho các lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế tự giải phóng mình, tự tạo cho mình chỗ đứng. Từ thực tế trước đại hội VI Đ chưa nhận thức đúng quy luật này, chưa nhận rõ đặc trưng của thời kì quá độ là còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế . Nên ta đã đốt cháy giai đoạn , xoá hết các thành phần kinh tế, và đưa ra khẩu hiệu tiến nhanh tiến tới CNXH , chỉ để lại 2 thành phần kinh tế làm cho đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn: quan hệ sản xuất không phù hợp với lực lượng sản xuất vốn có của nó dẫn đến tự nó kìm hãm , bó hẹp lại ko phát huy đc sức mạnh và trí tụe của lực lượng SX . Làm cho SX hàng hoá không có năng suất dẫn đến thua lỗ, sản phẩm khan hiếm không đủ để dùng.

- Trong khi đó tư sản trong Miền Nam đưa hàng hoá tràn ngập thị trường trước khi ta đánh tư sản , nhưng khi đánh xong thì thị trường xơ xác, không có mặt hàng mua bán. Các nước XHCN trước đây họ cũng để tồn tại nhiều thành phần kinh tế Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là đúng với lí luận và thực tiễn. Vì sao phải địng hướng XHCN?

- Các thành phần kinh tế cũng chính là các kiểu tổ chức kinh tế , các kiểu QHSX nó gắn liền với hình thức sở hữu khác nhau , nhiều QHSX khác nhau có nhiều hình thức dối lập nhau nhưng nó lại còn tồn tại trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất . Nó thống nhất ở một mức nhất định, chung nhau về lợi ích nhưng không cùng nhau về bản chất. Tương ứng với sự không đồng nhất về bản chất ấy là nhiều quy luật kinh tế tác động khác nhauvà chừng nào còn thành phần kinh tế tư nhân thì vẫn còn quan hệ người bóc lột người.

- Quy luật chạy theo lợi nhuận là đối lập với lợi ích cơ bản của nhân dân lao động, còn tồn tại kinh tế hàng hoá là còn cạnh tranh, còn phân hoá thu nhập và còn cơ sở để phát triển TBCN.

- Quy luật cạnh tranh dẫn đến nguy cơ của sự phát triển CNTB . Do đó phải định hướng XHCN đặc biệt là các thành phần phi công hữu. Nhà nước định hướng bằng luật : “phát triển tự do nhưng tự do trong khuôn khổ”

**Câu 12: các hình thức phân phối ở nước ta? Hình thức nào là chủ yếu nhất.**

Có nhiều hình thức phân phối:

-Phân phối theo kết quả lao động là hình thức phân phối dựa trên chế độ sở hữu công hữu về tư liệu sản xuất.

-Phân phối theo hiệu quả kinh tế.

-Phân phối theo phúc lợi xã hội

-Phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

Trong đó phân phối theo kết quả lao động là chủ yếu nhất vì mục tiêu của phát triển kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta là nhằm thực hiện” dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”, nâng cao đời sống nhân dân, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công băng xã hội mà phân phối theo kết quả lao động là đảm bảo công bằng nhất, tạo động lực cho người lao động.

**CHƯƠNG 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**Câu 1: Anh chị hãy làm rõ: quan điểm, chủ trương xây dựng & phát triển văn hóa VN thời kì đổi mới & ý nghĩa thực tiễn của những nội dung này đối với sự nghiệp xây dựng & phát triển văn hóa VN những năm qua?**

**a) Các quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng và phát triển văn hoá**

Một là, văn hoá là nền tảng tinh thần của XH, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế XH

-Văn hoá là nền tảng tinh thần của XH.

Văn hoá được tạo thành bởi một hệ các giá trị tạo nên bản sắc của mỗi dân tộc, các giá trị này thấm nhuần trong mỗi con người và cả cộng đồng, được tiếp nối qua các thế hệ, được vật chất hoá bền vững trong cấu trúc kinh tế XH. Nó tác động hàng ngày đến cuộc sống vật chất tinh thần của mọi thành viên bằng môi trường văn hoá XH. Vì vậy chúng ta phải làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống XH, đó là con đường để các giá trị văn hoá trở thành nền tảng tinh thần bền vững của XH trở thành động lực phát triển kinh tế XH

-Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển

Văn hoá là kết quả của sự sáng tạo con người thể hiện tiềm năng sáng tạo của dân tộc .Vì vậy nó là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của dân tộc đó. Kinh nghiệm đổi mới thành công đã chứng minh luận

điểm trên. Trong nền kinh tế tri thức, hàm lượng văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống càng cao bao nhiêu thì khả năng phát triển KT-XH càng hiện thực và bền vững bấy nhiêu.

Văn hoá đóng vai trò động lực và điều tiết trong kinh tế thị trường. Văn hóa VN đương đại sẽ là một tiền đề quan trọng đưa nước ta hội nhập sâu hơn và toàn diện hơn vào nền KT thế giới. Văn hóa cổ vũ, hướng dẫn cho một lối sống hài hòa và chừng mực với hành tinh của chúng ta, vì sự phát triển bền vững cho thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau.

-Văn hoá là một mục tiêu của phát triển

Mục tiêu của văn hóa chính là: “dân giàu nước mạnh, XH công bằng dân chủ văn minh”. Chiến lược phát triển KT-XH 1991-2000 xác định: mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Đó là chiến lược phát triển bền vững. Trong thực tế nhận thức và hành động, mục tiêu KT vẫn thường lấn át mục tiêu XH. Văn hoá vẫn thường bị xem là đứng ngoài kinh tế. Hệ qủa là KT có thể tăng trưởng nhưng văn hoá bị suy giảm. Chúng ta phải chủ trương phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển KT-XH, khai thác tiềm năng kinh tế của văn hoá.

- Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng XH mới.

Tài nguyên thiên nhiên đều có hạn, chỉ có tri trức con người mới là vô hạn. Quốc gia nào đạt thành tựu giáo dục cao, có vốn trí tuệ toàn dân nhiều thì quốc gia đó vó khả năng tăng trưởng dồi dào. Văn hóa trực tiếp tạo dựng và nâng cao vốn “tài nguyên người”

Hai là, nền văn hoá mà ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

-Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ với nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong phương tiện chuyển tải nội dung.

-Bản sắc dân tộc bao gồm cả những giá trị văn hoá truyền thống bền vững của dân tộc VN; bản sắc dân tộc thể hiện sức sống bên trong của dân tộc, đậm nét trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống. Bản sắc dân tộc cũng phát triển theo thể chế kinh tế, xã hội và chính trị của quốc gia, theo quá trình hội nhập, giao lưu, tiếp nhận văn minh nhân loại.

Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta chủ trương vừa bảo vệ bản sắc dân tộc, vừa mở rộng giao lưu, tiếp thu văn hóa nhân loại; xây dựng VN thành một địa chỉ giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế.

Ba là, nền văn hoá VN là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc VN.

Mỗi thành phần dân tộc có truyền thống và bản sắc của mình, nhưng cả cộng đồng các dân tộc VN có nền văn hoá chung thống nhất.Thống nhất cả bao hàm tính đa dạng, đa dạng trong sự thống nhất, không có sự đồng hóa hoặc thôn tính, kỳ thị bản sắc văn hóa các dân tộc. Bảo vệ bản sắc dân tộc, chống lạc hậu lỗi thời, mở rộng giao lưu tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại là nhiệm vụ của chúng ta.

Bốn là, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân, do đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ tri thức giữ vai trò quan trọng.

CM là sự nghiệp của quần chúng thì xây dựng văn hoá là công việc do mọi người cùng thực hiện. Làm cho văn hoá thẩm thấu trong mọi lĩnh vực của đời sống XH, thực hành văn hoá là hoạt động hàng ngày của mỗi người dân. Đội ngũ tri thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp này.

Năm là, giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu

Hội nghị TW2, khoá VIII (tháng 12-1996) Đảng ta đã xác định: cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. Thực hiện quốc sách này, chúng ta chủ trương: nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chuyển dần sang mô hình giáo dục mở, đổi mới mạnh mẽ hệ thống giáo dục, nâng cao trình độ giáo viên, thực hiện XH hóa giáo dục, tăng cường hợp tác quốc tế, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

Sáu là, văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng

Văn hoá là một mặt trận của cách mạng VN, quan trọng và gian khổ không kém mặt trận kinh tế, mặt trận chính trị. Hoạt động xây và chống trong văn hoá là quá trình cách mạng lâu dài khó khăn phức tạp và cần có ý chí cách mạng có tính chiến đấu tính kiên trì thận trọng, đòi hỏi nhiều thơi gian.

**b) Ý nghĩa thực tiễn**

Trong những năm qua, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nền văn hóa mới đã bước đầu được tạo dựng; quá trình đổi mới tư duy, xây dựng con người phát triển rõ rết; hợp tác quốc tế về văn hóa được mở rộng. Giáo dục đào tạo có bước phát triển mới. Quy mô giáo dục mở rộng, chất lượng có chuyển biến. Dân trí tiếp tục được nâng cao. Khoa học và công nghệ phát triển hơn, phục vụ thiết thực hơn cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước. Những thành tựu thực tiễn chứng tỏ đường lối, chính sách văn hóa của Đảng và nhà nước đã và đang phát huy tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển đời sống văn hóa. Những thành tựu này cũng là kết quả của sự tham gia tích cực của nhân dân và những nỗ lực rất lớn của các lực lượng hoạt động trên lĩnh vực văn hóa.

**Câu 2: Anh chị hãy làm rõ: Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về nhận thức và giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới và Ý nghĩa thực tiễn của nó.**

** Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề XH**

- Tại ĐH VI, lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề XH lên tầm chính sách XH, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách XH đối với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. ĐH cho rằng, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách XH nhưng những mục tiêu XH lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách XH có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm…Do đó, cần có chính sách XH cơ bản, lâu dài, phù hợp với yêu cầu và khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

- Mục tiêu của chính sách XH thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế ở chỗ đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách XH, đồng thời thực hiện tốt các chính sách XH là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- ĐH VIII của Đảng chủ trương , hệ thống chính sách XH phải được hoạch định theo những quan điểm sau đây:

+ Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng XH ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng XH phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất cũng như ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

+ Thực hiện nhiều hình thức phân phối.

+ Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.

+ Các vấn đề chính sách XH đều giải quyết theo tinh thần XH hóa.

- ĐH IX của Đảng chủ trương, các chính sách XH phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hóa XH, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động XH, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ XH, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

- ĐH X của Đảng chủ trương, phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH trong phạm vi cà nước, ở từng lĩnh vực, địa phương. -Trong điều kiện VN gia nhập WTO, hội nhập sâu rộng hơn vào hệ thống kinh tế quốc tế, Hội nghị Trung Ương 4 khóa X ( tháng 1/2007 ) nhấn mạnh: phải giải quyết tốt các vấn đề XH nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO. Xây dựng cơ chế đánh giá vá cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực XH để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.  Quan điểm về giải quyết các vấn đề XH. Một: Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH.

- Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực Xh có liên quan trực tiếp.

- Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến các tác động và hậu quả XH có thể xảy ra để chủ động xử lý.

- Phải tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách XH.

- Sự kết hợp giữa 2 loại mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị kinh tế cơ sở. Hai: Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng XH trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Trong từng bước và từng chính sách phát triển ( của chính phủ hay của ngành, của Trung ương hay của địa phương ), cần đặt rõ và xử lý hợp lý việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng XH.

- Nhiệm vụ “gắn kết” này không dừng lại như 1 khẩu hiệu, 1 lời khuyến nghị, mà phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thi hành.

- Các cơ quan,các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia phải thấu triệt quan điểm phát triển bền vững, phát triển “sạch”, phát triển hài hòa, không chạy theo số lượng, tăng trưởng bằng mọi giá. Ba: chính sách XH được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. - Chính sách XH có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, cũng như không thể dựa vào viện trợ như thời như thời bao cấp.

- Trong chính sách XH, phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đó là một yêu cầu của công bằng XH và tiến bộ XH, xóa bỏ bao cấp, cào bằng, chấm dứt cơ chế xin – cho trong chính sách XH. Bốn: coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực XH. Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì 1 xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng.

** Chủ trương giải quyết các vấn đề XH.**

Một : khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo. - Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển.

- Tạo động lực làm giàu trong đông đảo dân cư bằng tài năng, sáng tạo của bản thân, trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức cho phép.

- Xây dựng và thực hiện có kết quả cao chương trình xóa đói giảm nghèo, đề phòng tái đói, tái nghèo, nâng cao dần chuẩn đói nghèo khi mức sống chung tăng lên.

Hai: bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Xây dựng hệ thống an sinh XH đa dạng, phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm.

- Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ XH, tạo nhiều việc làm ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

- Thực hiện chính sách ưu đãi XH.

- Đổi mới chính sách tiền lương, phân phối chính sách XH công bằng, hợp lý.

Ba: phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả. Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách, phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập.

Bốn: xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản. Giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

- Đẩy mạnh công tác bảo vệ giống nòi, kiên trì phòng chống HIV / AIDS và các tệ nạn XH. Năm: thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bảo đảm bình đẳng giới, chống nạn bạo hành trong quan hệ gia đình. Sáu: chú trọng các chính sách ưu đãi XH. Bảy: đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

** Đánh giá sự thực hiện đường lối.**

- Sau hơn 20 năm đổi mới chính sách XH, nhận thức về vấn đề phát triển XH của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi có ý nghĩa bước ngoặt quan trọng sau đây:

+ Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực XH của tất cả các tầng lớp dân cư .

+ Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích hợp pháp của tập thể 1 cách chung chung, trừu tượng, thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân, cào bằng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi XH.Nhờ vậy, công bằng XH được thực hiện ngày 1 rõ hơn.

+ Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách XH trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách XH. + Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

+ Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu nghèo đã khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, coi việc có 1 bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.

+ Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng 1 cơ cấu XH “ thuần nhất” chỉ còn có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng 1 cộng đồng XH đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lóp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước VN giàu mạnh.

- Qua hơn 20 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển XH đã đạt nhiều thành tựu.Tính năng động XH khác hẳn thời bao cấp.Một XH mở đang dần dần hình thành với những con người không chờ bao cấp, dám nghĩ dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì Tổ quốc. Cách thức quản lý XH dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.

- Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đã xuất hiện ngày càng đông đảo các doanh nhân, tiểu chủ, chủ trang trại và các nhóm XH khác phấn đấu vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh”. Thành tựu xóa đói giảm nghèo được nhân dân đồng tình, được quốc tế thừa nhận.

- Đã coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với Khoa học và Công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển XH, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Có cố gắng thực hiện công bằng XH trong giáo dục, trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

**26. Chủ trương nâng “vấn đề xã hội” lên thành “chính sách xã hội” trong nghị quyết nào của đảng. ý nghĩa thực tiễn của chủ trương đó.**

\*Trả lời:

- Đại hội VI (12-1986) đã có nhận thức mới về vấn đề xã hội.

+ Coi vấn đề xã hội là hết sức quan trọng do đó đã nâng vấn đề lên tầm chính sách xã hội.

+ Thấy rõ mối quan hệ và tác động to lớn của chính sách xã hội đối với kinh tế, chính trị và ngược lại.

+ Xác định rõ mục tiêu của chính sách xã hội và chính sách kinh tế là thống nhất: Tất cả vì con người, phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ý nghĩa thực tiễn tự trả lời

**Câu 3: – Hai vấn đề cấp bách về văn hóa mà Đảng ta phải giải quyết sau khi giành chính quyền 1945**

Sau cách mạng tháng 8 - 1945, xây dựng và phát triển văn hoá là một nội dung lớn trong chương trình hành động của Chính phủ mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Hai trong 6 nhiệm vụ cấp bách cần phải tập trung giải quyết lúc này thuộc về lĩnh vực văn hoá đó là:

+ Diệt giặc dốt: chính sách ngu dân triệt để của thực dân Pháp đã làm 95% dân số Việt Nam mù chữ. Vì vậy phải tiến hành diệt giặc dốt, nâng cao dân trí.

+ Giáo dục lại tinh thần nhân dân: bởi vì chế độ thực dân đã hủ hoá dân tộc ta, gieo rắc thói hư tật xấu. Do đó phải giáo dục lại nhân dân để xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Như vậy nhiệm vụ đầu tiên về xây dựng văn hoá của nước Việt Nam độc lập - tự do là: chống nạn mù chữ và giáo dục những điều tốt đẹp cho nhân dân. Hai vấn đề này vẫn còn có giá trị thực tiễn to lớn đối với dân tộc Việt Nam và thế giới hiện nay.

**Câu 4: Tác động của chính sách thống trị thuộc địa của thực dân Pháp đối với sự biến đổi xã hội, giai cấp và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?**

1. Chính sách thống trị thuộc địa của Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX Sau khi cơ bản kết thúc giai đoạn xâm lược vũ trang, thực dân Pháp đã thi hành chính sách thống trị nô dịch và bóc lột rất tàn bạo đối với dân tộc ta.

- Về chính trị: Thi hành chế độ chuyên chế, trực tiếp nắm mọi quyền hành; "chia để trị", thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp và khủng bố.

-Về kinh tế: Tiến hành các chính sách khai thác để cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của tư bản Pháp; độc quyền về kinh tế để dễ bề vơ vét; độc quyền quan thuế và phát hành giấy bạc; duy trì hình thức bóc lột phong kiến; kìm hãm nền kinh tế Việt Nam trong vòng lạc hậu; làm cho kinh tế nước ta phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

- Về văn hoá xã hội: Thi hành chính sách ngu dân, nô dịch, gây tâm lý tự ti vong bản, đầu độc nhân dân bằng thuốc phiện và rượu cồn, hủ hoá thanh niên bằng tiệm nhảy, sòng bạc, khuyến khích mê tín dị đoan, ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hoá tiến bộ thế giới vào Việt Nam...

2. Tác động của chính sách thống trị thuộc địa đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

- Việt Nam đã biến đổi từ một xã hội phong kiến thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mất hẳn quyền độc lập, phụ thuộc vào nước Pháp về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá.

- Các giai cấp xã hội bị biến đổi

: + Giai cấp phong kiên địa chủ đầu hàng đế quốc, dựa vào chúng để áp bức, bóc lột nhân dân.

+ Giai cấp nông dân bị bần cùng hoá và phân hoá sâu sắc.

+ Các giai cấp mới xuất hiện như: giai cấp tư sản (tư sản dân tộc và tư sản mại bản); giai cấp công nhân ra đời và trưởng thành; giai cấp tiểu tư sản ngày càng đông đảo.

- Xã hội Việt Nam có hai mâu thuẫn cơ bản:

+ Một là: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và bọn tay sai.

+ Hai là: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam, chủ yếu là giai cấp nông dân, với giai cấp địa chủ phong kiến. Hai mâu thuẫn đó gắn chặt với nhau, trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với chủ nghĩa đế quốc Pháp và tay sai phản động là mâu thuẫn chủ yếu. Mâu thuẫn đó ngày càng trở nên sâu sắc và gay gắt. Giải quyết các mâu thuẫn đó để mở đường cho đất nước phát triển là yêu cầu cơ bản và bức thiết của cách mạng nước ta lúc bấy giờ.

**Câu 5: Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"?**

**1. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng:**

- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội do nhân dân làm chủ.

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Quan niệm trên đây về chủ nghĩa xã hội được nêu trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", vừa thể hiện những đặc trưng cơ bản có tính chất phổ biến, vừa thể hiện những nét đặc thù của Việt Nam. Khi kết thúc thời kỳ quá độ, các đặc trưng này đã hình thành nhưng chưa hoàn chỉnh, trong chủ nghĩa xã hội sẽ được hoàn thiện ngày càng đầy đủ hơn.

**2. Phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"**

- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân

dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

- Phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho thế giới quan Mác

- Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức đạo đức thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách hoà bình, hợp tác phát triển và hữu nghị với tất cả các nước. Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả lực lượng đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản có sứ mệnh lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, có cội nguồn lịch sử sâu xa và lôgíc tất yếu của quá trình vận động cách mạng Việt Nam từ năm 1930. Phản đối chủ trương đòi "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập". Vấn đề cốt yếu là xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch ngang tầm với nhiệm vụ mới, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các phương hướng cơ bản nói trên vừa mang tính nguyên tắc, bảo đảm không chệch hướng xã hội chủ nghĩa, vừa quán triệt tinh thần đổi mới, không lặp lại những sai lầm cũ. Đây là những giải pháp cơ bản bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

**CHƯƠNG 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**

**Câu 1: Hãy làm rõ: đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kì đổi mới và ý nghĩa cã đường lối này đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?**

**1. Hoàn cảnh lịch sử:**

** Thế giới:**

Từ giữa thập kỉ 80, cuộc cách mạng khoa học- công nghệ phát triển một cách kì diệu, tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống các dân tộc. Các nước XHCN rơi vào khủng hoảng đi vào cải tổ, cải cách, đổi mới dẫn tới sự sụp đổ của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô, 2 thế cực bị phá vỡ, mở ra sự hình thành một trật tự thế giới mới. Xu thế chạy đua, phát triển kinh tế đã đổi mới tư duy đối ngoại là phải đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, tăng cường liên kết, hợp tác để cùng nhau phát triển. Các nước đổi mới quan niệm sức mạnh và vị thế quốc gia, từ cách đánh giá dựa vào sức mạnh quân sự sang các tiêu chí tổng hợp, trong đó, sức mạnh kinh tế - khoa học – công nghệ được đặt ở vị trí quan hệ hàng đầu. Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế thế giới phát triển, lan tỏa, hính thành xu hướng vừa hợp tác, vừa đấu tranh cùng tồn tại hoà bình. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ thập kỉ 80 là khu vực phát triển kinh tế năng động song cũng là khu vực tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định.

** Trong nước**:

Sự bao vây. Chống phá của thế lực thù địch từ nửa cuối thập kỉ 70 tạo nên tình trạng căng thẳng, khó khăn, cản trở cho sự phát triển của Việt Nam. Hậu quả cảu những sai lầm của Đảngvà nhà nước mắc phải làm cho nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế, xã hội. Đó là thách thức rất lớn. Tóm lại, trên đây là tình hình trong nước, khu vực và thế giới, là căn cứ để Đảng đề ra đề ra và thực hiện đường lối chính sách đối ngoại trong thời kì đổi mới.

**2. Quá trình hình thành và phát triển đường lối đối ngoại:**

** Đại hội VI ( 12 – 1986)**:

Nhận định: “Xu thế mở rộng, phân công và hợp tác giữa cá nước, kể cả nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xay9 dựng CNXH ở nước ta”. Đại hội nêu chủ trương: Phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Mở rộng hợp với các nước ngoài hệ thong61XHCN. Tranh thủ mở quan hệ với các nước công nghiệp, các tổ chức kinh tế thế giới và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc: Bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nghị quyết, đại hội 12-1987, luật đầu tư nước ngoài được ban hành. Dây là lần đầu tiên nhà nước ta tạo cơ sở pháp lí cho các hoạt động đầu tư nước ngoài trực tiếp vào Việt Nam => mở cửa để thu hút vốn, thiết bị, kinh nghiệm của các nước phát triển cho xây dựng đất nước. Tháng 5 -1988, bộ chính trị ra nghị quyết 13 về: “Nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới”, chỉ rõ: + Lợi ích cao nhất của Đãng và nhân dân ta là: cũng cố và giữ vững hòa bình để tập trung phát triển kinh tế.

+ Kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đối thoại và hợp tác cùng tồn tại hòa bình.

+ Lợi dụng cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cấu hóa để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong phân công lao động quốc tế.

+ Mở rộng và đa dạng quan hệ hợp tác quốc tế.

+Xóa bò độc quyền sản xuất và xuất nhập khẩu.

**Ý nghĩa nghị quyết 13 của bộ chính trị:**

+ Về đường lối đối ngoại:Đánh dấu sự chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng và đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

+ Vế kinh tế đối ngoại: Đảng đã chủ trương xóa bỏ tình trạng độc quyền mang tính chất cửa quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu. Đây là bước thay đổi đầu tiên và rất quan trọng về kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

** Đại hội VII ( 6-1991)**

Chủ trương: “hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi với các nước, không phân biệt chế độ chình trị xã hội khác nhau trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”. Phương châm: “VN muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

Chính sách:

+ Đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả trên tinh thần bình đẳng với Lào, Campuchia.

+Thúc đẩy bình thường hóa và từng bước mở rộng hợp tác Việt Trung.

+ Đẩy mạnh quan hệ với các nước trong khu vực, phấn đấu cho một Đông Nam A hòa bình, hợp tác phát triển.

+ Với Mỹ, đại hội nhấn mạnh thúc đẩy quá trình bình thường hóa Việt Nam – Hoa Kỳ.

**Hội nghị trung ương 3 (6-1962) nhấn mạnh yêu cầu:**

Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế trên nguyên tắc: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi. Mở rộng của để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lí của nước ngoài, tiếp xận thị trường thế giới. Đảm bảo an ninh quốc gia, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa.  Đại hội VIII (6-1996)

Chủ trương:

+ Tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế thế giới.

+Mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền và các Đảng khác.

+ Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân.

+ Thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài. Chính sách:

+ Ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, các nước trong tổ chức ASEAN.

+ Không ngừng củng cố quan hệ với các nước và bạn bè truyền thống.

+ Coi trọng quan hệ với các nước phát triển, các trung tâm kinh tế, chính trị thế giới.

+ Tham gia toch1 cực và đóng góp hoạt động cho các tổ chức, các diễn đàn quốc tế. HNTW 4 (12-1997) chỉ rõ: khẩn trương việc đàm phán hợp đồng thương mại với Mỹ, gia nhập APEC, WTO.

** Đại hội IX (4-2001)**

Quan điểm: xây dựng nền kinh tế độ lập, tự chủ, trước hết về đường lối, đồng thời phải có tiềm lực kinh tế đủ mạnh.

Chủ trương: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguốn lực tổng hợp để phát triển đất nước. Phương châm: “ VN sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển”. Sau đại hội, HNTW 9 (1-2004) nhấn mạnh yêu cầu: +Chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập WTO.

+ Kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện vì lợi ích cục bộ kìm hãm hội nhập kinh tế quốc tế.  Đại hội X (4-2006) chỉ rõ: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. Thực hiện chính sách đối ngoại, mở rộng đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

** Tóm lại:**

Đại hội Vi đề ra đường lối đối ngoại rộng mở, được hội nghị VII va NQT3, khóa VII phát triển thành: Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế với phương châm “sẵn sàng là bạn với các nước”. Đại hội VIII, IX, X, Đảng ta bổ sung, hoàn chỉnh theo phương châm: “Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, đánh dấu bước phát triển vế chất, tiến trình đề ra và thực hiện đường lối đối ngoại của Việt Nam thời kì đổi mới. Với đường lối trên đã mở ra một trang sử mới trong quan hệ đối ngoại và hợp tác kinh tế của Việt Nam thời kì mới.

**3. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế:  Cơ hội và thách thức:**

** Cơ hội:**

+Thứ nhất, khi hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam có cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm do tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn và vị thế thị trường ngang nhau với tất cả các quốc gia đó. Hàng hóa thâm nhập thị trường khổng lồ này không gặp bất cứ trở ngại nào, miễn là không vi phạm những quy chế và cam kết đã ký.

+Thứ 2, Việt Nam được đối xử tối huệ quốc vô điều kiện. Thuế nhập khẩu vào các nước thành viên sẽ giảm đáng kể. Được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập vì là nước đang phát triển.

+Thứ 3, hội nhập, Việt Nam sẽ tiếp cận và tiếp nhận được nguồn nhân lực, vật lực lớn từ những nước phát triển.

+Điểm thứ 4, cũng rất quan trọng là Việt Nam bình đẳng với các quốc gia thành viên của các tổ chức quốc tế, Việt Nam sẽ nâng cao vị thế trong các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt trong việc giải quyết những tranh chấp trong kinh doanh thương mại quốc tế. +Thứ 5, khi Việt Nam mở cửa hội nhập, hàng hóa các nước sẽ thâm nhập thị trường Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành nâng cao sức cạnh tranh nhằm tồn tại và phát triển. Điều này, người tiêu dùng trong nước được hưởng lợi nhiều hơn.

+Ngoài ra, Việt Nam còn có cơ hội hoàn thiện các chính sách kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước hoàn thiện hoạt động, tuân thủ quy chế của các tổ chức trong khu vực và thế giới với tiêu chí tự do hóa thương mại, kiên quyết xóa bỏ những rào cản bất hợp lý trong thương mại quốc tế, góp phần làm trong sạch bộ máy Nhà nước, nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách kinh tế của Chính phủ, tạo được hệ thống chính sách minh bạch làm cơ sở thu hút đầu tư nước ngoài. Thách thức:

+Phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, trong khi đó, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ta chưa cao. Doanh nghiệp yếu về tiềm lực kinh tế cũng như thương hiệu không có khả năng cạnh tranh sẽ bị đào thải khỏi thị trường. Hậu quả là số lao động thất nghiệp tăng cao, một gánh nặng cho xã hội và Chính phủ.

+Thách thức lớn thứ 2 là Việt Nam phải thực hiện hàng loạt những cam kết, những thỏa thuận đã ký trong những hiệp định thương mại song phương, đa phương, trong khi đó, hệ thống chính sách kinh tế của ta đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đồng bộ.

** Mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại**

Giữ vững mội trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo thêm nguồn lực từ bên ngoài để đẩy mạnh CNH- HĐH đất nước. Thu hút khoa học công nghệ và nhân tài, phát triển nền kinh tế tri thức, thực hiện dân giàu nước mạnh. Phat1huy vai trò, sức mạnh và nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ ở khu vực và quốc tế. Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

** Tư tưởng chỉ đạo:**

Bảo đảm tối đa lợi ích dân tộc chân chính, đồng thơi thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của mình. Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh, đấu tranh để hợp tác. Tránh đối đầu trực diện. tránh bị đẩy vào thế cô lập. Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ, không phân biệt về chế độchính trị xã hội. Coi trọng hợp tác khu vực, chủ động tham gia các tổ chức đa phương trên thế giới. Kết hợp đối ngoại của Đảng, nhà nước và đối ngoại nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trpng quá trình hội nhập quốc tế. Phát huy tối đa nội lực, đi đôi với thu hút và sử dụng hiệu quả các nguốn lực bên ngoài, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, chính sách cho phù hợp vời gia nhập WTO và giữ vững định hướng XHCN. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò quản lí nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Tăng cường sức mạnh khối đoàn kết dân tộc trong tiến trình hội nhập.

** Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đố ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế:**

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp. Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, thể chế kinh tế phù hợp với quy định của WTO. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lí của nhà nước. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Giải quyết tố các vấn đề văn hóa xã hội trong quá trình hội nhập. Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lí nhà nước đối với hợp đồng đối ngoại. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, văn hóa đối ngoại để thế giới hiểu đất nước, con người Việt Nam và công cuộc đổi mới của ta.

** Thành tựu và ý nghĩa:**

+ Một là, phá vỡ thế bị bao vây. Cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 23-10-1991, ta kí hiệp định Paris về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Cam pu chia, mở ra tiền đề để Việt nam thúc đẩy quan hệ với khu vực và cộng đồng quốc tế. 10-11-1991, ta bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc theo phương châm 4 tốt bạn đề ra: “Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, hợp tác tốt”. Tháng 12-1992, chính phủ Nhật quyết định nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam. 3-2-1994, Mỹ tuyên bố bỏ cấm vận kinh tế chống Việt Nam. 11-7-1995, bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ. 28-7-1995, Việt Nam gia nhập ASEAN, đánh đấu sự hội nhập của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

+ Hai là:giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo vơi các nước liên quan. Thu hẹp tranh chấp vùng biển giũa ta và các nước ASEAN. Đàm phán thành công với Malaysia về “Gác tranh chấp, cùng khai thác” ở vùng biển chồng lấn giũa ta và họ. Ký vời Trung Quốc hiệp ước về phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân Vịnh Bắc Bộ, hiệp định nghề cá. Cơ bản hoàn thành cắm mốc biên giới đất liền, tạo sự ổn định và quan hệ tốt nhân dân biên giới đất liền.

+ Ba là: Mở rộng quan hệ theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa. Lần đầu tiên Việt Nam có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn trên thế giới và tất cả các nước đều coi trọng vai trò của Việt Nam ở Đông Nam Á. 1995, kí hiệp dịnh khung về hợp tác với EU. 1999, kí với Trung Quốc quan hệ 16 chữ vàng “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” 2001, tuyên bố quan hệ đối tác chiến lược với Nga. 13-7-2001, kí hợp đồng thương mại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ. 2002, Ta kí “Khung khổ quan hệ đối tác tin cậy và ổn định lsu6 dài với Nhật Bản. 10-2007, đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực và làm chủ tịch hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008-2009.

+Bốn là:tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế. 1993, Việt Nam khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như: Ngân hàng thế giới (WB), ngân hàng phát triển Châu Á (ADB). Cuối 1995, VN tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). 3-1996, tham gia diễn đán hợp tác Á Âu (ASEM) với tư cách là thành viên sáng lập. 11-1998, gia nhập tổ chức hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC). Năm 2006, ta tổ chức rất thành công hội nghị APEC ở Hà Nội.

+Năm là: thu hút đàu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học, công nghệ và kĩ năng quản lí. Đến nay, nước ta đã tạo dựng được quan hệ kinh tế thương mại với hơn 180 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 74 nước áp dụng quy chế Tối huệ quốc. Thiết lập và kí hợp đồng thương mại hai chiều với gần 90 nước và vùng lãnh thổ. ( 1986, Kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 789 triệu USD, 2008 đạt 48 tỷ USD, xuất khẩu sang Mỹ năm 2001 là 1.4 tỷ USD, 2009 là 15 tỷ USD. Thu hút khối lượng lớn đầu tư nước ngoài ( năm 2003, đạt 20.3 tỷ USD. Riêng Mỹ, năm 2009 trở thành quốc gia có vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam: 9.8 tỷ USD.) Hội nhập kinh tế đã tạo điều kiện để ta tiếp cận những thành tựu của cuộc Cách mạng khoa học.

+Sáu là: Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh. Trong qua1trinh2 hội nhập, nhiều doanh nghiệp đa đổi mới công nghệ, quản lí, nâng cao năng suất chất lượng sản xuất kinh doanh, không ngừng vươn lên trong cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Tư duy làm ăn mới, lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo và đội ngũ các nhà doanh nghiệp năng động, sáng tạo, có kiến thức quản lí mới đang hình thành.

**Câu 2: Văn kiện nào của Đảng đánh dấu bước chuyển biến trong đường lối đối ngoại sang đa phương hóa đa dạng hóa quan hệ quốc tế?**

NQ 13 của bộ chính trị (5/1988). Nội dung của nghị quyết

+ Mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là củng cố và giữ vững hoà bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế.

+ Chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ đối đầu sang đấu tranh hợp tác và cùng tồn tại hoà bình.

+ Tận dụng sự phát triển của khoa học kĩ thuật và toàn cầu hoá để tranh thủ vị trí có lợi cho đất nước trong phân công lao động quốc tế

+ Kiên quyết mở rộng hợp tác quốc tế, ra sức đa dạng hoá quan hệ đối ngoại

=> Như vậy: nghị quyết 13 đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế, quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá

Muốn xây dựng, muốn trả lời được về ***Trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay*** là như thế nào? Thì trước tiên đối với công cuộc xây dựng tổ quốc thanh niên cần phải:

– Chăm chỉ, sáng tạo, học tập, lao động; có mục đích, động cơ học tập đúng đắn, học tập để mai sau xây dựng đất nước, hiểu học tập tốt là yêu nước.

– Quan tâm đến đời sống chính trị- xã hội của địa phương, đất nước, đồng thời Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đồng thời vận động mọi người xung quanh cùng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

– Tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong; lối sống trong sáng, lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội; biết đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, thực dụng, xa rời các giá trị văn hoá- đạo đức truyền thống của dân tộc.

– Tích cực tham gia góp phần xây dựng quê hương bằng những việc làm thiết thực, phù hợp khả năng như: tham gia bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, xoá đói giảm nghèo, chống tiêu cực, tham nhũng, tham gia những hoạt động mang tính xã hội như hiến máu tình nguyện, làm tình nguyện viên…

– Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc.

Mỗi chúng ta để làm tốt điều này thì phải coi đây là một nghĩa vụ thiêng liêng cao quý của mỗi công dân. Từ đó chúng ta sẽ ý thức được Trách nhiệm của thanh niên, học sinh hiện nay là:

– Tích cực học tập, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ.

– Trung thành với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, Cảnh giác trước âm mưu chia rẽ, xuyên tạc của các thế lực thù địch; phê phán, đấu tranh với những thái độ, việc làm gây tổn hại đến an ninh quốc gia, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

– Tích cực tham gia các hoạt động an ninh, quốc phòng ở địa phương; tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa…

– Tham gia đăng kí tham gia huấn luyện nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi; sẵn sàng lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

– Vận động bạn bè, người thân thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Mỗi chúng ta khi sinh ra được sống trong nền hòa bình đã là một sự may mắn, chính vì vậy chúng ta cần phải cống hiến nhiều hơn để phát triển nước nhà vững mạnh, có thể chống lại mọi kẻ thù. Mỗi người khi học tập, lao động, tạo lập cho mình một cuộc sống tốt đẹp cũng chính là cống hiến cho tổ quốc. Bên cạnh đó, mỗi chúng ta cần phải yêu thương, giúp đỡ đồng bào, đoàn kết với mọi người vì điều đó không chỉ giúp cho chúng ta được yêu thương, trân trọng mà còn thể hiện sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Là một học sinh trước hết chúng ta cần học tập thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ, lễ phép với thầy cô. Có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. Luôn biết yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh,… Tuy nhiên vẫn còn có nhiều bạn chưa có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước, chỉ biết đến bản thân mình, coi việc chung là việc của người khác,… những người này đáng bị xã hội thẳng thắn lên án. Mỗi chúng ta cần phải cố gắng không chỉ vì tương lai của mình mà còn để xây dựng đất nước giàu đẹp xứng đáng với những gì được hưởng